

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

TP.HCM, tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN.....	6
1.1 Báo cáo thường niên năm 2023.....	6
1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên.....	6
1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
1.4 Thông điệp của Tổng giám đốc.....	8
1.5 Thành tựu nổi bật năm 2023	9
1.6 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.....	10
1.7 Quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.8 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
1.8.1 Lĩnh vực kinh doanh	12
1.8.2 Quy mô sản xuất	13
1.8.3 Địa bàn kinh doanh	14
1.9 Chuỗi giá trị của ngành dệt may.....	15
1.10 Triết lý kinh doanh.....	18
1.11 Mô hình kinh doanh	24
1.12 Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng.....	24
1.13 Cơ cấu tổ chức Công ty.....	27
1.14 Tình hình Công ty con, Công ty liên kết.....	28
2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	31
2.1 Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài	31
2.2 Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững	37
2.3 Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty	40
2.4 Phân tích SWOT	49
2.5 Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025.....	50
3 QUẢN TRỊ RỦI RO	51
3.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro.....	51
3.2 Hệ thống quản trị rủi ro của STK.....	52
3.3 Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro.....	54
3.4 Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu.....	54

3.5	Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2022-2023.....	58
4.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	59
4.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.....	59
4.1.1.	Tình hình thực hiện so với cùng kỳ.....	59
4.1.2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	60
4.1.3.	Tình hình tài chính.....	62
4.2.	Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	67
4.2.1.	Đánh giá chung của Ban điều hành.....	68
4.2.2.	Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất.....	68
4.2.3.	Đánh giá tình hình vay nợ.....	70
4.2.4.	Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái	71
4.2.5.	Đánh giá về tình hình tài chính.....	72
4.2.6.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	72
4.3.	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2024.....	73
4.4.	Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán.....	74
4.5.	Phát triển nguồn nhân lực.....	74
4.5.1.	Phúc lợi cho người lao động	76
4.5.2.	Công tác đào tạo	79
4.5.3.	Cộng đồng xã hội.....	81
5.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI	83
5.1.	Chiến lược phát triển bền vững.....	83
5.2.	Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững.....	85
5.3.	Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường	87
5.4.	Báo cáo tác động đến môi trường.....	88
5.4.1.	Vật liệu sử dụng.....	88
5.4.2.	Nhiên liệu tiêu thụ	90
5.4.3.	Nước tiêu thụ	94
5.4.4.	Phát thải	95
5.4.5.	Nước thải và Chất thải	98
5.4.6.	Tuân thủ về môi trường	100
5.5.	Thị trường vốn xanh.....	100

6.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....	101
6.1.	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ	101
6.2.	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con	101
7.	CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	102
7.1.	Thông tin cổ phiếu	102
7.2.	Lý do đầu tư cổ phiếu STK	103
7.3.	Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	103
7.4.	Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2023	109
7.5.	Giao dịch cổ phiếu quỹ	109
7.6.	Các chứng khoán khác	109
7.7.	Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.....	109
7.8.	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	110
7.9.	Chính sách chi trả cổ tức	111
7.10.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư.....	111
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	114
8.1.	Nguyên tắc Quản trị Công ty.....	114
8.2.	Mô hình quản trị.....	114
8.3.	Thông tin về Hội đồng quản trị	115
8.4.	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023	118
8.4.1.	Các cuộc họp HĐQT.....	118
8.4.2.	Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập	118
8.4.3.	Các Nghị quyết của HĐQT	118
8.4.4.	Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHCĐ	120
8.4.5.	Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập	121
8.4.6.	Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:.....	122
8.4.7.	Các tiểu ban HĐQT	123
8.4.8.	Đánh giá hoạt động của HĐQT	123
8.4.9.	Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành	123
8.4.10.	Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội.....	125
8.4.11.	Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2023	125
8.5.	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2024.....	126

8.6.	Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2024.....	126
8.7.	Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới.....	126
9.	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.....	127
9.1.	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.....	127
9.2.	Hoạt động của Ban kiểm soát.....	127
9.2.1.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	128
9.3.	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát	128
9.3.1.	Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023	128
9.3.2.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT.....	129
9.3.3.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành.....	129
9.3.4.	Giám sát tình hình tài chính của Công ty.....	129
9.3.5.	Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2023	129
9.3.6.	Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)	130
9.3.7.	Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2024	130
10.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....	130
10.1.	Ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	130
10.2.	Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan.....	131
10.3.	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2023	131
10.4.	Giao dịch với đối tượng khác.....	131
10.5.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành	131
10.5.1.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT	131
10.5.2.	Lương, thưởng và thù lao của BKS	132
10.5.3.	Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành	132
11.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT	133

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	GTGT	Giá trị gia tăng
BKS	Ban kiểm soát	HDQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CP	Cổ phần, cổ phiếu	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
DN	Doanh nghiệp	POY	Partially Oriented Yarn
DTY	Drawn Textured Yarn	PTBV	Phát triển bền vững
FDY	Fully Drawn Yarn	TGD	Tổng giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	THPT	Trung học phổ thông
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	TNCN	Thu nhập cá nhân
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
		ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản

1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 Báo cáo thường niên năm 2023

Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ cung cấp tổng quát các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2023.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF và được đăng tải công khai trên Website của Công ty tại đường dẫn www.theky.vn. Báo cáo được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh nhằm tiếp cận được đa dạng đối tượng các bên liên quan.

“Vượt bão thành công Năm rồng thịnh vượng”

Để sinh tồn và phát triển trong một thế giới thay đổi không ngừng và khó dự đoán, một doanh nghiệp có sức bền bỉ chống chọi với nghịch cảnh thôi vẫn chưa đủ mà phải có nội lực để xoay chuyển tình hình và giảm thiểu tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động của mình. Do đó, doanh nghiệp cần phải có khả năng thích ứng và cải thiện từ nghịch cảnh để trở nên thành công và khác biệt.

1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên

- ✓ Thành phần của báo cáo
 - Báo cáo thường niên
 - Báo cáo quản trị Công ty
 - Báo cáo phát triển bền vững
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
 - Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế
- ✓ Phạm vi của báo cáo
Niên độ năm tài chính: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- ✓ Các chuẩn mực áp dụng
 - Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
 - Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
 - Thẻ điểm quản trị ASEAN
 - Các quy trình theo chuẩn mực ISO
 - Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100
 - Chuẩn mực GRI
- ✓ Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy của Báo cáo thường niên
 - Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2023 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
 - Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu tổng cục Hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; các báo cáo kinh tế, ngành dệt may được đăng tải công khai.
 - Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
 - Dữ liệu về HDQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2023
 - Dữ liệu về cổ đông: Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp;

1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quý Cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Trước hết, với tư cách là Chủ Tịch HĐQT của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (“STK”), tôi xin thay mặt Công ty gửi lời cảm ơn sâu sắc đến khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, CBCNV và cổ đông đã hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty trong những năm qua.

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty. Tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và tầm nhìn về chiến lược kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong năm 2023, thuật ngữ “suy thoái kinh tế” đã trở nên quá quen thuộc với mọi người.

Suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng không chỉ đến vĩ mô, mà còn len lỏi đến từng doanh nghiệp dù là sản xuất hay dịch vụ còn hơn cả thời đại dịch Covid-19. Trong 4 năm kể từ đại dịch Covid 19, chưa năm nào kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may lại tăng trưởng âm như năm 2023 vừa qua. Sợi Thế Kỳ cũng không nằm ngoài vòng suy thoái đó, cũng bị ảnh hưởng ít nhiều bởi nhu cầu đơn hàng thấp từ các nhãn hàng. Tuy nhiên, trong khó khăn, gian khó mới thấy được bản lĩnh của ban lãnh đạo - người chèo lái doanh nghiệp đi qua khó khăn khi Công ty giữ vững phong độ là nhà xuất khẩu sợi hàng đầu Việt Nam. Bằng kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất sợi, chúng tôi định hướng doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất từ sợi nguyên sinh sang sợi tái chế với tỷ suất sinh lời cao và bảo vệ môi trường

Năm 2024 tới đây là năm đặc biệt hơn khi chúng tôi đưa vào hoạt động nhà máy Unitex giúp mở rộng công suất lên thêm 60%. Từ đây, sản lượng sản xuất, doanh thu và cả lợi nhuận của STK cũng sẽ tăng lên theo, đòi hỏi chúng tôi phải càng tập trung vào việc phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững, mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội, cổ đông, khách hàng và các đối tác khác. Việc hài hòa lợi ích của các bên liên quan (khách hàng, đối tác, nhà cung ứng, CBCNV, cổ đông và cộng đồng xã hội) cũng như chú trọng bảo vệ môi trường là nền tảng vững mạnh để STK đạt được sự tăng trưởng bền vững.

Công ty sẽ được tiếp tục kiện toàn công tác quản trị trong các năm tới nhằm nâng cao lợi ích cho các bên có liên quan.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành, CBCNV và sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý Cổ đông và Nhà đầu tư, tôi tin rằng STK sẽ duy trì sự phát triển bền vững trong những năm tới

Một lần nữa xin cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng quý báu của Quý khách hàng đối với Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ. Chúng ta sẽ cùng tiến lên phía trước cùng nhau, đạt được đỉnh cao thành công mới và tác động tích cực đến với thế giới.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶNG MỸ LINH

1.4 Thông điệp của Tổng giám đốc

Kính thưa quý nhà đầu tư và các bên liên quan.

Chúng tôi hân hạnh được công bố báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ. Hi vọng báo cáo này cung cấp được các thông tin hữu ích về tình hình xuất khẩu ngành dệt may nói chung, và thông tin nội tại của Công ty nói riêng.

Có lẽ chưa năm nào, suy thoái kinh tế lại ảnh hưởng đến các Công ty sản xuất, đặc biệt là sản xuất sản phẩm thượng nguồn trong chuỗi cung ứng dệt may như năm 2023. Sự hồi phục chậm chạp với nhu cầu về sản phẩm dệt may yếu đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số tài chính của Công ty theo hướng tiêu cực. Kết quả cả năm Công ty chỉ thực hiện được 66,3% kế hoạch doanh thu, 34,7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, dường như thị trường ngành dệt may đang có những tín hiệu tươi sáng hơn khi tích lũy tồn kho của các nhãn hàng đã qua thời kỳ lập đỉnh; nhận thức và sở thích ngày càng gia tăng của người tiêu dùng đối với sức khỏe của con người ngày càng cao; tốc độ tăng trưởng của thị trường ở mảng thời trang bình dân và cao cấp triểm vọng hơn so với năm 2023 khiến chúng tôi lạc quan hơn về thị trường trong năm 2024.

Bên cạnh đó, các nhãn hàng khắc khe hơn trong việc chọn nơi sourcing, các nước châu Âu và Mỹ sẽ ban hành các quy định về phát triển bền vững nhằm đạt các mục tiêu chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường nên đây có thể là một thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi nói chung nhưng lại là một cơ hội cho Công ty chúng tôi khi Công ty chúng tôi được các thương hiệu đánh giá cao về các tiêu chí ESG. Với lợi thế đó, cùng với khả năng cung ứng các sản phẩm có chất lượng cao (bao gồm sợi tái chế, sợi nhuộm, sợi mang tính năng đặc biệt), STK sẽ chủ động nắm bắt các cơ hội đang phát triển này để thúc đẩy doanh số bán hàng và tối ưu hóa lợi nhuận của mình.

Vì thế, dù kết quả năm 2023 không đạt được kế hoạch mong muốn, nhưng chúng tôi tự tin đặt kế hoạch 2024 khá tham vọng với kế hoạch doanh thu và lợi nhuận lần lượt tăng 89,7% và 242,3% vì muốn nắm bắt yêu cầu “xanh hóa ngành dệt may” và sự vận hành dự kiến của Công ty con Unitex vào quý 3 năm 2024.

Hi vọng, chúng tôi nhận được sự đồng tình và ủng hộ của quý nhà đầu tư và các bên liên quan để đạt được các mục tiêu mà chúng tôi đặt ra mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội, nhà đầu tư trong năm 2024 này.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG TRIỆU HÒA

1.5 Thành tựu nổi bật năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản hợp nhất	2.973,9	Sợi tái chế trên Doanh thu	49,5%
2	Vốn chủ sở hữu hợp nhất	1.628,9	GPM %	13,5%
3	Tổng doanh thu bán hàng hợp nhất	1.425,1	ROS %	6,2%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	87,8	ROA %	3,0%
5	Vốn điều lệ	966,4	ROE %	5,4%

Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2023 do HOSE tổ chức

- Giải doanh nghiệp báo cáo đầy đủ nhất báo cáo Phát triển bền vững.
- Top 10 quản trị Công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa.
- Top 20 báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm ngành phi tài chính.



Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV trong khuôn khổ chương trình CSI100

- Đạt Top 19 trên 100 Doanh nghiệp PTBV Việt Nam (lần thứ 8 liên tiếp).



Diễn đàn thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 6 (AF6) do Hội đồng quản trị Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức

- Đạt giải Hội đồng quản trị của năm 2023 - top 5 hội đồng quản trị xuất sắc nhất.

1.6 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation.
Tên giao dịch	Century Corp.
Mã chứng khoán	STK (HSX).
Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ	966.369.240.000 đồng.
Điện thoại	+ 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536.
Fax	84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537.
Email	csf@century.vn
Website	www.thekey.vn
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

1.7 Quá trình hình thành và phát triển

2000	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi ngày 01/06/2000 Sản phẩm chính: DTY Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm.
2005	<ul style="list-style-type: none"> Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.
2008	<ul style="list-style-type: none"> Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ năm & 15.000 tấn DTY/ năm.
2011	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển sản phẩm mới FDY Mở rộng công suất toàn Công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/ năm.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới sợi tái chế Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2016	<ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu sản xuất sợi tái chế • Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.
2017	<ul style="list-style-type: none"> • Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công • Nâng tổng công suất lên 63.000 tấn/năm.
2019	<ul style="list-style-type: none"> • Kiên định thực hiện mục tiêu • Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ • Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.
2020	<ul style="list-style-type: none"> • Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch • Đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2020 sau khi điều chỉnh • Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao • Triển khai dự án điện mặt trời áp mái.
2021	<ul style="list-style-type: none"> • Lửa thử vàng, gian nan thử sức • Triển khai Dự án mở rộng công suất ở Công ty con • Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, giảm phát thải CO2 • Lợi nhuận năm 2021 vượt kế hoạch.
2022	<ul style="list-style-type: none"> • Kiên trì với chiến lược kinh doanh cốt lõi • Dự án mở rộng công suất ở Công ty con đang trong quá trình xây dựng • Áp dụng các sáng kiến PTBV, tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sợi tái chế.
2023	<ul style="list-style-type: none"> • Dự án Unitex đang triển khai đúng tiến độ, dự kiến bắt đầu đưa vào hoạt động giai đoạn 1 (36.000 tấn/năm) từ Q3.2024. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99.000 tấn/năm.

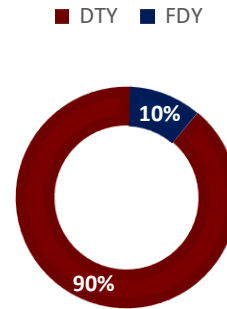
1.8 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.8.1 Lĩnh vực kinh doanh

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài Polyester, bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn) và FDY (Fully Drawn Yarn).

Công ty đang phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường như Dope Dye, Recycle Dope Dye, Ocean, Repreve.

Phát triển các sợi tính năng, sợi màu, các loại sợi đặc biệt như: CD, FD, HCR, QD... có giá trị gia tăng cao.



Các sản phẩm đang sản xuất

DTY	FDY	Cationic Dyeable Yarn
 Virgin	 Virgin	 Virgin
 Recycle	 Recycle	 Recycle
High CR		
Quick Dry		
Soft Package		

Phát triển Các sản phẩm mới



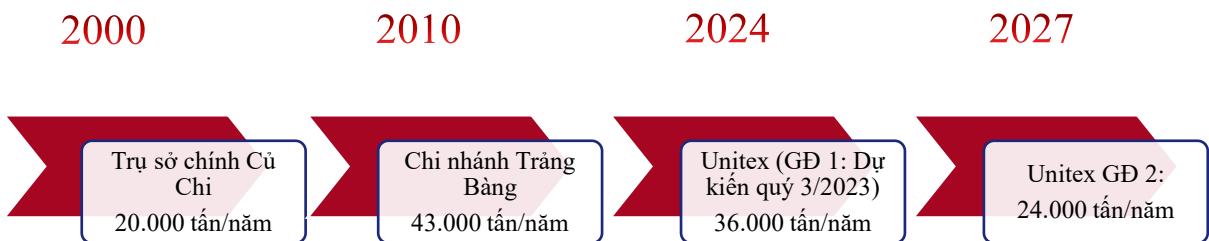


Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải Polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quần y tế...

1.8.2 Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 80.000 m².

Năm 2023, Sợi Thê Kỳ có xây dựng thêm nhà máy Unitex, mở rộng thêm 60% công suất hiện tại. Sẽ đưa vào hoạt động từ quý Q3.2024. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99.000 tấn/năm.





2 nhà máy sản xuất
(spinning/texturizing)



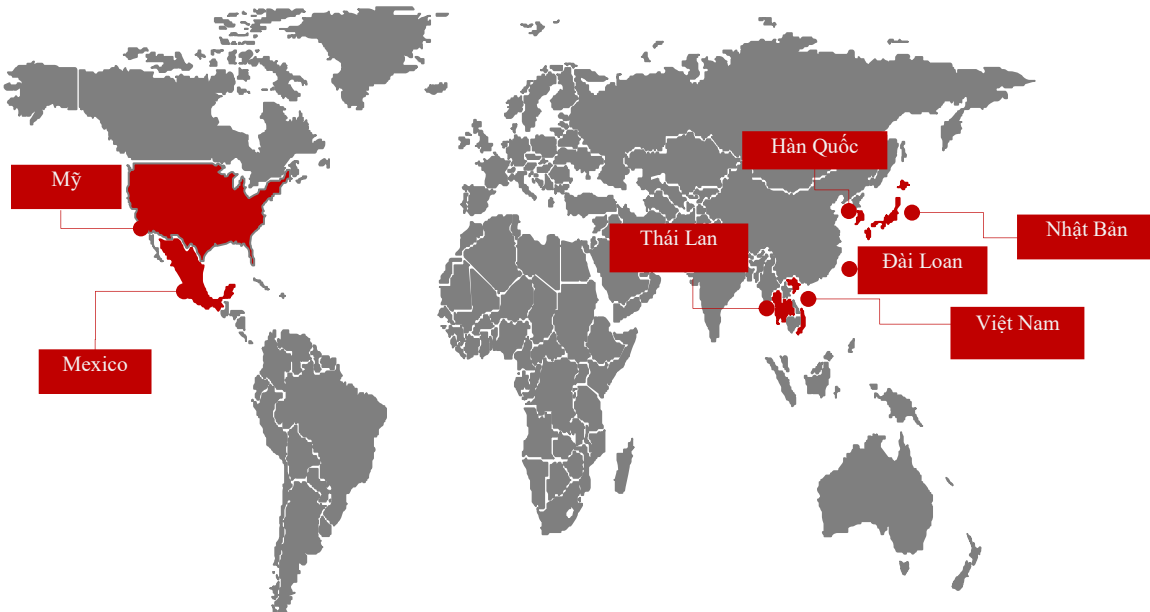
Diện tích 80.000 m²

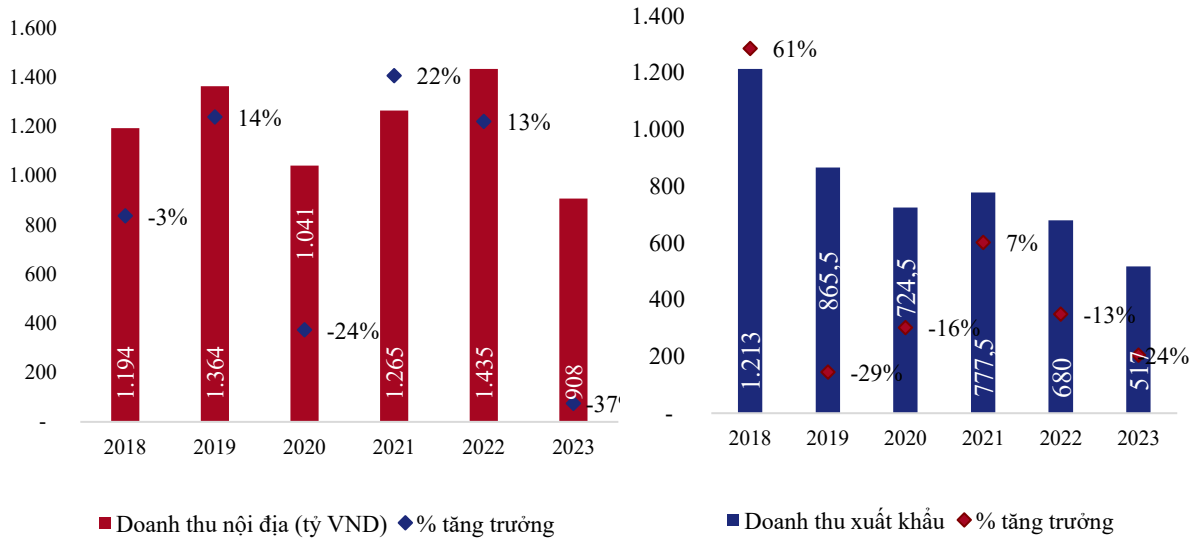


797 nhân viên



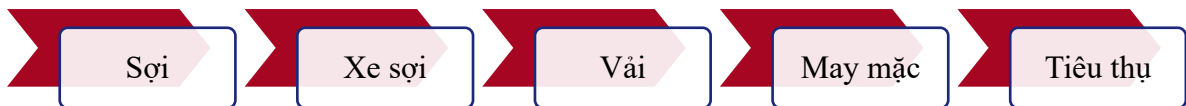
1.8.3 Địa bàn kinh doanh





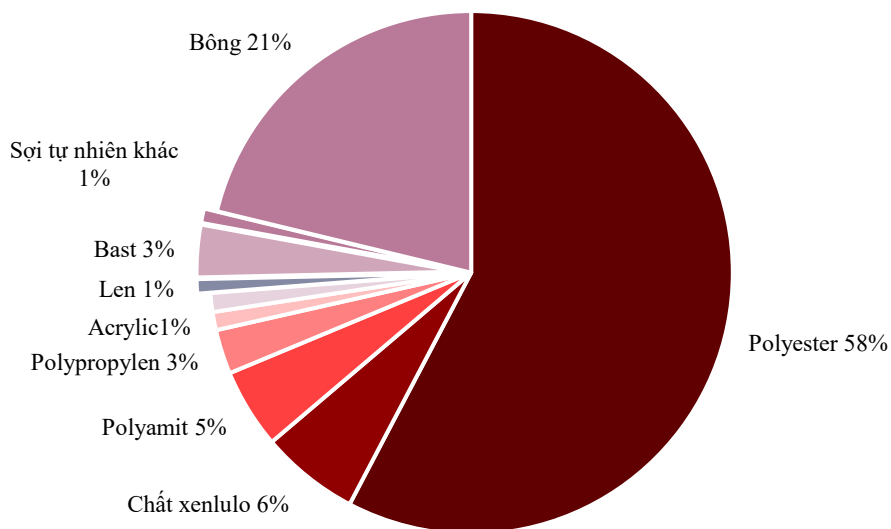
800 khách hàng trên toàn thế giới với 690 khách hàng đang giao dịch thường xuyên.

1.9 Chuỗi giá trị của ngành dệt may



Trong đó:

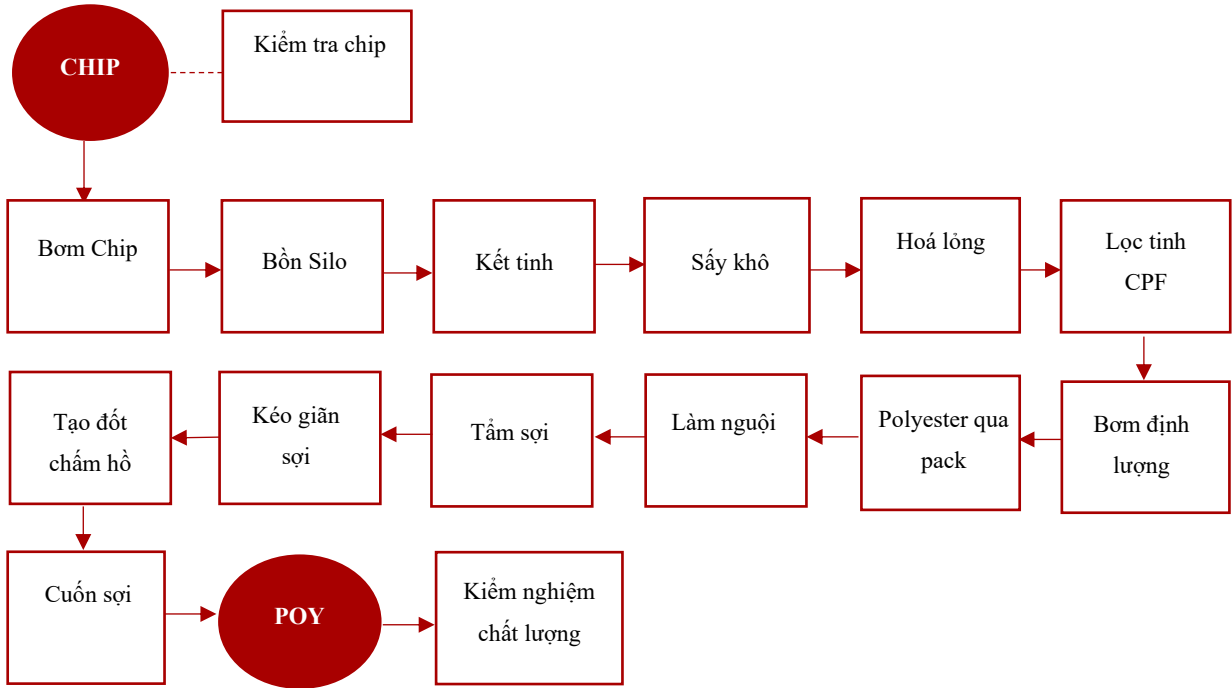
**Tổng sản phẩm sợi sợi toàn cầu năm 2022
118.6 triệu tấn**



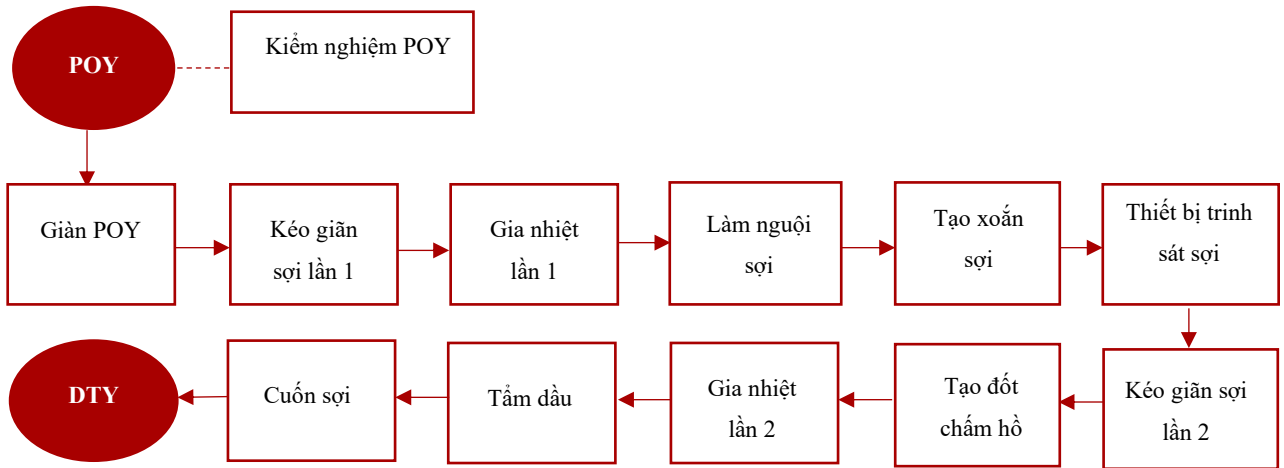
Nguồn: The Fiber Year 2023

Quy trình sản xuất sợi ở Sợi Thế Kỷ

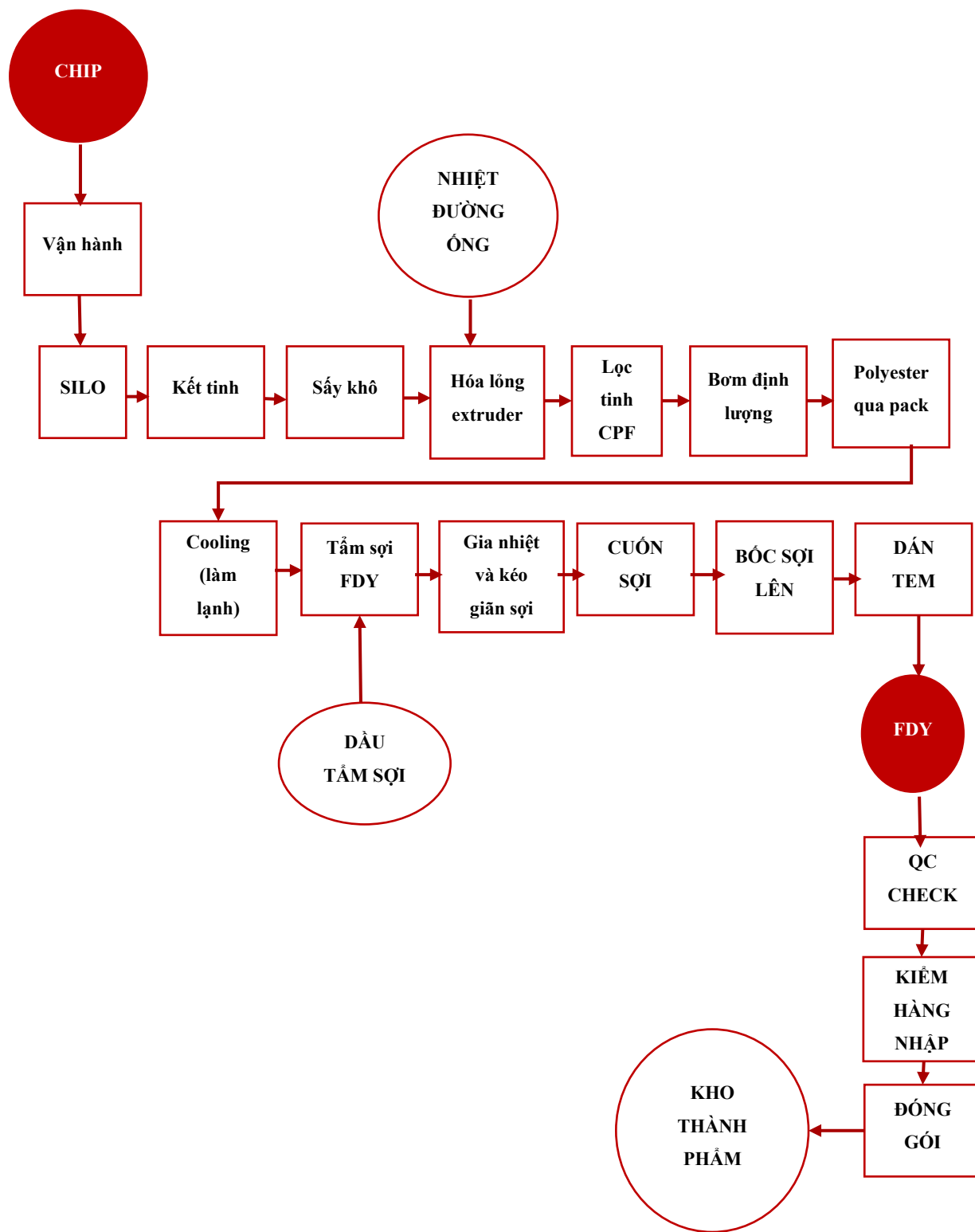
Sản xuất POY



Sản xuất DTY



Sản xuất FDY



1.10 Triết lý kinh doanh

TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

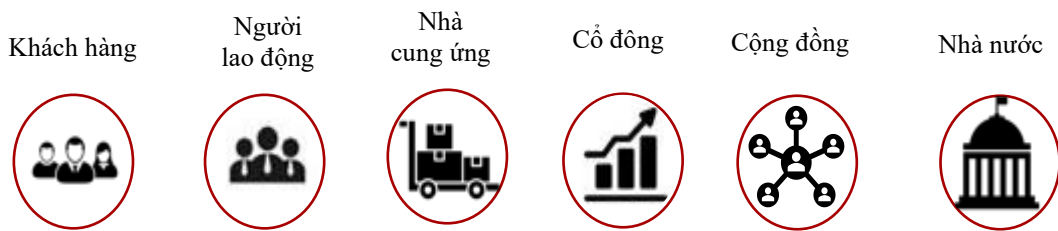
CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CAM KẾT

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan



PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên.

LIÊN TỤC CÀU TIẾN

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động; phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Gắn kết giá trị các bên liên quan

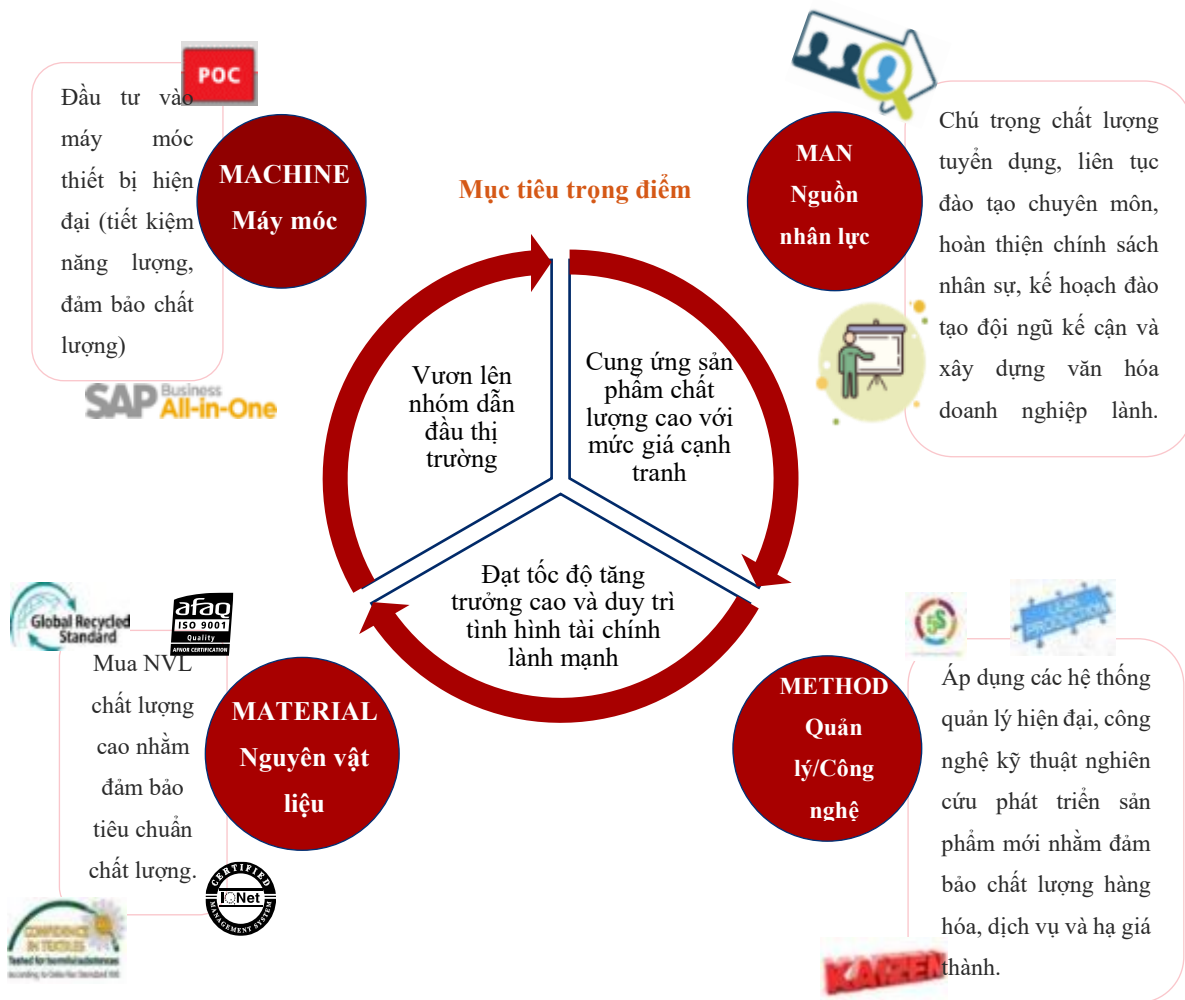
Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK 2023 để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
<p>Cổ đông</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cuộc họp ĐHCĐ. • Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. • Hội thảo và tham quan nhà máy. • Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. • Bản tin IR, Investor Day, Analyst’s meetings, factory visit. 	<ul style="list-style-type: none"> • Minh bạch thông tin. • Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. • Quản trị doanh nghiệp tốt. • Định hướng phát triển lâu dài. • Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. • Định hướng phát triển bền vững. • Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). • Chính sách cổ tức. • Thù lao cho HĐQT, BKS, BĐH. • Giá trị của doanh nghiệp. • Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu đạt 1.425 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 87,8 tỷ VND, hoàn thành lần lượt 66,3% và 34,7% và kế hoạch đề ra. • Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. • Duy trì tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu cao 49,5% 2023. • Phát triển thêm các sản phẩm thân thiện với môi trường như: Các sản phẩm phát triển mới: FDY Dope Dye Color, DTY CD Melange Recycle, DTY Super HCR, FDY triangle, DTY Thick&Thin, thúc đẩy nhu cầu sợi Recycle thông qua việc tích hợp nhiều tính năng đặc biệt và thân thiện với môi trường Recycle Plus. • Thực hiện CBTT đầy đủ và kịp thời theo quy định. • Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. • Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% (04/07/2023) cho năm tài chính 2022. • Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với tổng số lượng 13,5 triệu cổ phần (đã nộp hồ sơ tháng 11/2023). • Phối hợp với tổ chức World Wide Fund for Nature thực hiện giám sát và đo lường mức phát thải carbon footprint tại Công ty.

<p>Khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Trao đổi trực tiếp. • Các buổi gặp mặt, đến thăm Công ty khách hàng. • Phiếu khảo sát khách hàng. • Website Công ty • Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. • Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín. • Chất lượng sản phẩm-dịch vụ. • Giá cả cạnh tranh. • Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. • Dịch vụ khách hàng vượt trội. • Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. • Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. • Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. • Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint . 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuộm rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. • Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. • Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. • Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. • Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. • Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm. • Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. • Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại • Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. • Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). • Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. <p>Tái chế lại phế phẩm thành nguyên liệu hạt Chip đầu vào</p>
<p>Người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chương trình Tôn chỉ. • Các cuộc họp giao ban. • Đối thoại định kỳ với người lao động. • Hội nghị người lao động hàng năm. • Trực tiếp trao đổi với người quản lý. • Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. 	<ul style="list-style-type: none"> • Môi trường làm việc thoải mái an toàn. • Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. • Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. • Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. • Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. • Cơ hội thăng tiến trong công việc • Tầm nhìn của người lãnh đạo. • Sự công bằng và dân chủ. • Không phân biệt đối xử. • An toàn lao động trong nơi làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. • Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 19 người • Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. • Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. • Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc. • Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe. • Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. • Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm – 13-14/12/2023. • Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.

	<ul style="list-style-type: none"> • Phiên họp thương lượng tập thể. • Khảo sát người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công việc ổn định và được hướng dẫn. 	
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> • Gặp gỡ trực tiếp. • Tham quan nhà máy. • Thông qua email, điện thoại. • Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> • Uy tín, cộng tác dài lâu. • Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. • Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. • Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. • Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. • Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. • Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. • Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. • Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. • Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. • Hỗ trợ phát triển cộng đồng. • Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. • Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. • Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. • Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. • Ủng hộ chủ trương của nhà nước. • Nộp thuế đầy đủ. • Hỗ trợ phát triển địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
Ngân hàng đối tác	<ul style="list-style-type: none"> • Các cuộc gặp mặt trực tiếp. • Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững và uy tín. • Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. • Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. • Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. • Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. • Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương.

	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. • Các hoạt động xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. • Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. • Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. • Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. • Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. • Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, Dintsun. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
<p>Hiệp hội ngành (VCOSA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. • Đóng góp hội phí thường niên. • Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

1.11 Mô hình kinh doanh



Trong những năm gần đây các thương hiệu thời trang hàng đầu có xu hướng giảm thời gian giao hàng (lead time) nhằm cắt giảm tồn kho để đối phó với rủi ro thị trường và đồng thời có yêu cầu về chất lượng rất nghiêm ngặt nhằm hạn chế phải làm lại hàng. Đứng trước những thách thức đó, Công ty đang kiện toàn hoạt động kiểm soát chất lượng, triển khai dự án smart factory để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà máy.

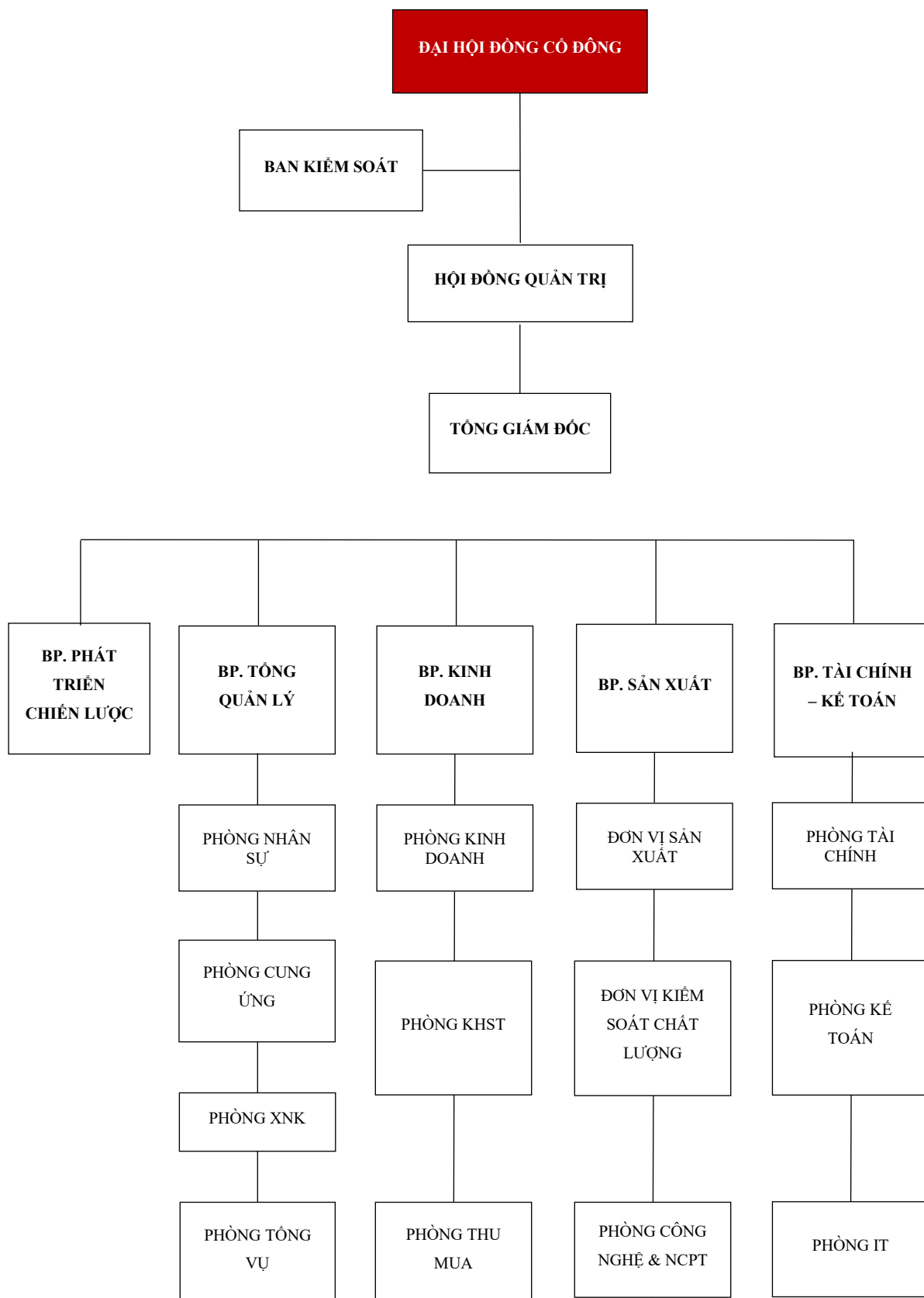
1.12 Vị thế của Sợi Thế Kỷ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

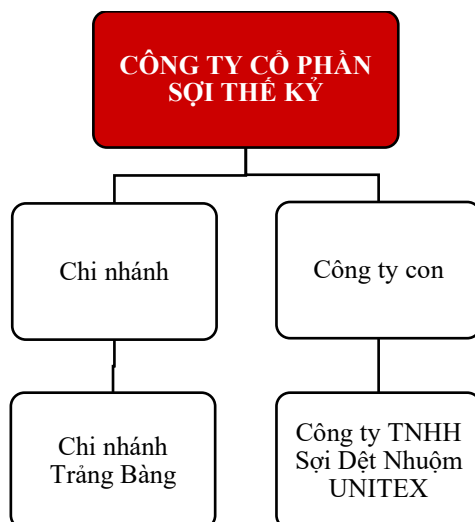
Sợi Thế Kỷ là 1 trong ít những doanh nghiệp sản xuất sợi Polyester Filament với thị phần đứng thứ 3 Việt Nam. Các sản phẩm sợi Polyester Filament của STK được đánh giá hàng đầu về mặt chất lượng. Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỷ đã và đang vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

Các yếu tố đầu vào	Cụ thể hóa yếu tố đầu vào	Kết quả đầu ra
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông). 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hiệu quả thông qua hoạt động đầu tư dự án, mở rộng công suất. Đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm. Chi trả cổ tức với tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu.
	<ul style="list-style-type: none"> Vốn vay từ các tổ chức tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn để tài trợ cho các dự án tăng công suất, vốn lưu động, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.
Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng được đội ngũ nhân viên kế thừa lành nghề và giàu tinh thần trách nhiệm. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và đào tạo. Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động. Chính sách phúc lợi hợp lý, tạo động lực cho NLĐ gia tăng hiệu quả sản xuất.
Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình và vô hình	<ul style="list-style-type: none"> Công suất tối đa: 63.000 tấn/năm. Mở rộng thêm nhà máy Unitex giai đoạn 1 với công suất 36.000 tấn/năm (dự kiến đưa vào hoạt động quý 3/2024) Tổng tài sản (hợp nhất) đạt 2.973,8 tỷ đồng. Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất POC. Hệ thống quản lý phần mềm kế toán tài chính-nhân sự SAP. Mạng lưới khách hàng nội địa và xuất khẩu. Danh tiếng và vị thế của Công ty trên thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Máy móc được nhập khẩu từ công nghệ châu Âu tiên tiến bậc nhất trên thế giới (Đức). Áp dụng CNTT để gia tăng hiệu quả giám sát quá trình sản xuất sản xuất, giảm giá thành sản xuất; theo dõi và rút kinh nghiệm để cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn dẫn đầu trong ngành sợi về chất lượng cao đi đôi giá cả hợp lý, mở rộng và duy trì được mạng lưới khách hàng.

<p>Quản trị doanh nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống quản trị rủi ro. • Mô hình quản trị áp dụng những thông lệ tốt trong nước và quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng Kiểm toán nội bộ để củng cố “hàng phòng ngự” trong việc kiểm soát rủi ro từ nội bộ. • Người phụ trách về quản trị Công ty có vai trò theo dõi và đưa ra sáng kiến cải thiện quản trị; đồng thời kết hợp với chỉ đạo từ HĐQT để giữ vững được tính minh bạch trong việc quản trị Công ty theo chuẩn mực trong nước và quốc tế.
<p>Yếu tố xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng thay đổi của văn hóa tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính, văn hóa quốc gia vùng lãnh thổ... 	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm bắt được những thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng để mở ra cơ hội phát triển sản phẩm mới và phân khúc thị trường mới; đón đầu được xu hướng mới trong ngành và chuỗi cung ứng trong nước và trên toàn cầu.
<p>Yếu tố môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành sản xuất sợi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các sáng kiến PTBV để giảm thiểu khí thải CO2, giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và lượng tiêu thụ nước sạch.

1.13 Cơ cấu tổ chức Công ty





1.14 Tình hình Công ty con, Công ty liên kết

Thông tin Công ty con, công tin liên kết

Tên đơn vị	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX
Vốn điều lệ	522.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	100%
Địa chỉ	Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất sợi

Tên đơn vị	CÔNG TY TNHH DINTSUN VIỆT NAM
Vốn điều lệ	276.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	5%
Địa chỉ	Thửa đất số 1562, Tờ bản đồ số 8, Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
Lĩnh vực kinh doanh đăng ký	Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng, sản xuất, gia công hàng may mặc.

Tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX			
Chỉ tiêu (đồng)	Năm 2023	Năm 2022	±%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.269.361.007	2.018.205.268	12,4%
Chi phí tài chính	(1.059.456.301)	(4.218.968.733)	-74,9%
Lợi nhuận thuần từ HDKD	(930.815.541)	(3.793.432.514)	-75,5%
Lợi nhuận sau thuế	436.783.550	(3.793.432.514)	-111,5%
Tài sản ngắn hạn	445.301.557.082	354.473.954.246	25,6%
Tài sản dài hạn	835.852.751.889	108.008.825.234	673,9%
Nợ phải trả	762.676.198.275	244.341.262.334	212,1%
Vốn chủ sở hữu	518.478.110.696	218.141.517.146	137,7%
Tổng tài sản	1.281.154.308.971	462.482.779.480	177,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty TNHH Một Thành Viên Sợi, Dệt Nhuộm Unitex

Hiện nay UNITEX chưa triển khai hoạt động. Do đó, mới chỉ ghi nhận chi phí phát triển dự án.

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2023	2022
Lãi tiền gửi	230.046.606	1.966.384.962
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.841.039.869	50.006.237
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	198.274.532	1.814.069
Tổng cộng	2.269.361.007	2.018.205.268

Chi tiết chi phí tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2023	2022
Chi phí lãi vay		3.925.728.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.059.456.301	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		293.240.500
Tổng cộng	1.059.456.301	4.218.968.733

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2023	2022
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1.209.904.706	(2.200.763.465)

CÔNG TY TNHH DINTSUN VIỆT NAM			
Chỉ tiêu (USD)	Năm 2023	Năm 2022	% +/-
Doanh thu hoạt động tài chính	109.450,48	198.671,50	-44,9%
Chi phí tài chính	47.007,19	12.215,93	284,8%
Lợi nhuận thuần từ HDKD	(16.032,77)	131.017,98	-112,2%
Lợi nhuận sau thuế	(19/524,14)	131.013,60	-114,9%
Tài sản ngắn hạn	860.459,29	912.797,28	-5,7%
Tài sản dài hạn	15.403.967,58	14.580.405,47	5,6%
Nợ phải trả	4.515.842,69	3.725.094,43	21,2%
Vốn chủ sở hữu	11.748.584,18	11.768.108,32	-0,2%
Tổng tài sản	16.264.426,87	15.493.202,75	5,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty TNHH Dintsun Việt Nam.

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (USD)	2023	2022
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104,92	337,08
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.132,03	145.876,14
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	108.213,53	52.458,28
Tổng cộng	109.450,48	198.671,50

Chi tiết chi phí tài chính

Chỉ tiêu (USD)	2023	2022
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	47.007,19	12.215,93
Tổng cộng	47.007,19	12.215,93

Lợi nhuận hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (USD)	2023	2022
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	62.443,29	186.455,57

2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

2.1 Tổng quan ngành dệt may và phân ngành xơ sợi dài

Tình hình xuất khẩu hàng dệt may và giày dép của các đối thủ Việt Nam ở các thị trường chủ yếu

Thị trường	STT	Nước	Xuất khẩu giày dép 11T2023 (Triệu USD)	Xuất khẩu dệt may dệt may 11T2023 (Triệu USD)	Tăng trưởng XK giày dép 11T2023/ 11T2022	Tăng trưởng xuất khẩu dệt may 11T2023/ 11T2022
Australia	1	Bangladesh	9,6	808,6	-8,7%	-6,4%
	2	China	788,9	4.301,7	-15,5%	-14,6%
	3	India	28,3	336,7	-14,8%	1,7%
	4	Indonesia	174,6	243,5	-12,0%	-6,8%
	5	Mexico	2,9	17,2	24,7%	-14,1%
	6	Việt Nam	458,1	526,3	-14,3%	4,8%
	7	Tổng	3.650,7	14.566,8	-12,4%	-10,0%
Canada	1	Bangladesh	50,1	1,338,6	-22,3%	-17,0%
	2	China	796,7	2,974,5	-21,1%	-15,5%
	3	India	35,6	340,5	-24,4%	-12,4%
	4	Indonesia	131,2	303,4	-13,4%	-8,1%
	5	Mexico	21,1	208,1	-1,2%	-13,2%
	6	Việt Nam	663,7	1,430,0	-13,1%	-12,8%
	7	Tổng	4.879,3	20.167,5	-15,8%	-13,1%
European Union	1	Bangladesh	445,9	17,569,5	-19,2%	-17,5%
	2	China	7,712,4	22,857,9	-27,4%	-18,5%
	3	India	1,187,3	4,129,8	-5,6%	-9,7%
	4	Indonesia	1,586,5	987,0	-21,6%	-23,2%
	5	Mexico	14,0	76,7	67,2%	3,1%
	6	Việt Nam	5,353,1	3,766,1	-6,1%	-11,0%
	7	Tổng	44.040,5	167.011,8	-14,9%	-13,2%
Japan	1	Bangladesh	51,4	1,161,6	-15,0%	-6,2%
	2	China	2,047,1	11,349,0	-8,0%	-11,9%
	3	India	55,1	221,3	-10,9%	-1,3%
	4	Indonesia	368,1	743,8	0,6%	3,4%
	5	Mexico	1,1	19,5	-10,7%	-3,1%

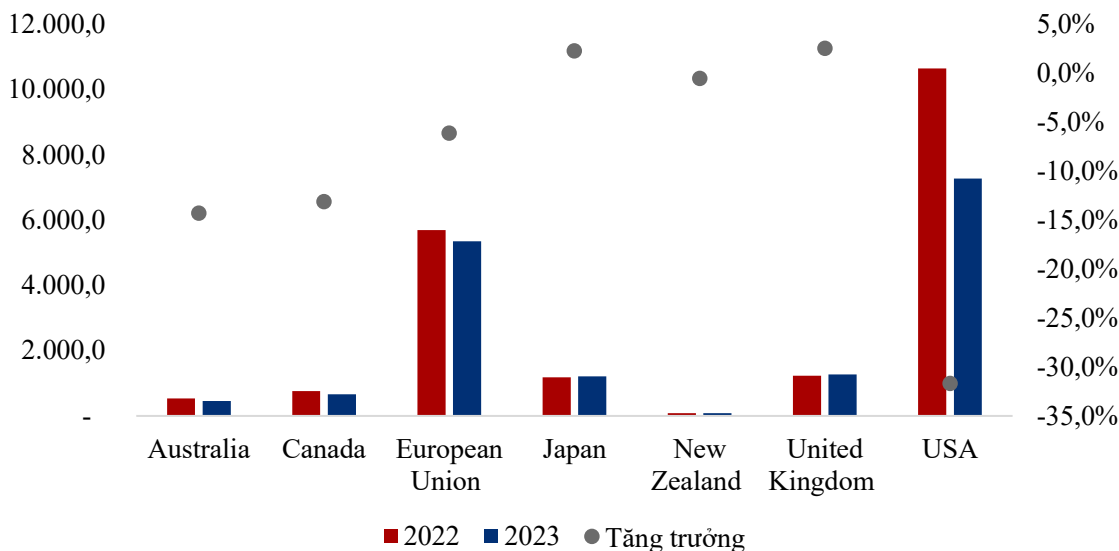
	6	Việt Nam	1,212,5	3,768,2	2,3%	4,2%
	7	Tổng	9.438,2	44.054,9	-1,5%	-4,9%
	1	Bangladesh	1,6	133,4	-11,3%	4,2%
	2	China	128,4	682,5	-10,1%	-11,7%
	3	India	4,4	47,7	-27,8%	3,1%
	4	Indonesia	28,0	41,1	-7,6%	-4,6%
	5	Mexico	0,2	1,5	32,0%	-20,7%
New Zealand	6	Việt Nam	84,4	67,6	-0,5%	5,8%
	7	Tổng	610,3	2.306,5	-7,7%	-7,2%
	1	Bangladesh	26,2	3,738,4	-37,6%	-9,7%
	2	China	1,549,6	4,565,6	-25,9%	-19,1%
	3	India	236,6	1,193,6	-14,5%	-10,2%
	4	Indonesia	461,6	228,9	-12,9%	-15,8%
	5	Mexico	1,1	20,4	-29,0%	-0,9%
United Kingdom	6	Việt Nam	1,267,3	951,0	2,6%	-7,1%
	7	Tổng	10.033,3	37.927,6	-12,6%	-14,1%
	1	Bangladesh	212,1	6,754,8	-50,7%	-26,2%
	2	China	9,322,9	16,598,1	-33,0%	-25,7%
	3	India	438,5	4,378,1	-42,5%	-22,2%
	4	Indonesia	2,039,6	4,059,0	-33,6%	-27,2%
	5	Mexico	710,9	2,760,8	-5,0%	-9,9%
	6	Việt Nam	7,280,0	13,403,9	-31,7%	-24,1%
USA	7	Tổng	49.434,9	15.1735,8	-30,4%	-23,0%

Nguồn: UNCOMTRADE và tổng hợp

Có thể thấy, Việt Nam không phải là quốc gia duy nhất giảm giá trị xuất khẩu hàng giày dép và dệt may bởi tác động của suy thoái kinh tế và việc các nhãn hàng tích trữ lượng tồn kho cao sau đại dịch. Cụ thể, các đối thủ chính của Việt Nam trên các thị trường xuất khẩu chủ chốt: Anh, Nhật Bản, EU, Mỹ là Trung Quốc, Bangladesh và Indonesia cũng bị giảm giá trị kim ngạch xuất khẩu 11Th2023 và Việt Nam giảm ít hơn so với các đối thủ ở các thị trường trên.

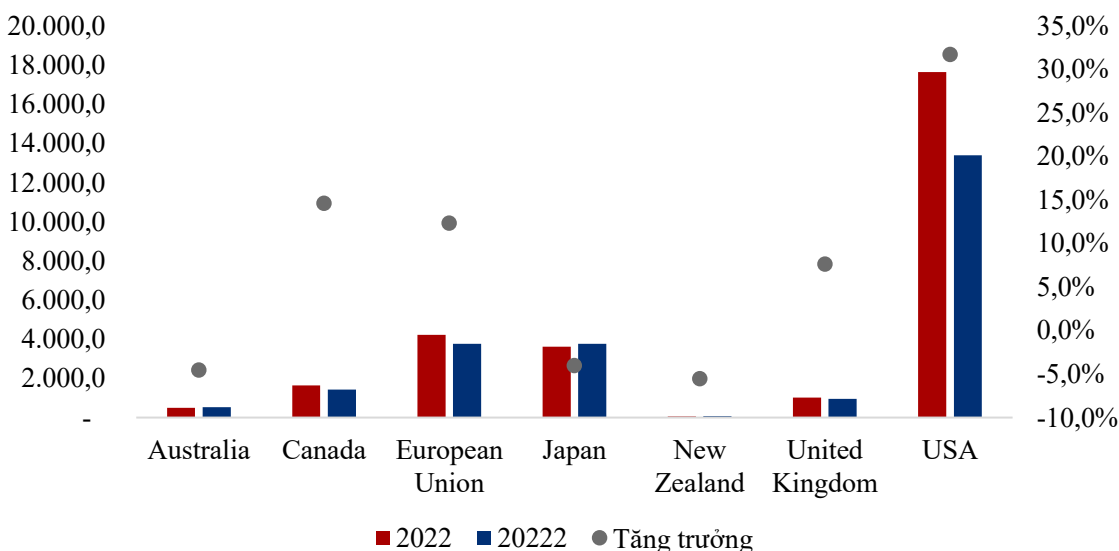
Tình hình xuất khẩu hàng dệt may và giày dép của Việt Nam ở các thị trường chủ yếu

Giá trị xuất khẩu giày dép Việt Nam qua các thị trường chủ yếu 11T2023 (Triệu USD)



Nguồn: UNCOMTRADE và tổng hợp

Giá trị xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam qua các thị trường chủ yếu 11T2023 (Triệu USD)



Nguồn: UNCOMTRADE và tổng hợp

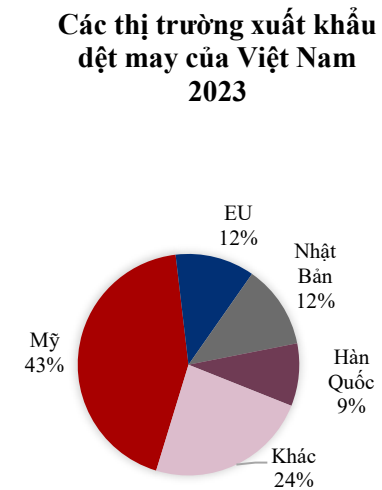
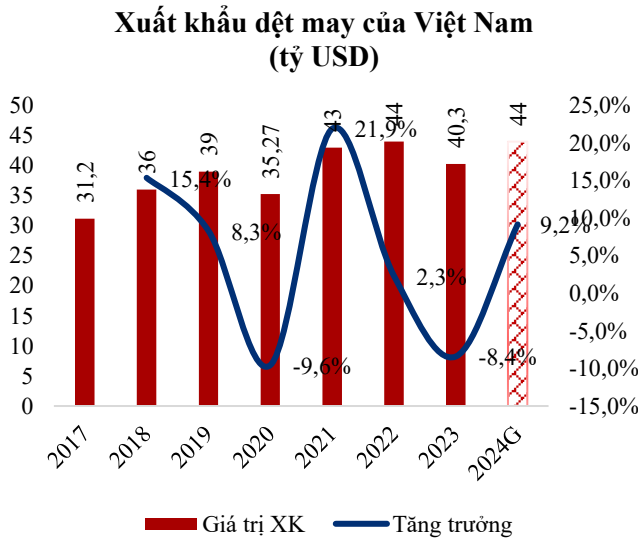
Trong 11 tháng 2023, giá trị xuất khẩu hàng dệt may và giày dép của Việt Nam qua các thị trường hầu hết đều giảm. **Cụ thể:**

- Đối với giày dép, xuất khẩu sang các thị trường Australia, Canada, EU, New Zealand giảm lần lượt 14,3%, 13,1%, 6,1%, 0,5% và đặc biệt tại thị trường Mỹ giảm 31,7%. Điểm sáng xuất khẩu hàng dệt may là tăng ở thị trường Nhật Bản và UK lần lượt 2,3% và 2,6%

- Đối với hàng dệt may, xuất khẩu sáng các thị trường Canada, EU, UK giảm lần lượt 12,8% 11%, 7,1%. Điểm sáng xuất khẩu hàng dệt may là tăng ở các thị trường Australia, Nhật Bản, New Zealand lần lượt 4,8%, 4,2%, 5,8%.

Tình hình ngành dệt may trong nước và ngoài nước

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam ước đạt 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với cùng kỳ do suy thoái kinh tế toàn cầu, nhu cầu thị trường yếu và tỷ lệ tồn kho của các nhãn hàng vẫn còn cao.

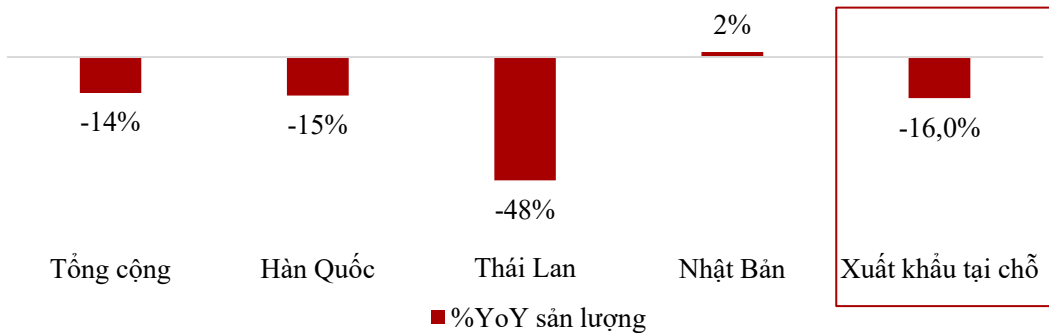


Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam

Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam

Phân ngành sợi xơ dài (Polyester Filament)

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sợi Polyester Filament của Việt Nam tại các thị trường năm 2023 so với cùng kỳ

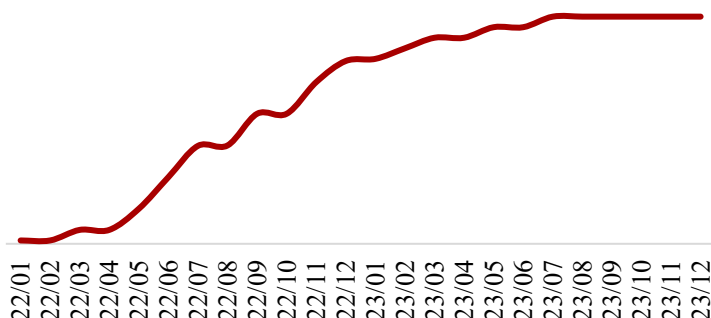


Nguồn: STK tổng hợp

Ngành sợi Polyester Filament của Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng âm về sản lượng. Ngoại trừ thị trường Nhật Bản đạt mức tăng trưởng dương, các thị trường chủ chốt khác đều tăng trưởng âm so với năm 2022. Đặc biệt, thị trường Thái Lan giảm đáng kể.

Tình hình lãi suất năm 2023

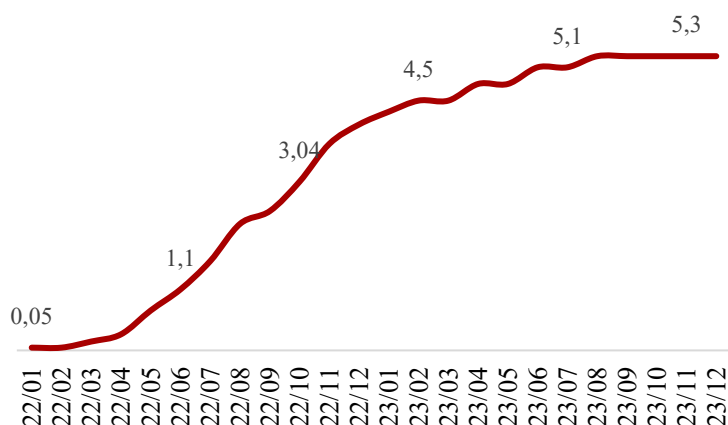
Lãi suất Quỹ liên bang (%) (Federal Fund Rate)



Nguồn: www.global-rates.com

Trong năm 2023, để kiểm soát lạm phát, Fed đã tăng lãi suất và thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. Nhờ đó, năm 2023 Mỹ đã đạt vượt mức tăng trưởng kỳ vọng, đồng thời lạm phát tiếp tục giảm tốc.

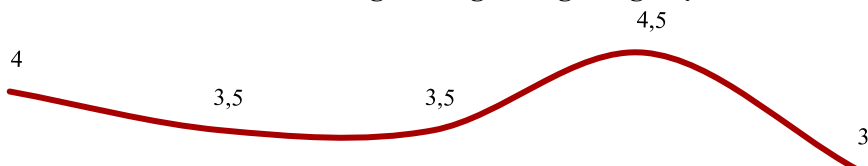
Lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm % (SOFR)



Nguồn: Investing.com

Trong khi đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã giảm lãi suất trong năm 2023 nhằm thực hiện chủ trương tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân. Do đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại cũng giảm tương ứng trong kỳ.

Lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Trung ương Việt Nam



Nguồn: sbv.gov.vn

2019

2020

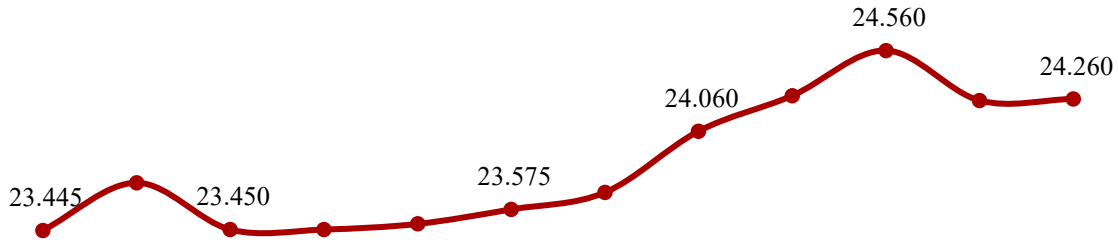
2021

2022

2023

Tình hình tỷ giá VND/USD và các đồng tiền khác năm 2023

Tình hình tỷ giá VND/USD năm 2023



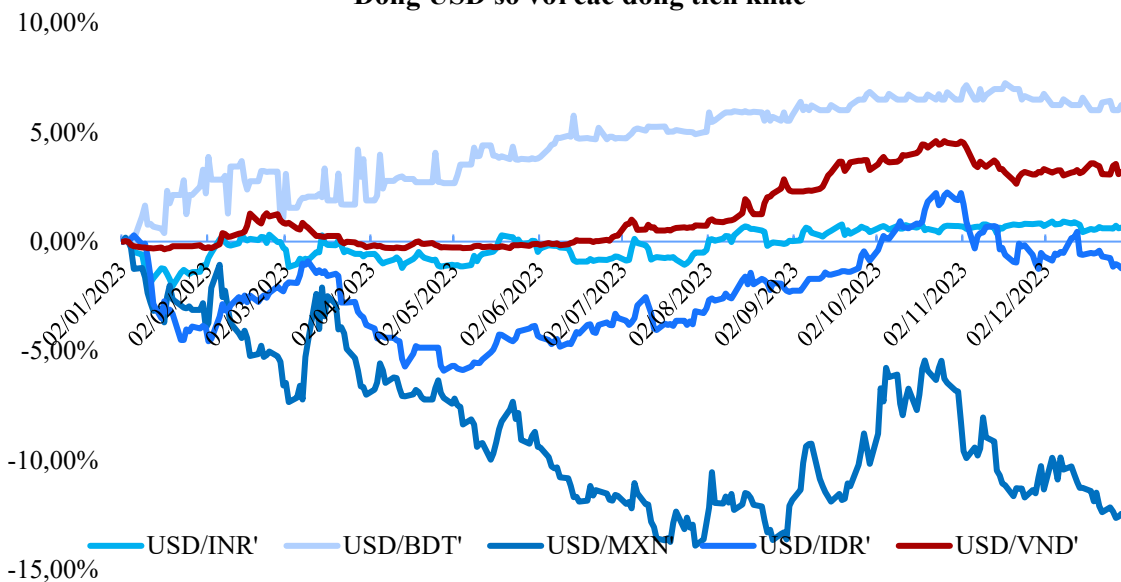
Nguồn: Investing.com

Do đồng USD mạnh lên cùng với những bất ổn của thị trường tài chính Việt Nam, tỷ giá VND/USD đã tăng 4,8% trước khi hạ nhiệt vào cuối năm. Tính chung cả năm 2023, tỷ giá VND/USD tăng 3,5%. Những biến động bất ngờ của tỷ giá trong giai đoạn tháng 8-tháng 10/2023 đã làm tăng chi phí tài chính thuần của Công ty lên 12,1 tỷ đồng so với kế hoạch.

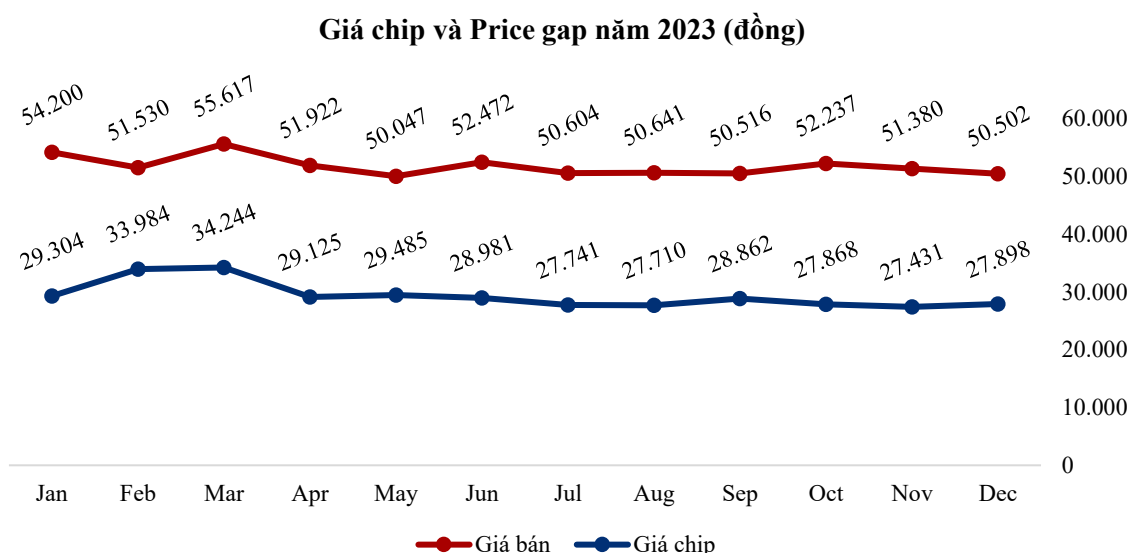
Để đối phó với các rủi ro tài chính như biến động tỷ giá, lãi suất, giá cả, Công ty đã kiện toàn công tác kế hoạch để tối ưu hóa việc mua hàng, quản lý tồn kho, sử dụng các nguồn vốn một cách linh hoạt để trả nợ nhằm hạn chế chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá.

So sánh với mức độ trượt giá của đồng tiền các nước đối thủ so với USD: Rupee Ấn Độ (INR), Taka (BDT) Bangladesh, Peso (MXN) của Mexico, Rupial (IDR) của Indonesia, Đồng Việt Nam.

Đồng USD so với các đồng tiền khác



Nguồn: Investing.com



Nguồn: STK tổng hợp

Giá hạt nhựa bình quân năm 2023 đã giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giá hạt nhựa nguyên sinh giảm 7,2%, song giá hạt nhựa tái chế tăng 2%.

Giá bán thành phẩm bình quân năm 2023 giảm 3,2% so với năm trước, trong khi giá sợi nguyên sinh hầu như giữ nguyên thì giá sợi tái chế giảm 5,3% chủ yếu do cơ cấu sản phẩm sợi tái chế trong năm 2023 ít cao cấp hơn so với cơ cấu sản phẩm năm. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động hạ giá bán để dành thêm đơn hàng trong bối cảnh nhu cầu thị trường yếu.

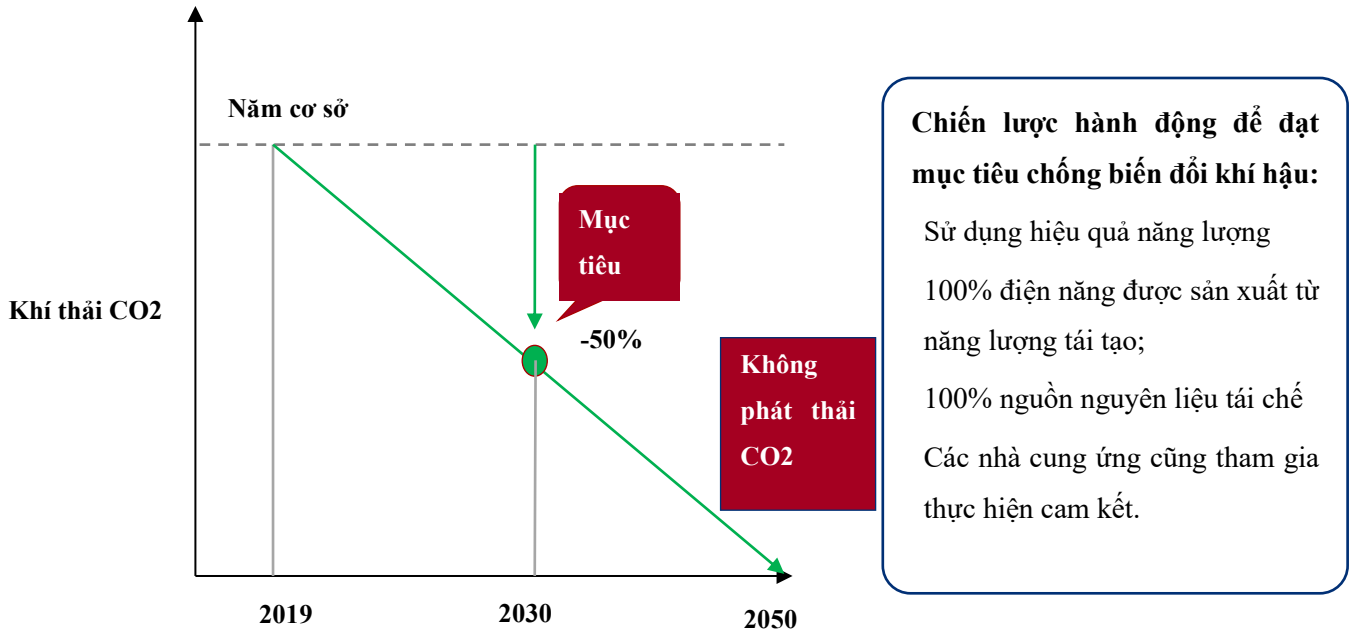
Có thể thấy, sản phẩm Sợi tái chế trong năm 2023 có dấu hiệu chững lại, song vẫn đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định cho STK.

2.2 Gắn kết Tăng trưởng kinh tế với Phát triển bền vững

Phát triển bền vững đang là xu hướng mũi nhọn ở Việt Nam và trên toàn thế giới nói chung, đối với ngành dệt nói riêng.

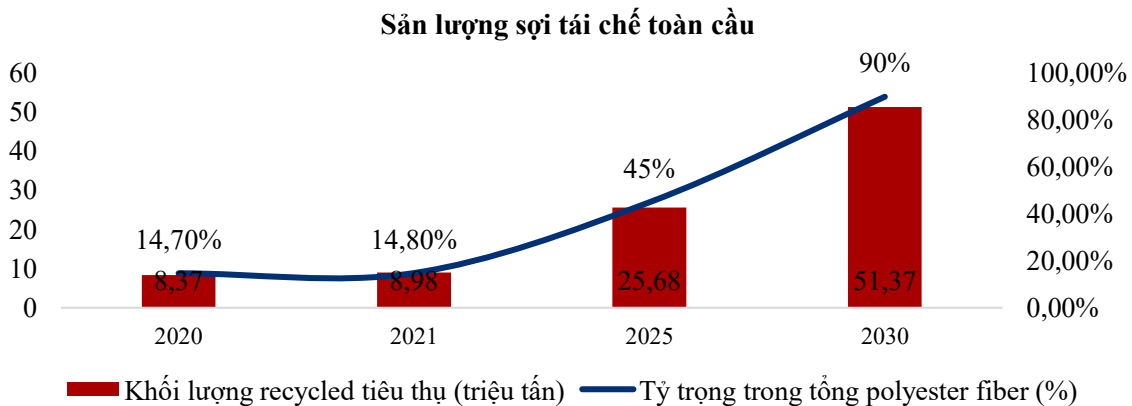
- Trong những năm gần đây, do nhận thức của người tiêu dùng về bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người và trách nhiệm xã hội ngày càng tăng nên các thương hiệu thời trang hàng đầu cũng đã tích cực thay đổi chiến lược kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.
- "Xanh hóa" ngành dệt may là xu thế toàn cầu, không chỉ riêng tại Việt Nam. Hiện nay, yếu tố "xanh" không còn là lựa chọn mà đang dần được luật hóa tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam. Dự báo trong 2-4 năm tới sẽ có 35 luật lớn nhỏ tác động đến ngành dệt may. Nếu như trước đây, các tiêu chuẩn này chỉ liên quan đến hoá chất, thuốc nhuộm được sử dụng trên nền tảng vải, thì giờ đây là yêu cầu bao nhiêu phần trăm từ nguyên liệu tái chế, bao nhiêu phần trăm có thể tuần hoàn, tuổi thọ của sản phẩm có dài hay không... đẩy nhanh tốc độ "xanh hóa" đang trở thành mục tiêu của ngành để tìm kiếm đơn hàng.

- Trước những yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, trách nhiệm xã hội, Công ty đã có định hướng chuyển sang sử dụng nguyên liệu tái chế, năng lượng tái tạo, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường.



Nguồn: FICCA

Để đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi Polyester tái chế trong tổng lượng Polyester sử dụng từ 14,7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi Polyester recycle dự kiến sẽ tăng từ 8,37 triệu tấn (2020) lên 17,1 triệu tấn (2025). Tổng sản lượng tiêu thụ sợi toàn cầu năm 2022 khoảng 116 triệu tấn, trong đó tỷ trọng sợi Polyester tái chế chiếm 13,56%.



Nguồn: Textile Exchange

Theo báo cáo “2025 Recycled Polyester Challenge - Textile Exchange” tính đến năm 2021, đã có 132 thương hiệu bao gồm Nike, Adidas, Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon,

VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025. Theo thống kê của Textile Exchange đến 2021 tỷ trọng sợi Polyester tái chế trong tổng khối lượng sợi polyeter tiêu thụ (60,53 triệu tấn) đạt 14,8% (tương đương 8,9 triệu tấn). Dự kiến, tỷ trọng sợi Polyester tái chế sẽ tăng từ 14,8% (2021) lên 45% (2025) và đạt 90% vào năm 2030 (nguồn: *Textile Exchange*). Bên cạnh đó các thương hiệu đã cam kết giữ mức nhiệt độ toàn cầu gia tăng không vượt quá 1,5% so với thời kỳ tiền công nghiệp, giảm 50% KNK vào năm 2030 và hướng tới net-zero tới năm 2050 để đạt được các mục tiêu đó các thương hiệu đang có những chiến lược như: sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới sử dụng 100% điện tái tạo, hướng tới sử dụng 100% nguyên liệu tái chế, khuyến khích các nhà cung ứng đồng hành thực hiện mục tiêu chung cho phát triển bền vững.

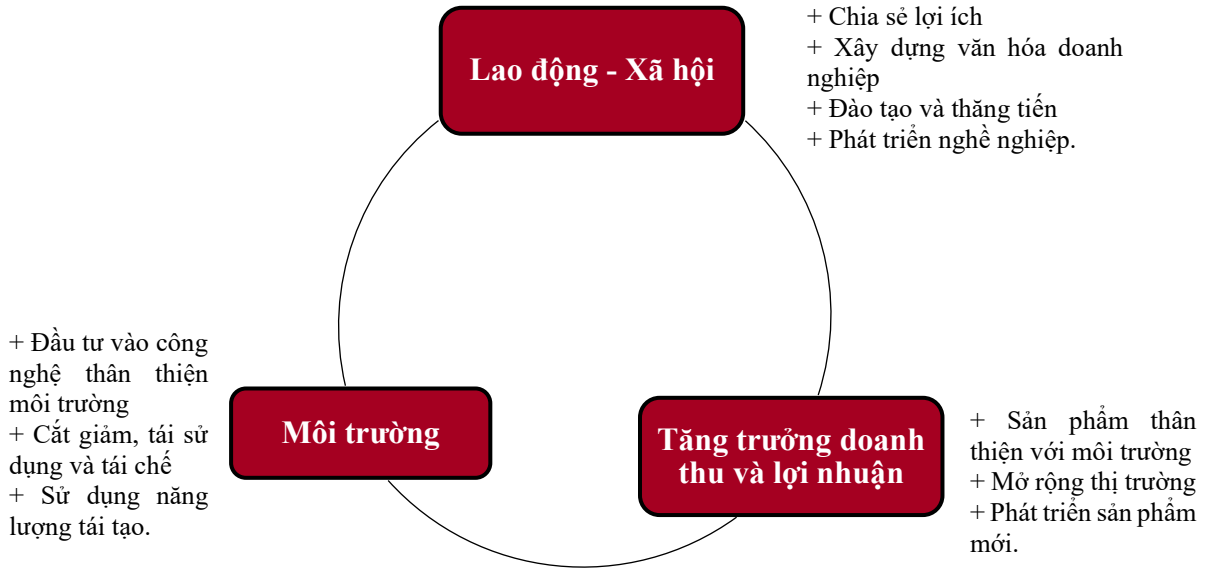
Để bảo vệ nguồn nước, các thương hiệu cũng cam kết không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo sáng kiến của chương trình Zero Discharge Hazardous Chemical (“ZDHC”). Do đó, các sản phẩm giúp các thương hiệu cắt giảm việc tiêu thụ nước và hóa chất như sợi màu cũng sẽ có cơ hội phát triển.

Nhằm đảm bảo các yêu cầu về quyền con người, các quyền của người lao động như không phân biệt đối xử, không sử dụng lao động cưỡng bức, đảm bảo môi trường lao động an toàn, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, v.v, các thương hiệu tiến hành kiểm toán định kỳ các nhà cung ứng trong chuỗi của họ.

Trong định hướng chiến lược của STK, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải luôn gắn kết với việc bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích với các bên có liên quan và phát triển xã hội.

Chiến lược phát triển bền vững của STK bao gồm 3 mục tiêu chính:

- Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: Để đạt được mục tiêu này, Công ty chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách hàng đánh giá cao, mở rộng thị trường và khách hàng.
- Mục tiêu bảo vệ môi trường: Để đạt được mục tiêu này, Công ty
 - (i) đầu tư vào những công nghệ thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, hạn chế phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu;
 - (ii) áp dụng các biện pháp để cắt giảm, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, điện, nước;
 - (iii) sử dụng năng lượng tái tạo.
- Mục tiêu phát triển con người và xã hội: Các chính sách lương, thưởng phúc lợi của Công ty được xây dựng trên cơ sở Công ty luôn chia sẻ lợi ích với người lao động, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đào tạo người lao động cũng như trao cho họ những cơ hội thăng tiến trong công việc.



Sợi tái chế vẫn là sản phẩm chiến lược cho đến năm 2025, có biên lợi nhuận cao và xu hướng giá cả ổn định.

Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường



2.3 Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thế Kỷ trong năm 2023 và dự báo cho năm 2024

↑: có tác động tích cực đến Công ty

↓: có tác động tiêu cực đến Công ty

↑↑: tiếp tục có tác động tích cực

↓↓: tiếp tục có tác động tiêu cực

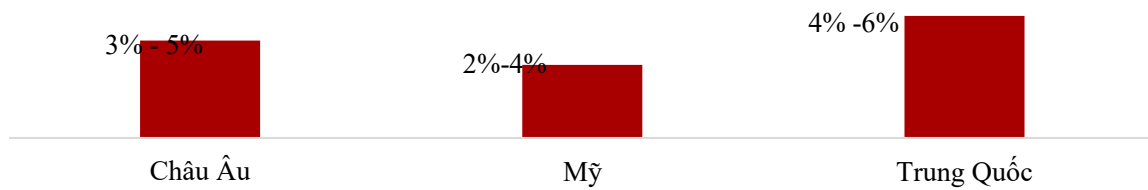
Các yếu tố tác động	2023	2024	Ghi chú
Dự báo Nhu cầu tiêu thụ dệt may giảm ở các thị trường tiêu thụ hàng dệt may chủ chốt như Mỹ và EU do khủng hoảng năng lượng, lạm phát và suy thoái kinh tế.	↓	↓↓	Tăng trưởng GDP của Mỹ dự kiến đạt 2,54% năm 2022 và dự báo chỉ đạt 1,5% năm 2024. Tăng trưởng GDP Khu vực châu Âu được dự báo đạt 0,5% năm 2023 và giảm xuống còn 0,9% năm 2024.
Xu hướng sourcing gần chuỗi cung ứng (near-shoring) nhằm tiết giảm chi phí của các thương hiệu thời trang	↓	↓↓	
Xu hướng dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc của doanh nghiệp dệt may	↑	↑↑	
Phân khúc cao cấp vẫn được dự báo ít bị tác động bởi tình hình kinh tế sụt giảm.	↑	↑↑	
Xu hướng phát triển bền vững.	↑	↑↑	Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu. Sợi tái chế vẫn được các nhãn hàng chú trọng, nhu cầu tiêu thụ dự báo vẫn được duy trì.
Tỷ giá đồng USD vẫn cao và được dự báo tăng nhẹ.	↓	↓↓	
Ưu tiên chọn quốc gia để sourcing có các hiệp định thương mại về ưu đãi thuế, tình hình chính trị ổn định.	↑	↑↑	Việt Nam đều thỏa mãn 2 yếu tố này nên vẫn được xem là nơi sourcing tốt của các nhãn hàng ở châu Á.
Tăng giá cước vận chuyển đường biển do Chiến tranh Biển Đỏ.	↓	↓↓	Chi phí vận tải đường biển qua Biển Đỏ tăng gần 250%.
Tăng giá nguyên vật liệu do xung đột vũ trang và khủng hoảng dầu mỏ.	↓	↓↓	

Hành động của Sợi Thế Kỷ trước cơ hội và thách thức

- ✓ **Nhu cầu tiêu thụ hàng dệt may và tiêu dùng khả dụng được dự báo giảm trong năm 2024**

Mặc dù lượng tiêu thụ được dự báo giảm và chi tiêu cho may mặc có phần được thắt chặt hơn, phân khúc trang phục thể thao cao cấp vẫn được đánh giá có nhiều tích cực trong năm 2023.

Dự báo tốc độ tăng trưởng của phân khúc cao cấp năm 2023



Sợi Thế Kỳ có khoảng 80% doanh thu là cung cấp các mặt hàng cao cấp cho các nhãn hàng thời trang lớn trên thế giới như Nike, Adidas, Fast Retailing (Uniqlo), Lululemon (thuộc top 20 tập đoàn có lợi nhuận lớn nhất thế giới). (Nguồn: McKinsey Global Fashion Index).

Nhờ vào mạng lưới khách hàng chuyên cung cấp cho các thương hiệu lớn, STK có nhiều lợi thế để thúc đẩy hoạt động bán hàng và nâng cao biên lợi nhuận hơn các đối thủ cùng ngành khác; từ đó đặt mục tiêu phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao.

✓ Các nhãn hàng khắt khe hơn trong việc lựa chọn nơi sourcing

Việt Nam vẫn là quốc gia có nhiều ưu thế trong việc trở thành nơi sourcing cho các nhãn hàng.

Những năm gần đây Việt Nam đã và đang chuyển mình để trở thành trung tâm sản xuất lớn toàn cầu. Đặc biệt sau đại dịch Covid-19 và những bất ổn về kinh tế, chính trị, nhiều tập đoàn, kênh buôn bán đang đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa, đảm bảo nguồn cung bền vững và Việt Nam là địa điểm chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu của họ.

- Việt Nam có nhiều ưu đãi thuế quan, giúp giảm giá sản phẩm xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.
- Chuỗi sản xuất dệt may của Việt Nam đang dần hoàn thiện với đầy đủ các khâu sợi, dệt nhuộm, may mặc, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng, tăng khả năng linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu.
- Việt Nam có nền chính trị tương đối ổn định và kiểm soát dịch bệnh tương đối tốt hơn so với các nước châu Á khác.
- Các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố PTBV vào hoạt động kinh doanh của mình.
- Theo các khảo sát của các thương hiệu và nhà bán lẻ đánh giá mức độ cạnh tranh của các nhà cung ứng cũng cho thấy, ngoài việc đạt tổng điểm là 46, cao nhất trong 6 quốc gia được khảo sát (Bangladesh, Campuchia, Lào, Nepal, Trung Quốc và Việt Nam). Việt Nam còn đạt điểm số ấn tượng ở các chỉ tiêu như chất lượng sản phẩm, khả năng tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm, sự sáng tạo và khả năng phát triển sản phẩm theo yêu cầu của người mua, năng suất, sự linh hoạt của số lượng đơn đặt hàng và môi trường chính trị ổn định (hầu hết ở mức điểm 4 đến 4.5 và mức điểm cao nhất là mức 5).

Tiêu chí/Quốc gia	Bangladesh	Campuchia	Lào	Nepal	Trung Quốc	Việt Nam
Chất lượng sản phẩm	3,5	3,5	3,5	2	4,5	4,5
Khả năng tạo ra sản phẩm có giá trị tăng thêm	3	3	2,5	2	4,5	4
Hội nhập theo chiều dọc để có nguồn nguyên vật liệu thô	2	2	2,5	3	5	3
Đổi mới và khả năng phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người mua	3	2	2,5	2,5	4,5	4
Hiệu suất	3	3	2	3	4,5	4
Thời gian đáp ứng đơn hàng	3,5	3	2	2	4	4,5
Giá cả	4,5	4,5	3	3	3	4
Lợi thế về thuế quan	3,5	2	3	3	2	3
Sự linh hoạt của khối lượng hàng cung cấp	3	2,5	2,5	2,5	4	4
Sự ổn định tài chính	2	1,5	2	2	3	3
Sự ổn định chính trị	2,5	3,5	3	3	2,5	4,5
Sự tuân thủ/Sự bền vững	2	2,5	2	2	2	3,5
Tổng cộng	35,5	33,0	30,5	30,0	43,5	46,0
Điểm chuẩn	60	60	60	60	60	60

Nguồn: *Textiles and clothing in Asia graduating LDCs – WTO*

Chú thích: Kết quả được dựa trên đánh giá trung bình của người tham gia phản hồi cho mỗi nước trên thang điểm từ 1 (thấp hơn nhiều so với mức trung bình) đến 5 (cao hơn nhiều so với mức trung bình).

Nơi sourcing	Thời gian hoàn thành đơn hàng	Chi phí sourcing	Tính linh hoạt và nhanh chóng	Rủi ro tuân thủ về lao động xã hội	Rủi ro tuân thủ về môi trường
Hoa Kỳ	●	◆	▲	●	●
Mexico	●	◆	▲	▲	▲
CAFTA-DR	●	▲	▲	▲	▲
Trung Quốc	▲	▲	●	◆	◆
Việt Nam	▲	▲	●	◆	◆
Bangladesh	◆	●	▲	◆	◆
Indonesia	◆	●	▲	▲	▲
Ấn Độ	◆	▲	▲	▲	◆
Srilanka	◆	▲	▲	▲	▲
Cam-pu-chia	◆	▲	▲	◆	▲

● : được đánh giá mức độ cao

▲ : được đánh giá mức độ trung bình

◆ : được đánh giá mức độ thấp

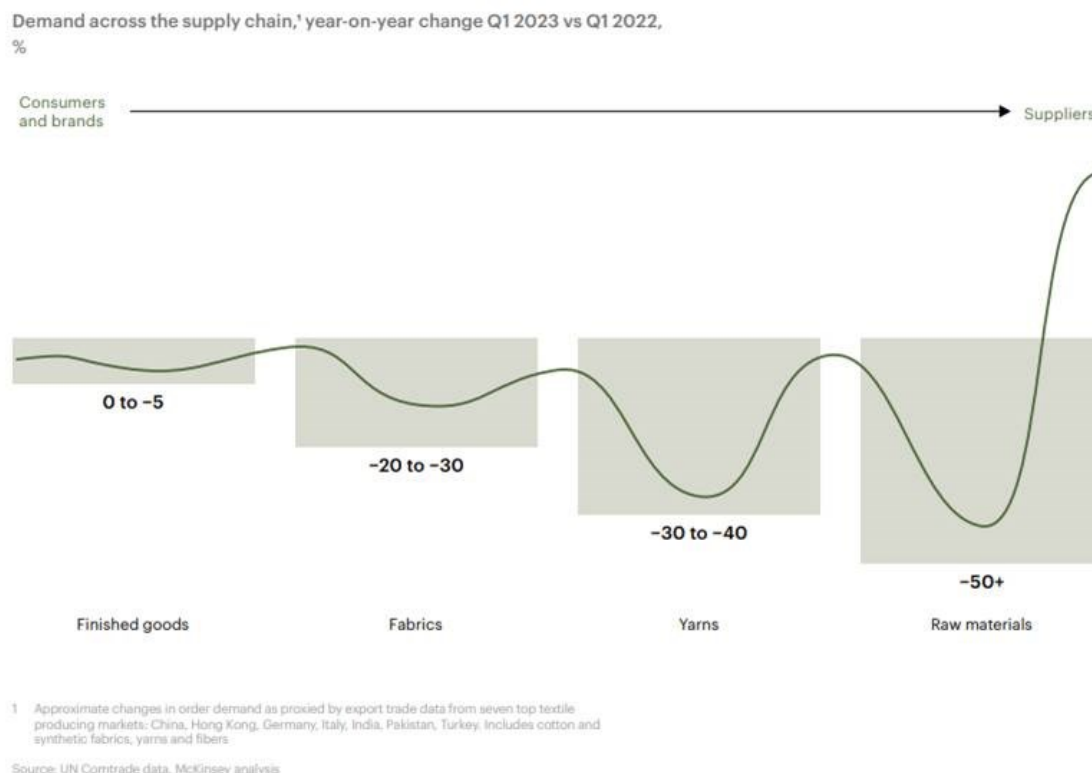
Theo kết quả khảo sát các giám đốc mua hàng của US-FIA trong năm 2023, điểm số cho các yếu tố “Rủi ro tuân thủ về lao động xã hội” và “Rủi ro tuân thủ về môi trường” của Việt Nam sụt giảm so với các năm trước do lo ngại về rủi ro Việt Nam có thể gián tiếp vi phạm các quy định về lao động, xã hội và môi trường do lệ thuộc nhiều vào nguồn vải cung ứng từ Trung Quốc - quốc gia đang bị cáo buộc vi phạm các quy định về môi trường, xã hội như sử dụng lao động cưỡng bức ở Tân Cương. Mặc dù vậy, có thể thấy Indonesia và Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao trong khu vực châu Á trên nền 05 yếu tố đánh giá. Trong đó, Việt Nam được đánh giá cao về tính linh hoạt và nhanh chóng, thời gian hoàn thành đơn hàng và chi phí sourcing được đánh giá ở mức trung bình.

Nguồn: US-FIA 2023 benchmarking study

Từ đó, có thể thấy Indonesia và Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao trong khu vực châu Á trên nền 05 yếu tố đánh giá. Trong đó, Việt Nam được đánh giá cao về tính linh hoạt và nhanh chóng, thời gian hoàn thành đơn hàng và chi phí sourcing được đánh giá ở mức trung bình.

Những điểm sáng của ngành

Nhu cầu chuỗi cung ứng



Nguồn: Mc.Kinsey

Dựa trên dữ liệu UNComtrade, Mc. Kinsey đã tính toán những thay đổi hàng năm về nhu cầu (dữ liệu xuất khẩu) trên chuỗi cung ứng dệt may. Những thay đổi nhỏ trong nhu cầu của người tiêu dùng sẽ tác động càng lớn đến chuỗi cung ứng khi càng di chuyển về thượng nguồn (hiện tượng chuỗi cung ứng này được gọi là “hiệu ứng bullwhip”).

Cụ thể: (đi theo hướng từ hạ nguồn-> thượng nguồn)

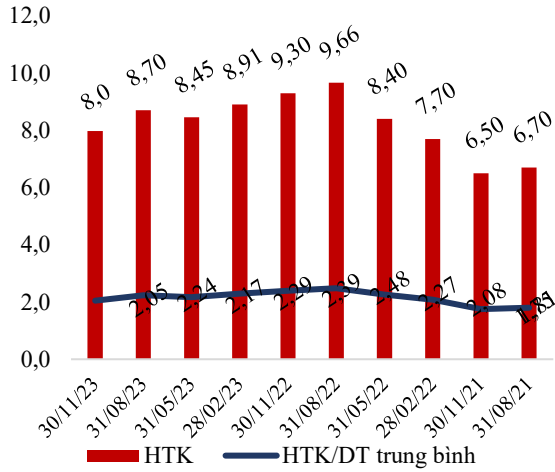


Do ở thượng nguồn chuỗi cung ứng, nên ngành sợi nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng bị ảnh hưởng tiêu cực khi các thương hiệu thời trang dự báo nhu cầu sẽ giảm tốc trước tác động tiêu cực của lạm phát và suy thoái kinh tế, sự sụt giảm đơn hàng đối với sợi cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ sụt giảm đơn hàng may mặc. Do đó, trong năm 2023, ngành sợi Polyester Filament của Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm giá trị lớn đến vậy.

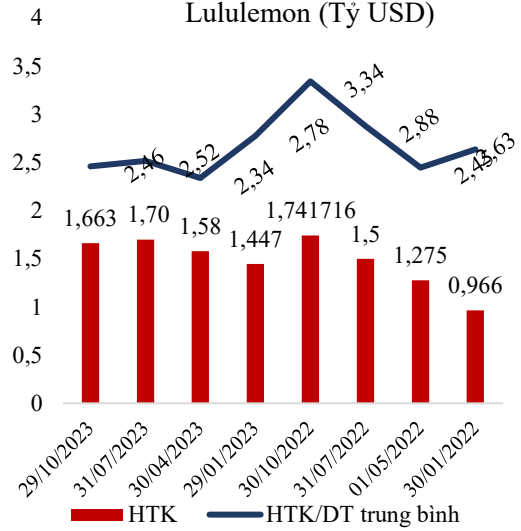
Điều này đồng nghĩa với việc khi đơn hàng ngành dệt may phục hồi, xuất khẩu sợi Polyester Filament có khả năng phục hồi mạnh hơn.

Tích lũy hàng tồn kho đã qua thời kỳ lập đỉnh

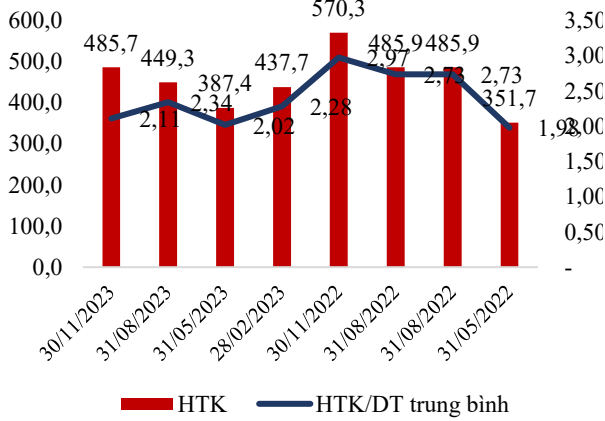
Nike (Tỷ USD)



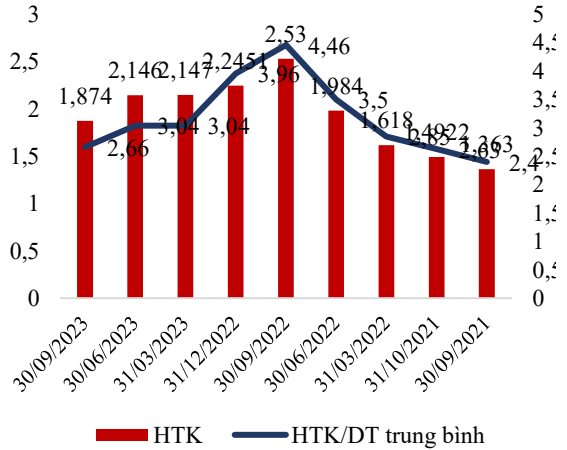
Lululemon (Tỷ USD)



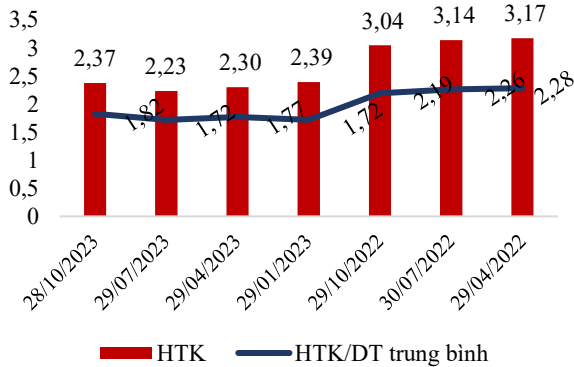
Fast retailing - Uniqlo (Tỷ Yen)



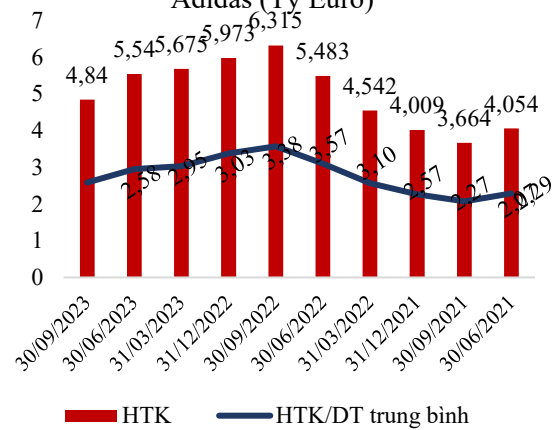
Puma (Tỷ Euro)



Gap Inc. (Tỷ USD)



Adidas (Tỷ Euro)



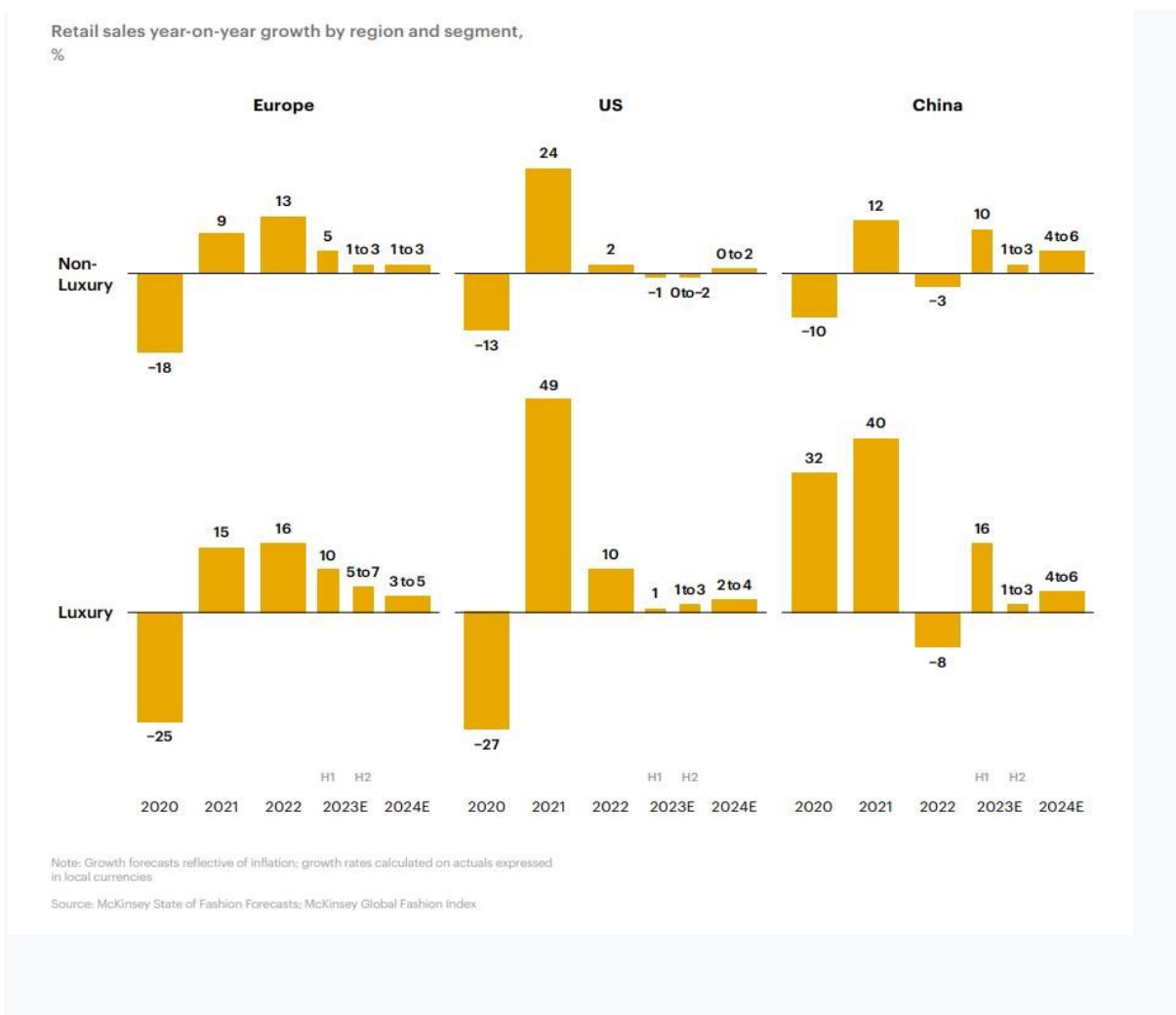
Có thể thấy, lượng hàng tồn kho của các nhãn hàng đã ổn định và đang có dấu hiệu nhập hàng lại:

- Nike (giảm từ 9.6 tỷ USD 8/2022 xuống 7.9 tỷ USD tháng 12/2023).
- Adidas (giảm từ 6.3 tỷ Euro 9/2022 xuống còn 4.8 tỷ Euro 9/2023).
- Gap Inc (giảm từ 3.1 tỷ USD tháng 7/2022 xuống còn 2.4 tỷ USD tháng 10/2023).

Việc giảm hàng tồn kho của các thương hiệu sẽ có tác động tích cực đến việc đặt hàng.

Qua đó, kỳ vọng xuất khẩu hàng may mặc sẽ cải thiện hơn.

Nhận thức và sở thích ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với sức khỏe và hạnh phúc



Nguồn: Mc.Kinsey

Theo kết quả khảo sát các giám đốc mua hàng doanh nghiệp thời trang của Mc. Kinsey, dự báo tốc độ tăng trưởng của mảng thời trang bình dân và cao cấp ở các thị trường Euro, Mỹ và Trung Quốc năm 2024 như sau:

Khu vực	Mảng thời trang bình dân		Mảng thời trang cao cấp	
	H2 - 2023F	2024F	H2 - 2023F	2024F
Euro	1%-3%	1%-3%	5%-7%	3%-5%
US	0%-(-2)%	0%-2%	1%-3%	2%-4%
China	1%-3%	4%-6%	1%-3%	4%-6%

Như vậy, có thể thấy, mặc dù thị trường còn phục hồi chậm, nhưng tốc độ tăng trưởng thị trường Mỹ và Trung Quốc ở mảng thời trang bình dân và thời trang cao cấp phần lớn triển vọng khả quan hơn so với 2023, và quý 3-2024 sẽ có sự cải thiện.

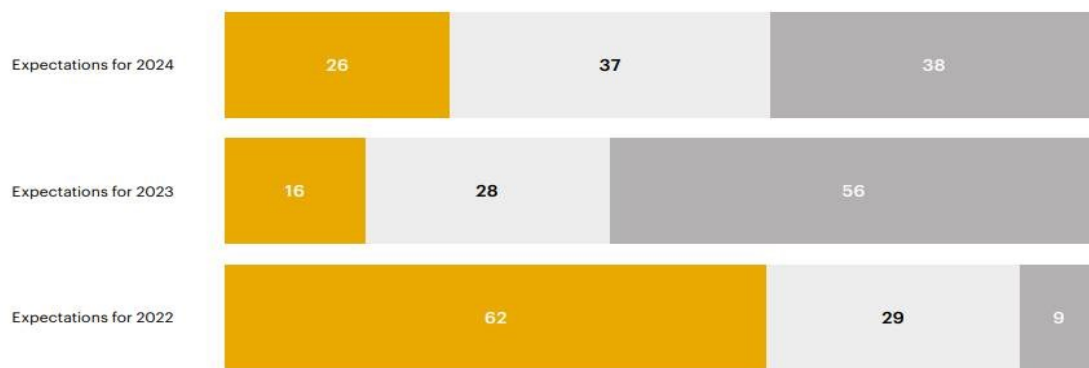
- Tại Trung Quốc; tăng 4%-6% ở cả 2 mảng thời trang 2024F.
- Mỹ: Tăng 0-2% đối với mảng thời trang bình dân và 2%-4% đối với mảng thời trang cao cấp 2024F.

Nhận thức và sở thích ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với sức khỏe và phúc lợi sẽ thúc đẩy nhu cầu về quần áo thể thao, các sản phẩm trang phục năng động.

Kỳ vọng ngành công nghiệp thời trang sẽ tươi sáng hơn trong năm 2024.

Expectations for how fashion industry conditions will evolve in the year ahead compared to prior year, % of respondents

■ Better ■ Same ■ Worse



Note: Numbers are rounded and may not add to 100

Source: BoF-McKinsey State of Fashion 2024 Executive Survey, BoF-McKinsey State of Fashion 2023 Executive Survey, BoF-McKinsey State of Fashion 2022 Executive Survey

Nguồn: Mc.Kinsey.

Những xu hướng chính tác động tới ngành trong thời gian tới

Các nước châu Âu và Mỹ đã và sẽ ban hành các qui định về phát triển bền vững nhằm đạt các mục tiêu chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường”

Ví dụ: EU’s Ecodesign for sustainable product Regulation (“ESPR”), Digital product passport, Digital product passport, EU’s amended Waste Framework Directive, Extended Producer Responsibility nhằm tăng việc sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

Các qui định này sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng sợi thân thiện với môi trường và các thương hiệu sẽ lựa chọn nhà cung cấp khắt khe hơn nhằm đảm bảo không vi phạm các qui định về khí nhà kính mà STK là một trong những doanh nghiệp đang theo hướng phát triển bền vững, đáp ứng các quy định về chống biến đổi khí hậu.

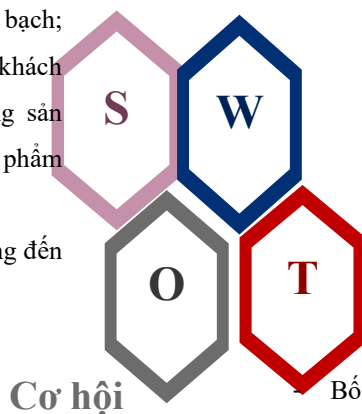
- Được các thương hiệu đánh giá cao về các tiêu chí ESG.
- Góp phần giảm rác thải tái chế ra đại dương, giảm khí thải carbon footprint so với sợi truyền thống.
- Đang trong quá trình ký kết cam kết SBTi với một khách hàng thương hiệu với mục tiêu giảm lượng điện tiêu thụ 4,2% mỗi năm trong vòng 5 năm liên tục cho nhà máy Trảng Bàng.

Nên đây có thể được xem là 1 thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi nhưng lại là 1 cơ hội cho STK.

2.4 Phân tích SWOT

Điểm mạnh

- Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi;
- Chiến lược kinh doanh đón đầu xu hướng của thị trường;
- Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển bền vững;
- Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề;
- Tình hình tài chính ổn định và minh bạch;
- Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ sản phẩm chuyên nghiệp;
- Tình hình quản trị minh bạch, hướng đến các thông lệ quốc tế.



- Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; nhu cầu sợi thân thiện với môi trường vẫn tiếp tục tăng cao;
- Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại;
- Phân khúc quần áo thể thao và ngoài trời được đánh giá sẽ phục hồi mạnh hơn các phân khúc khác và có khả năng tăng trưởng do sự thay đổi hành vi người tiêu dùng.

Điểm yếu

- Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn;
- Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu;
- Công ty ghi nhận các khoản vay ngắn và dài hạn bằng đồng ngoại tệ USD nên phải thiết lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá khi VNĐ mất giá so với USD, ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Thách thức

- Bối cảnh kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tác động của lãi suất cao và sức chi tiêu của người tiêu dùng suy yếu (ngân sách chi tiêu giảm);
- Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu;
- Chiến tranh Biển Đỏ gây tăng giá cước vận tải biển sang Mỹ;
- Cạnh tranh giá cả đối với mặt hàng sợi tái chế từ Trung Quốc;
- Xung đột Hamas-Israel làm giá cả dầu mỏ - nguồn nguyên liệu chính của sản phẩm sợi -tăng vọt;
- Hiệu ứng Bullwhip khiến doanh nghiệp thượng nguồn bị ảnh hưởng nhiều hơn khi thị trường sụt giảm.

2.5 Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2025

Tăng cường nội lực và mở rộng thị phần	Quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro PTBV
<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư vào phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc biệt khác...; • Kiện toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm; • Nâng cao trình độ kỹ năng cho cấp quản lý khối sản xuất nói riêng và người lao động nói chung; • Mở rộng công suất thêm 60.000 tấn/năm (Nhà máy Unitex): <ul style="list-style-type: none"> + Giai đoạn 1: +36.000 tấn/năm (Dự kiến quý 3.2024 đi vào hoạt động), + Giai đoạn 2: +24.000 tấn/năm; • Áp dụng tự động hóa và công nghệ thông tin để giảm bớt sự phụ thuộc vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của người vận hành. 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng cơ chế Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro nhất là trong vận hành sản xuất và hệ thống giá thành...; • Cải thiện chính sách phúc lợi, cơ chế thưởng-phạt, KPIs, điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân người lao động lành nghề, có tinh thần trách nhiệm cao; • Thường xuyên nâng cao tay nghề, tăng cường đào tạo đến các đối tượng người lao động khác nhau; • Kiểm soát rủi ro từ môi trường, áp dụng triệt để các sáng kiến PTBV để tiết giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và nước sạch; áp dụng phương pháp LCA (Life Cycle Assessment) để đo lường mức độ gây tác động đến môi trường (phát thải khí CO2 trên một kilogram sản phẩm).

Trong những năm vừa qua, Sợi Thế Kỷ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực PTBV, được khách hàng và đối tác đánh giá cao ở các khía cạnh:

- Sử dụng nguồn nguyên liệu từ chai nhựa đã qua sử dụng (Sợi tái chế);
- Phát triển sợi màu để giảm thiểu lượng tiêu thụ nước sạch;
- Lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và có kế hoạch mở rộng công suất;
- Tái chế lại sợi thứ cấp để giảm việc thải nhựa ra môi trường.

Do đó, trong năm 2024

Chiến lược ngắn hạn và kế hoạch phát triển của Công ty là:

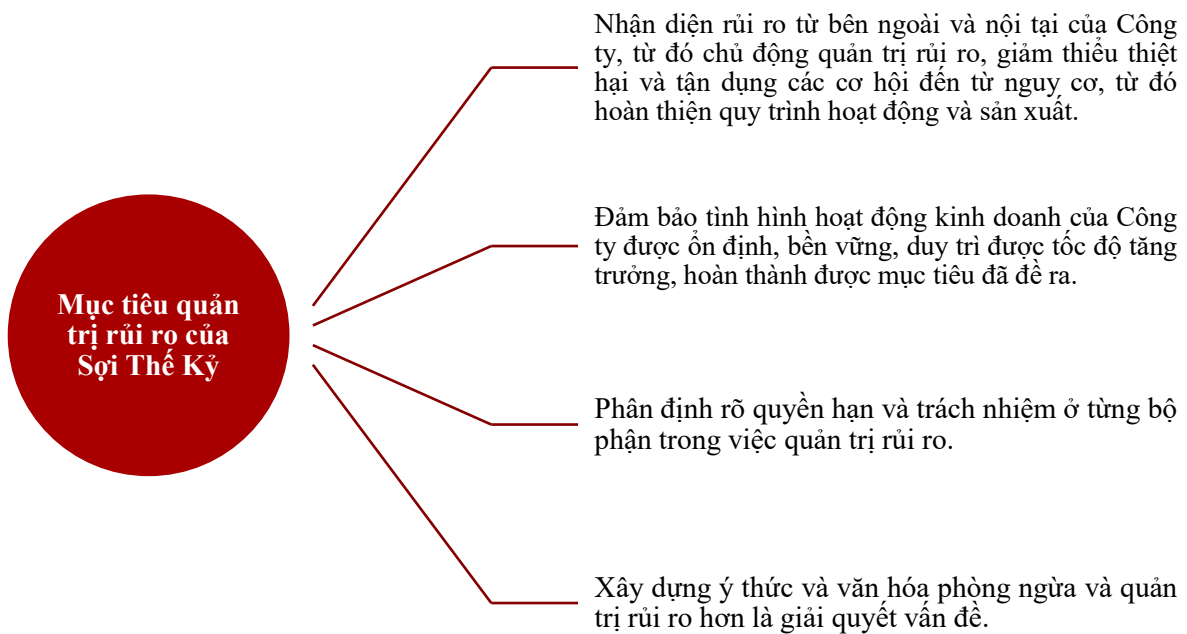
- Hoàn thiện giai đoạn 1 nhà máy Unitex và đưa vào hoạt động vào quý 3/2024;
- Duy trì tỷ trọng sợi tái chế cao trong doanh thu, dự kiến 48% trong năm 2024;
- Quản trị tình hình tài chính của Công ty theo hướng cân đối lợi ích giữa các bên liên quan;
- Hoàn thiện hệ thống Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro một cách triệt để.

Xem thêm Chiến lược phát triển bền vững, mục Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội, trang 83 Báo cáo thường niên 2023.

3 QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong bối cảnh doanh nghiệp luôn đối mặt với những thách thức và nguy cơ không dự báo trước được của nền kinh tế vĩ mô và điều kiện kinh doanh, việc quản trị rủi ro càng trở nên quan trọng đối với sự tồn tại của doanh nghiệp và là điều kiện tiên quyết để chứng minh khả năng cải thiện hay xoay chuyển trong nghịch cảnh của doanh nghiệp đó.

3.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro

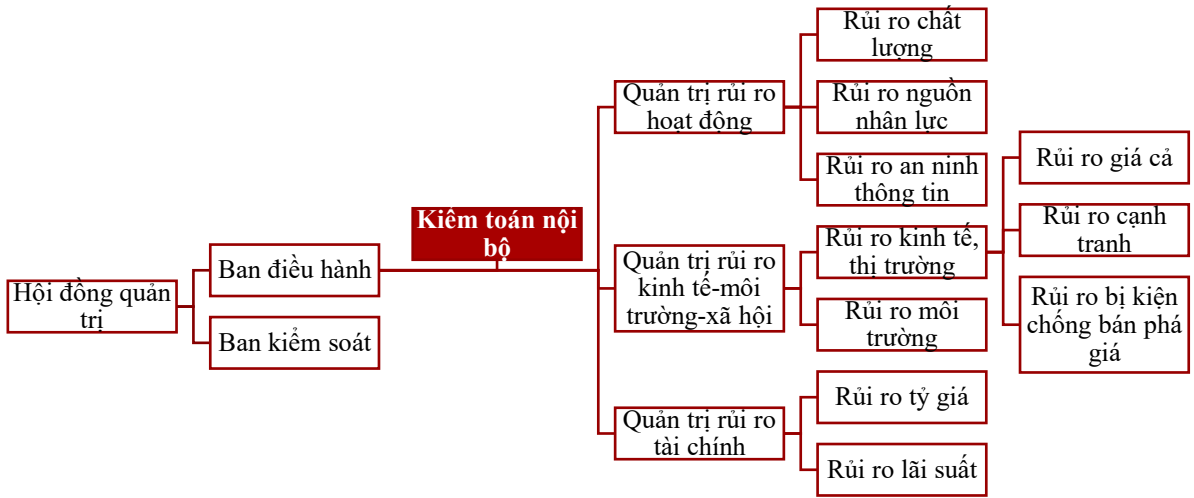


Trong năm 2023, STK đã tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn để kiểm toán nội bộ hoạt động của doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở để đánh giá tổng quan về những rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn.

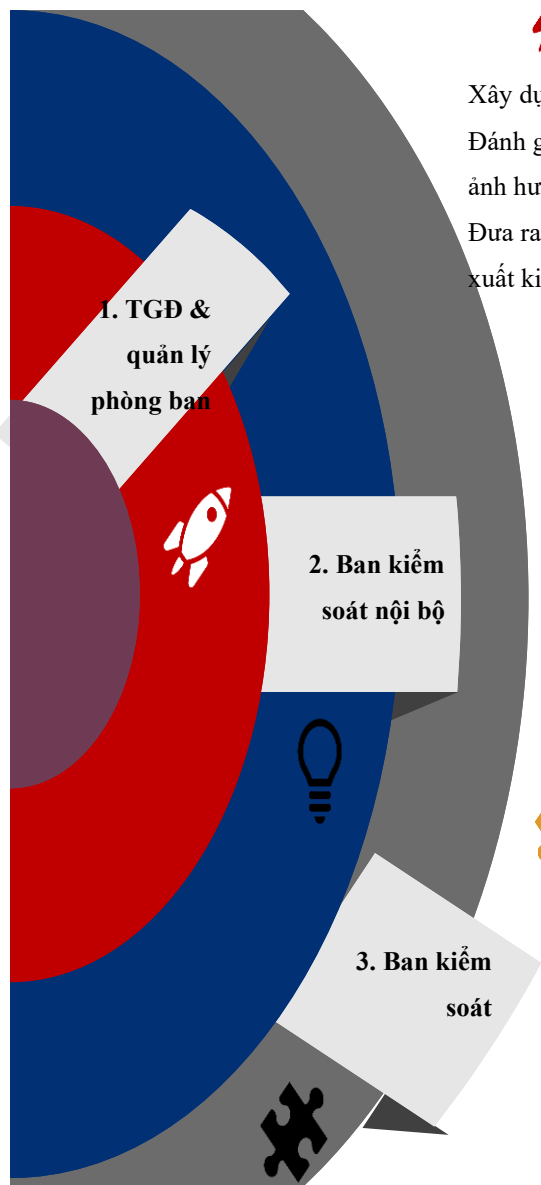
Quản lý rủi ro hiệu quả có tầm quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình.

Chúng ta thường xuyên phải đối mặt với những điều kiện kinh doanh không thuận lợi nhưng với một chính sách quản trị rủi ro hiệu quả có thể giúp cho doanh nghiệp có khả năng đề ứng phó, giảm thiểu rủi ro và phát hiện cơ hội từ những rủi ro đó.

3.2 Hệ thống quản trị rủi ro của STK



Hàng phòng vệ trong quản trị rủi ro tại Sợi Thế Kỷ



1. TGD & quản lý các phòng ban

Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.

Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau khi đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.

Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

2. Ban kiểm soát nội bộ

Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá.

Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không.

Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra.

Mặc dù hiện nay Công ty chưa thành lập riêng Ban Kiểm Soát Nội Bộ nhưng từ năm 2022 Công ty đã thuê Công ty kiểm toán AFC thực hiện công tác kiểm toán nội hàng năm.



3. Ban kiểm soát

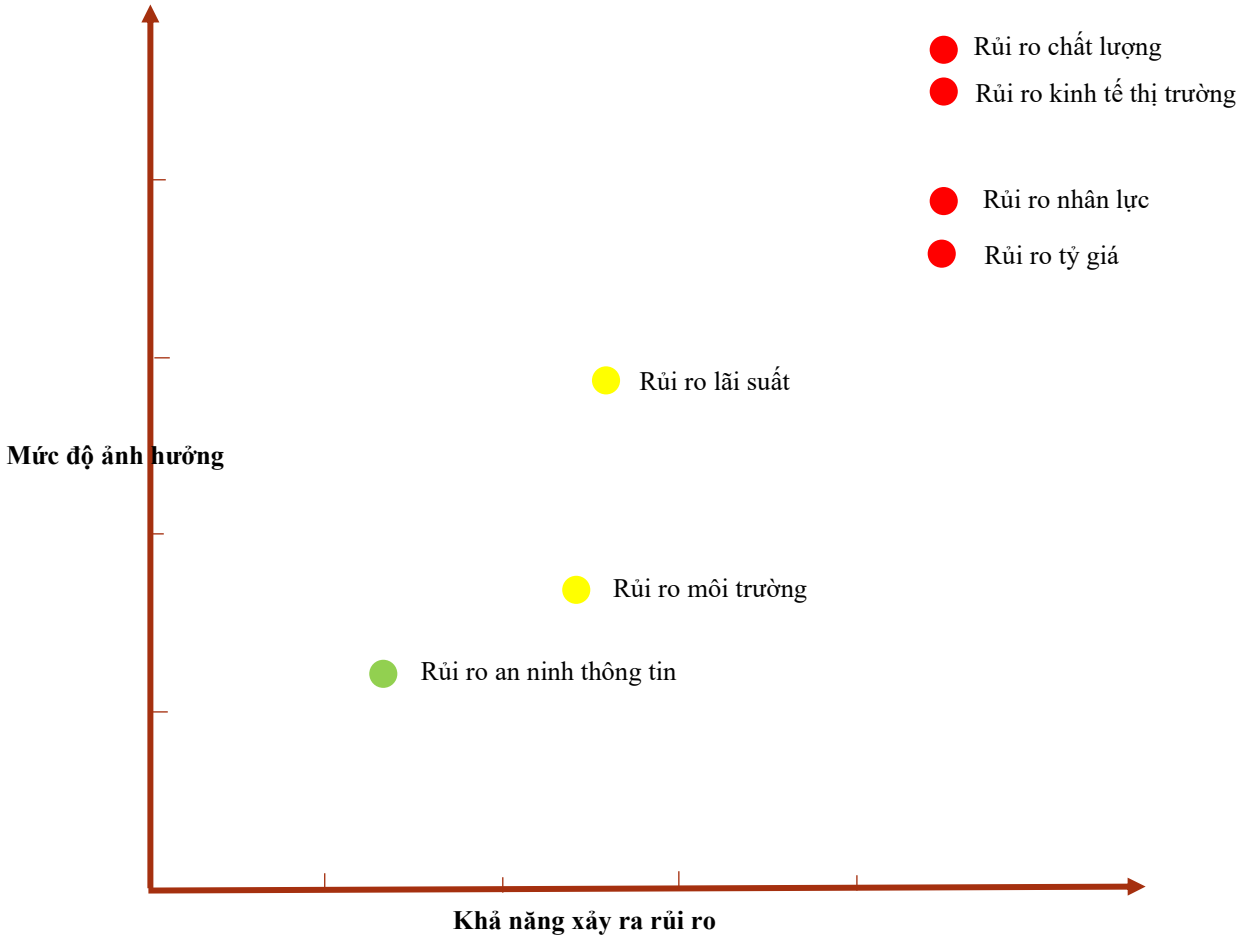
Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.

Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.



3.3 Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

Thông qua hoạt động của các phòng ban, Ban điều hành và đơn vị kiểm toán nội bộ đã lập ra ma trận rủi ro và đánh giá, xếp hạng theo mức độ trọng yếu của rủi ro đối với Sợi Thế Kỳ.



3.4 Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

Rủi ro giá cả	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả.	Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may.
Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp.	Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới.
Giá cước vận tải biển tăng do chiến tranh, xung đột (chiến tranh Biển Đỏ) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.	Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết.
	Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng.

	Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa Polyester chip.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Tăng.

Rủi ro cạnh tranh	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư để đón cơ hội từ FTA sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.	Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng.
Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.	Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Quản lý nhà máy.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Không đổi.

Rủi ro bị kiện chống bán phá giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ.	Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá.
Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.	Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng xuất nhập khẩu, Phòng kinh doanh.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Duy trì.

Rủi ro chất lượng sản phẩm	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng.	Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất.

Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm.	Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động.
	Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu.
	Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ.
	Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công.
	Tận dụng máy móc mới từ nhà máy mới (Unitex) để gia công các đơn hàng sợi tái chế vì máy móc của Unitex được thiết kế để tối ưu hóa cho sợi tái chế.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Khởi sản xuất và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Tăng .

Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.	Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.
Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.	Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
Phân công phạm vi công việc quá lớn hoặc không phù hợp với nhân viên và người quản lý có thể dẫn đến năng suất kém, việc quản lý kém hiệu quả.	Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.
Bố trí nhân lực chưa phù hợp ở các phòng ban, nhiệm vụ và chức năng phòng ban chưa rõ ràng, còn chồng chéo, chưa hiệu quả.	Phân công phạm vi công việc cụ thể, khối lượng công việc phù hợp đối với nhân viên và quản lý.
	Bố trí cơ cấu chức năng các phòng ban không bị chồng chéo, đảm bảo chuyên môn hóa phù hợp với nhiệm vụ và chức năng của phòng ban.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng nhân sự và Phòng tổng vụ.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Tăng.

Rủi ro biến động tỷ giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.	51% Doanh thu là Doanh thu xuất khẩu nên Công ty vẫn có dòng tiền thu vào bằng đồng Đô-la Mỹ.
Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên do Công ty sử dụng nợ vay chủ yếu bằng đồng Đô-la Mỹ.	Trong trường hợp lỗ tỷ giá chưa thực hiện tăng lên, vì đây là khoản dự phòng cho nên không ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Công ty trên thực tế.

Năm 2024 dự kiến tỷ giá sẽ ổn định hơn so với 2023, do đó, mức độ tác động của rủi ro này cũng giảm tương ứng.	
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng tài chính kế toán.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Giảm.

Rủi ro về môi trường	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
NVL chính của STK là PET chip - là chế phẩm của dầu mỏ - và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.	STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa Polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng).
Trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty có thể gây ra tác động đến môi trường như các chất thải rắn và lỏng, khí thải, nước thải, tiếng ồn và bụi; việc sử dụng điện năng liên tục 24 tiếng/ngày cũng có thể gây tăng lượng khí thải nhà kính ra môi trường.	Công ty đang vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất 10,5pMWh, dự kiến tăng lên 37,4pMWh trong năm 2024 (các hợp đồng đang triển khai), giúp tiết kiệm lượng tiêu thụ điện năng, giảm khí thải CO2.
	Đối với nước thải: có hệ thống thu gom nước thải để xử lý trước khi đưa vào mạng lưới xử lý nước thải của Khu công nghiệp.
	Đối với chất thải độc hại và không độc hại: phân loại và thu gom tập trung tại nơi quy định cho từng loại chất thải.
	Đối với tiếng ồn và bụi: Công ty sử dụng các máy móc tân tiến, hiện đại, có bộ phận chứa bụi và giảm tiếng ồn, giảm tối đa tác động đến môi trường.
	Biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa sự cố môi trường: Thực hiện lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra; thành lập đội phòng cháy chữa cháy; định kỳ tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở; thông báo cho cơ quan có chức năng thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.

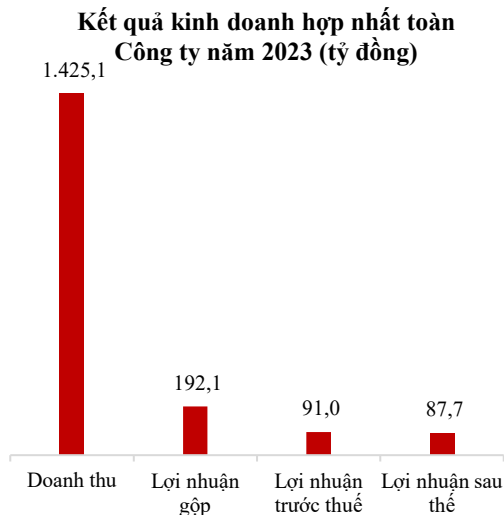
	Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng tổng vụ, Phòng thu mua, Phòng Cơ điện và Khô sản xuất.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Không đổi.

3.5 Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2022-2023

Năm	2022	2023
Phạm vi công việc kiểm toán nội bộ	Báo cáo 2022. Quy trình sản xuất ở đơn vị POY. Quy trình tính giá thành chuẩn ở bộ phận tài chính qui trình tính lương thưởng.	Báo cáo sơ bộ 2023 qui trình quản lý tồn kho nguyên vật liệu, linh kiện, bán thành phẩm và thành phẩm.
Tiến độ	Đã thực hiện xong	Đang thực hiện
Kết quả	Theo đánh giá của đơn vị kiểm toán nội bộ: Quy trình sản xuất và phân loại sợi POY của Công ty đã qui định rõ chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và đã được thực hiện đầy đủ. Trên cơ sở góp ý của đơn vị kiểm toán, Công ty đã kiện toàn các công tác: tính định mức tiêu hao NVL cho từng mã hàng, cụ thể: Tính giá thành chuẩn cho sản phẩm, Tất toán đơn hàng, Tính lương, Xây dựng KPIs cho từng vị trí công việc.	

4. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

4.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023



Năm 2023 do ảnh hưởng suy yếu chung của ngành dệt may, doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 của Công ty đạt 1.425,1 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt được 192,1 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 91 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 87,8 tỷ đồng. Công ty vẫn đẩy mạnh chiến lược bán hàng linh hoạt, phát triển đơn hàng và khách hàng mới; đồng thời nỗ lực ổn định giá bán

Giá nguyên vật liệu chính 2023 (hạt nhựa PET) trung bình 12 tháng giảm 3,2% so với 2022, doanh số bán hàng giảm 30,4%, khiến lợi nhuận gộp giảm 48,5%, lợi nhuận sau thuế giảm 63,8%.

Trong năm 2023, Công ty vẫn kiên định với chiến lược phát triển thị trường nước ngoài và sản phẩm mới. Nhờ chất lượng sản phẩm ổn định và khả năng sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng nên Công ty vẫn duy trì được đơn hàng ở các thị trường xuất khẩu như Nhật, Mỹ. Nhờ vậy, tỷ trọng doanh thu từ thị trường nước ngoài đã tăng từ 32,2% (năm 2022) lên 36,3% năm 2023. Số lượng khách hàng mới đã phát triển trong năm 2023 là 50 khách hàng.

Tỷ trọng sợi tái chế năm 2023 đạt 49,5% trên doanh thu, giá bán trung bình sợi tái chế giảm 5,3%; biên lợi nhuận gộp sợi tái chế đạt 23,2%. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh trong việc duy trì lợi nhuận bền vững của mảng sợi tái chế.

Năm 2023	Sợi nguyên sinh	Sợi tái chế
Tỷ trọng trên doanh thu	50,5%	49,5%
Biên lợi nhuận gộp	3,9%	23,2%

4.1.1. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	+/- %
Doanh thu thuần	1.425,10	2.114,50	-32,60%
Lợi nhuận gộp	192,1	373,3	-48,50%
Biên lợi nhuận gộp (%)	13,50%	17,70%	-23,60%
Lợi nhuận trước thuế	91	269,5	-66,20%
Lợi nhuận sau thuế	87,8	242,3	-63,80%

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	+/- %
Doanh thu thuần	1.425,10	2.114,50	-32,60%
Lợi nhuận gộp	192,1	373,3	-48,50%
Biên lợi nhuận gộp (%)	13,50%	17,70%	-23,60%
Lợi nhuận trước thuế	90,6	273,3	-66,90%
Lợi nhuận sau thuế	87,4	246,1	-64,50%

Trong năm 2023, kết quả hợp nhất doanh thu và lợi nhuận đạt được khá khiêm tốn. Trong đó, doanh thu đạt 1.425,1 tỷ đồng giảm 32,6%. Lợi nhuận gộp đạt được 192,1 tỷ đồng, giảm 48,5% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp giảm từ mức 17,7% năm 2022 xuống còn 13,5% năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 91 tỷ đồng, giảm 66,2%. Lợi nhuận sau thuế đạt 87,8 tỷ đồng, giảm 63,8% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu suy yếu của ngành dẫn đến sản lượng bán hàng giảm và giá bán giảm.

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, đơn hàng sụt giảm, Công ty đã nỗ lực phát triển những sản

4.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2023	Dự báo năm 2023	Thực hiện/Dự báo
Doanh thu thuần	1.425,1	2.149,3	66,3%
Lợi nhuận trước thuế	91,0	287,5	31,7%
Lợi nhuận sau thuế	87,8	253,1	34,7%

Trước những khó khăn chung của ngành, Công ty không đạt được kết quả so với kế hoạch đề ra.

Cụ thể, trong năm 2023 kết quả hợp nhất doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 66,3%, 31,7% và 34,7% so với kế hoạch đề ra.

phẩm có giá trị gia tăng cao như sản phẩm sợi màu, các loại sợi đặc biệt (CD, FD, HCR, QD)... để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng thuộc phân khúc cao cấp để duy trì được doanh thu và lợi nhuận.

Ngoài ra, Công ty vẫn kiên định với tầm nhìn phát triển bền vững và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường như Dope Dye, Recycle Dope Dye, Ocean Repreve... từ đó thu hút các thương hiệu, khách hàng làm hàng cho thương hiệu, cải thiện tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty để đạt được mục tiêu đề ra trong năm 2024.

Phân tích nguyên nhân không đạt được kế hoạch (tỷ đồng).



Nguyên nhân chính không đạt mục tiêu lợi nhuận là do doanh số bán thấp hơn kế hoạch. Mặc dù Công ty có tiết kiệm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhưng không bù đắp được sự sụt giảm của lợi nhuận gộp và chi phí tài chính tăng lên.

4.1.3. Tình hình tài chính

Tổng quan về Tình hình tài chính Hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2023 so sánh với cùng kỳ năm 2022

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2023	2022	%tăng/ giảm	2023	2022	%tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	2.973,9	2.125,0	39,9%	2.396,0	2.124,5	12,8%
Doanh thu thuần	1.425,1	2.114,5	-32,6%	1.425,1	2.114,5	-32,6%
Lợi nhuận gộp	192,1	373,3	-48,5%	192,1	373,3	-48,5%
LN HDKD	89,0	270,7	-67,1%	89,9	274,5	-67,2%
Lợi nhuận khác	2,0	(1,2)	-262,5%	0,7	(1,2)	-152,5%
Lợi nhuận trước thuế	91,0	269,5	-66,2%	90,6	273,3	-66,9%
Lợi nhuận sau thuế	87,8	242,3	-63,8%	87,4	246,1	-64,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	0			

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2023	2022	%tăng/ giảm	2023	2022	%tăng/ giảm
Nợ phải trả	1.345,0	583,9	130,3%	763,6	579,4	31,8%
Nợ ngắn hạn	935,6	583,7	60,3%	763,4	579,2	31,8%
Phải trả người bán ngắn hạn	237,8	219,8	8,2%	237,3	215,3	10,2%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	39,2	8,8	346,5%	39,2	8,8	346,5%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,0	3,6	-16,8%	3,0	3,6	-16,9%
Phải trả người lao động	25,6	24,6	4,0%	24,9	24,6	1,0%
Chi phí phải trả ngắn hạn	8,0	6,4	23,4%	7,9	6,4	22,9%
Phải trả ngắn hạn khác	5,2	6,7	-21,9%	5,2	6,7	-22,4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	609,5	308,1	97,8%	438,6	308,1	42,4%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,3	5,7	28,4%	7,3	5,7	27,6%
Nợ dài hạn	409,4	0,3	150.969%	0,3	0,3	-4,7%
Phải trả dài hạn khác	-	-		-	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	409,1	-		-	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	0,3	0,3	-4,7%	0,3	0,3	-4,7%
Vốn chủ sở hữu	1.628,9	1.541,1	5,7%	1.632,4	1.545	5,7%
Vốn góp của chủ sở hữu	966,4	843,6	14,5%	966,4	843,6	14,5%

Thặng dư vốn cổ phần	40,8	40,8	0,0%	40,8	40,8	0,0%
Cổ phiếu quỹ	(42,4)	(42,4)	0,0%	(42,4)	(42,4)	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	1,2	1,2	0,0%	1,2	1,2	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	662,9	697,8	-5,0%	666,4	701,8	-5,0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.973,9	2.125	39,9%	2.396,0	2.124,5	12,8%

Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2023, không có khoản nợ nào quá hạn.

Cơ cấu tài sản hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2023	2022	%tăng/ giảm	2023	2022	%tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	1.395,9	1.200,0	16,3%	1.131,9	1.085,3	4,3%
Tiền và các khoản tương đương tiền	109,5	235,3	-53,5%	108,6	92,0	18,1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54,1	180,0	-70,0%	-	130,0	-100,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	450,1	226,0	99,2%	277,4	315,5	-12,1%
Hàng tồn kho	615,0	466,1	31,9%	614,7	466,1	31,9%
Tài sản ngắn hạn khác	167,2	92,5	80,7%	131,2	81,7	60,6%
Tài sản dài hạn	1.577,9	925,1	70,6%	1.264,1	1.039,2	21,6%
Các khoản phải thu dài hạn	-	-		-	-	
Tài sản cố định	642,4	730,6	-12,1%	642,4	730,6	-12,1%
Tài sản dở dang dài hạn	783,1	40,9	1.812,7%	25,3	11,0	130,5%
Đầu tư tài chính dài hạn	13,8	13,8	0,0%	535,8	235,9	127,1%
Tài sản dài hạn khác	138,7	139,8	-0,8%	60,6	61,7	-1,8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.973,9	2.125,0	39,9%	2.396,0	2.124,5	12,8%

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	2023	2022	2023	2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0,78	0	0,78
Thuế thu nhập cá nhân	0,3	0,49	0,29	0,49
Thuế giá trị gia tăng	2,5	2,31	2,5	2,30
Tổng cộng	2,97	3,57	2,97	3,57

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

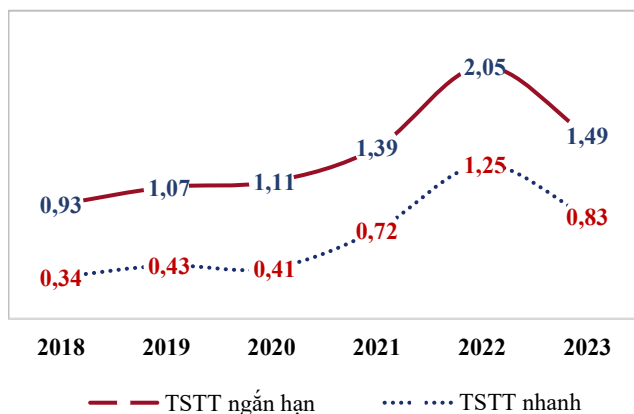
Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023	2022
Quỹ đầu tư và phát triển	1,22	1,22

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2023	2022	+/-	2023	2022	+/-
Khả năng thanh toán							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,49	2,06	-0,56	1,48	1,87	-0,39
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	1,26	-0,42	0,68	1,07	-0,39
Cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,63	0,20	0,43	0,27	0,20	0,07
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,14	0,20	0,18	0,15	0,04
Năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	2,28	3,72	-1,44	2,281	3,72	-1,44
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,6	1,00	-0,44	0,630	1,00	-0,37
Tỷ suất sinh lời							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	6,2%	12,8%	-6,6%	6,3%	13,0%	-6,7%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	6,2%	11,5%	-5,3%	6,1%	11,6%	-5,5%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,0%	11,4%	-8,4%	3,6%	11,6%	-7,9%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,4%	15,7%	-10,3%	5,4%	15,9%	10,6%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.008	3.341	(2.333)			

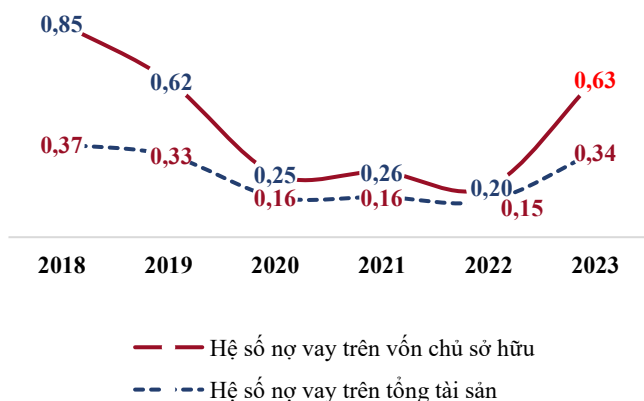
Chỉ số khả năng thanh toán



Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 đạt 1,49 lần, do tài sản ngắn hạn tăng 16,3% trong khi nợ ngắn hạn tăng 60,3%. Tuy nhiên, tỷ số này vẫn lớn hơn 1, thể hiện tài sản ngắn hạn đủ để tài trợ cho nợ ngắn hạn.

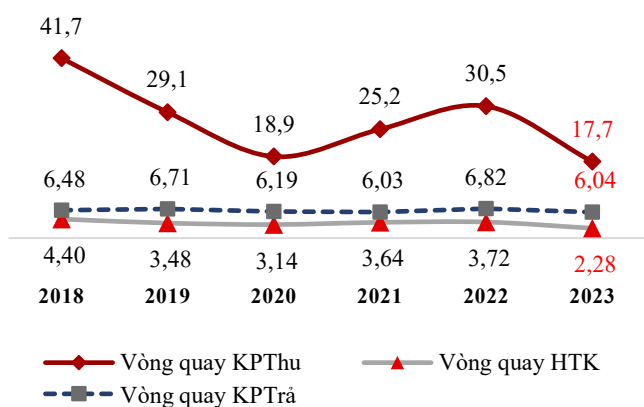
Hệ số thanh toán nhanh năm 2023 cũng giảm so với năm 2022, đạt 0,83 lần do tài sản ngắn hạn tăng ít hơn mức tăng của nợ ngắn hạn, và do hàng tồn kho tăng 32%.

Cơ cấu vốn



Trong năm 2023, nợ vay ngắn hạn tăng 98% so với cùng kỳ, nợ vay dài hạn 409 tỷ trong khi cùng kỳ không có nợ vay dài hạn, trong khi vốn chủ sở hữu chỉ tăng 5,7%, tổng tài sản tăng 40% dẫn đến hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu và nợ vay trên tổng tài sản tăng mạnh, lần lượt đạt 0,63 lần và 0,34 lần.

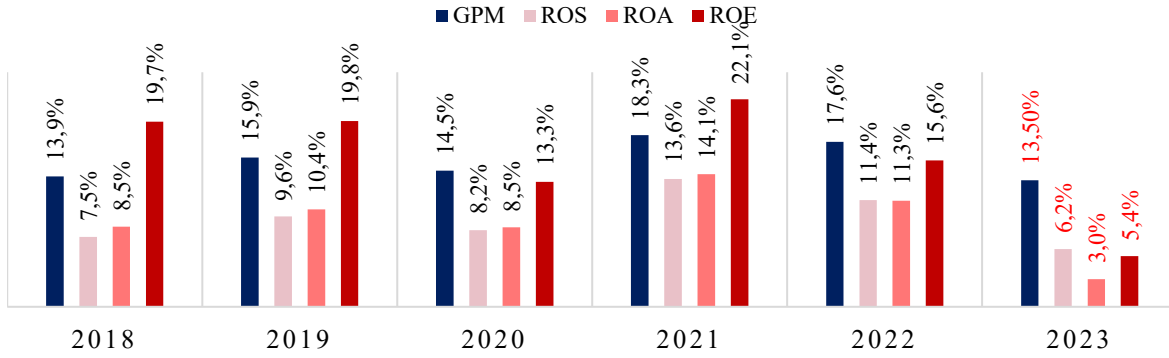
Chỉ số năng lực hoạt động



Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2023 đều giảm so với năm 2022.

Vòng quay khoản phải thu, vòng quay khoản trả, vòng quay hàng tồn kho lần lượt đạt 17,7 lần, 6,04 lần và 2,28 lần.

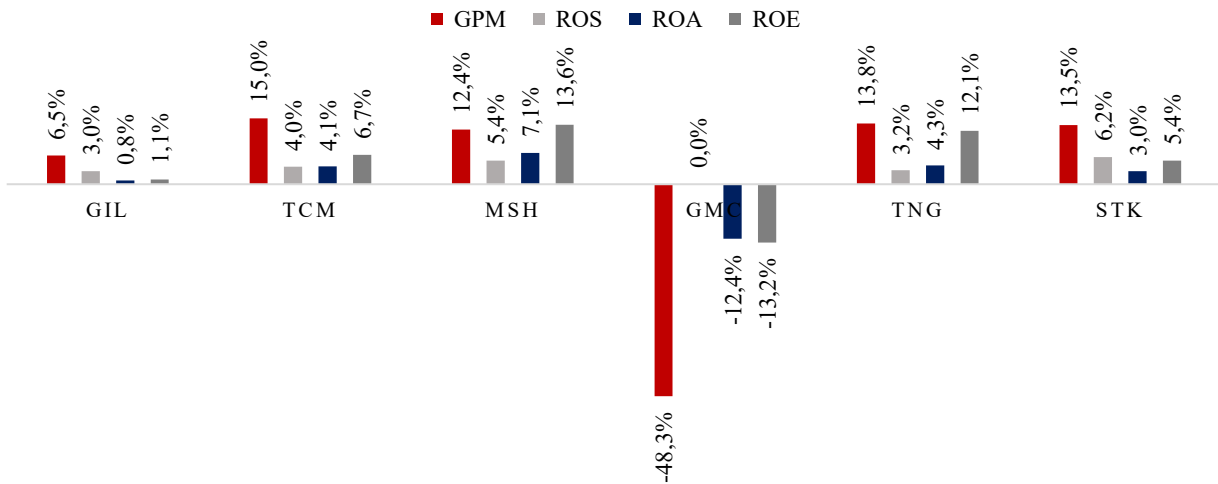
Tỷ suất sinh lời



Do doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm so với cùng kỳ 2022, nên các chỉ số tỷ suất sinh lời đều giảm so với cùng kỳ.

Các chỉ số biên lợi nhuận gộp (GPM), lợi nhuận ròng trên doanh thu (ROS), lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt đạt 13,5%, 6,2%, 3%, và 5,4%.

So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2023



4.2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Danh sách Ban điều hành



Ông Đặng Triệu Hòa

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh.

Quá trình làm việc:

02/2020 – nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.

06/2000 – 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.

1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.

1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 12,92%.

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng.

Quá trình làm việc:

1/2015-nay: Giám đốc Chiến lược, STK .

3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.

4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.

10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).

10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.

3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,014%.



Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: MBA.

Quá trình làm việc:

10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK

11/2010: Kế toán trưởng, STK.

03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.

1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.



Ông Phan Như Bích

Giám đốc tài chính, Kế toán Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0,08%.
trưởng

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2023: Không có

4.2.1. Đánh giá chung của Ban điều hành

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2023	So sánh với thực hiện năm 2022	% đạt Dự báo KQKD năm 2023
Doanh thu thuần	1.425,1	-32,6%	66,3%
Lợi nhuận trước thuế	91,0	-66,2%	31,7%
Lợi nhuận sau thuế	87,8	-63,8%	34,7%

Kết quả đã đạt được

Trước những khó khăn của ngành, ban điều hành vẫn giữ chân được khách hàng hiện hữu và mở rộng thêm 50 khách hàng mới.

So với các đối thủ trong ngành, các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời của Công ty vẫn tương đối khả quan hơn trong bối cảnh khó khăn chung.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 4% từ giảm từ 83,5 tỷ xuống còn 80 tỷ, cho thấy Công ty kiểm soát tốt 2 loại chi phí này.

Điểm chưa đạt được

Các chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ suất sinh lời, chỉ tiêu tài chính, cơ cấu tài sản và nguồn vốn, hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn đều diễn biến xấu hơn trong năm 2023.

4.2.2. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Tỷ trọng 2023	2023	2022	+/-
Tài sản ngắn hạn	46,9%	1,395,94	1.199,95	16,3%
Tài sản dài hạn	53,1%	1,577,92	925,08	70,6%
TỔNG TÀI SẢN	100,0%	2,973,86	2.125,03	39,9%
Nợ phải trả	45,2%	1,345,0	583,9	130,3%
Nợ ngắn hạn	31,5%	935,6	583,7	60,3%
Nợ dài hạn	13,8%	409,4	0,3	150969,1%
Vốn chủ sở hữu	54,8%	1.628,89	1.541,09	5,7%
TỔNG NGUỒN VỐN	100,0%	2.973,86	2.125,03	39,9%

➤ **Tình hình tăng trưởng tài sản hợp nhất**

Tổng tài sản năm 2023 tăng 40% so với cùng kỳ năm 2022. Chủ yếu tăng ở các mục:

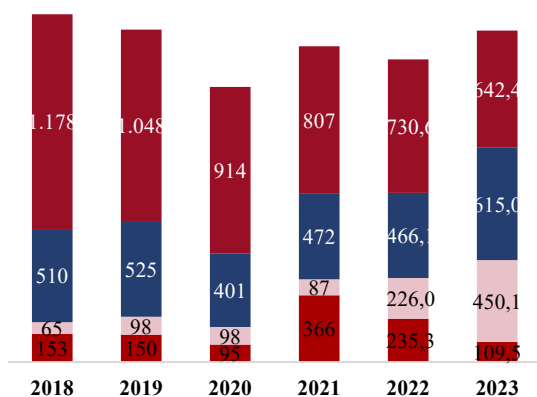
- Trả trước người bán (liên quan đến việc mua máy móc thiết bị cho dự án Unitex), tăng 134%, chiếm 12% cơ cấu tài sản.
- Hàng tồn kho tăng 32%, chiếm 20,7% cơ cấu tài sản.
- Và đặc biệt chi phí xây dựng dở dang dài hạn tăng trên 700 tỷ, chiếm 26,3% trong tổng cơ cấu tài sản. Chủ yếu là do đầu tư xây dựng nhà máy Unitex.

➤ **Tình hình tăng trưởng nguồn vốn hợp nhất**

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả tăng 130%, chiếm 45,2% trong cơ cấu nguồn vốn, chủ yếu tăng ở các khoản mục:

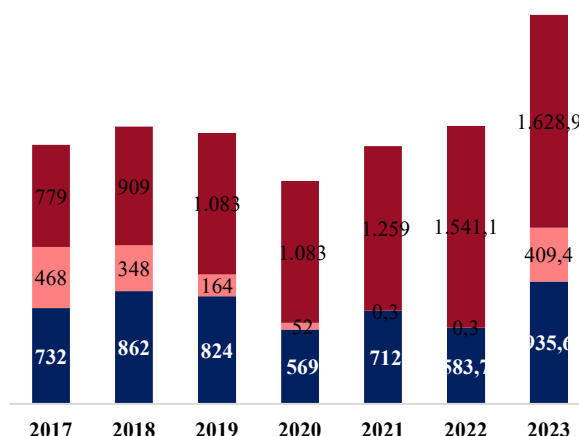
- Vay và nợ ngắn hạn tăng 98%, chiếm 20,5% trong cơ cấu tổng nguồn vốn
- Nợ dài hạn tăng 409 tỷ, chiếm 13,8% trong cơ cấu tổng nguồn vốn.
- Vốn chủ sở hữu tăng 5,7%, chủ yếu do vốn cổ phần tăng 14,5% do phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức.

Tình hình tăng trưởng tài sản (Tỷ đồng)

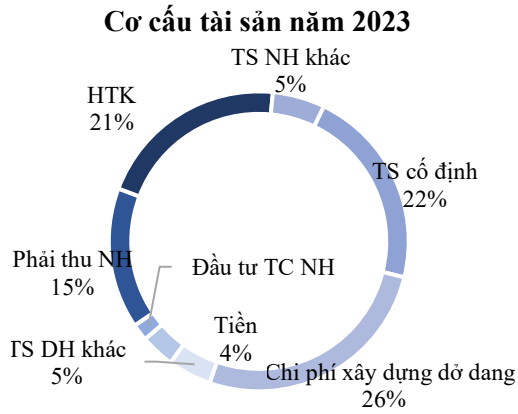


- Tài sản cố định
- Hàng tồn kho
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Tiền và các khoản tương đương tiền

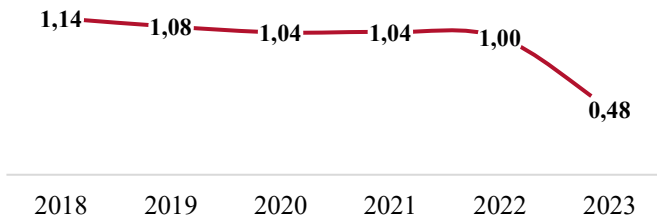
Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (Tỷ đồng)



- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Vốn chủ sở hữu



Hiệu suất sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)



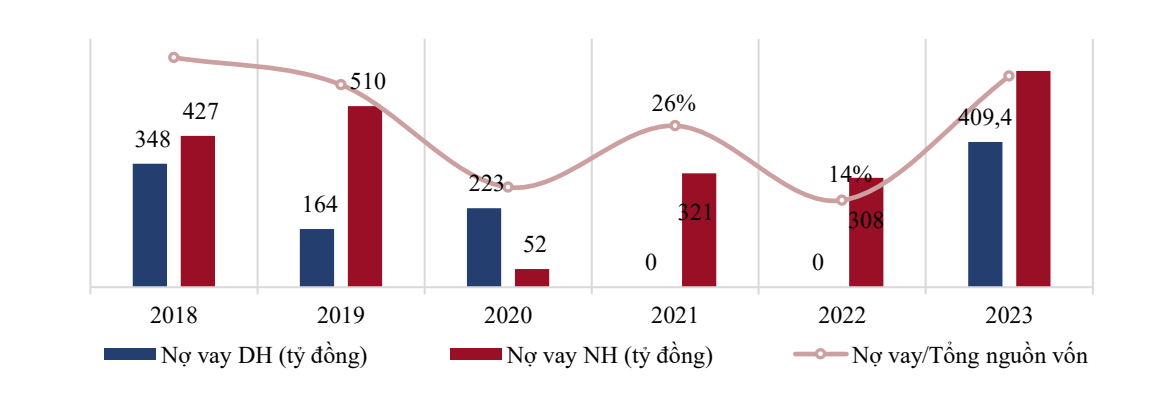
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2023 đạt 0,48 lần, giảm mạnh so với các năm trước.

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

4.2.3. Đánh giá tình hình vay nợ

Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn



Năm 2023, tổng nợ vay của Công ty đạt 1.018,7 tỷ đồng, chiếm 34,3% trong tổng nguồn vốn, tăng 231% so với cùng kỳ. Chủ yếu do vay nợ để tài trợ cho nhà máy mới Unitex.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023	2022	+/-
Nợ vay ngắn hạn	609,5	308,1	98%
Nợ vay dài hạn	409,1	-	
Tổng nợ vay	1.018,67	308,10	231%

Trong năm 2023, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

4.2.4. Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2023 với cùng kỳ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023	2022	+/- (%)
Doanh thu tài chính	31,1	29,3	5,9%
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	20,4	11,6	75,4%
▪ Lãi tiền gửi	10,7	17,7	-39,7%
Chi phí tài chính	54,1	48,4	11,8%
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	36,7	39,2	-6,4%
▪ Lãi tiền vay	17,3	9,1	89,9%
Lợi nhuận tài chính	-23,0	-19,1	20,4%
▪ Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-16,3	-27,6	-40,9%
▪ Lợi nhuận từ lãi tiền gửi	-6,6	8,6	-176,7%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 26/12/2023 là 24.080 đồng, tăng 2,86% so với tỷ giá chốt ngày 30/12/2022 là 23.410 đồng.

Chỉ tiêu (đồng)	2023
Doanh thu hoạt động tài chính	28,792,054,999
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5,001,885,240
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26,615,241
Lãi cho vay mượn nội bộ	5,430,602,316
Lãi C/I tỷ giá mua bán ntệ, chiết khấu thanh toán.	
Lãi do chênh lệch tỷ giá - Thực tế	18,330,409,343
Lãi do chênh lệch tỷ giá - Đánh giá lại	2,542,859
Chi phí tài chính	52,998,026,704
Chi phí tài chính (không gồm lãi vay)	35,662,926,803
Lỗ do chênh lệch tỷ giá - Thực tế	34,656,331,928
Lỗ do chênh lệch tỷ giá thanh toán dài hạn	
Chênh lệch tỉ giá thực hiện FDY.	
Lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính	
Lỗ do chênh lệch tỷ giá - Đánh giá lại	1,006,594,875
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại FDY.	
-Trong đó: Chi phí lãi vay	17,335,099,901

Nhờ nguồn doanh thu bằng USD đủ để chi trả cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu và trả lãi và nợ vay ngoại tệ nên phần lớn lỗ chênh lệch tỷ giá của Công ty là lỗ chưa thực hiện, liên quan đến việc đánh giá lại các khoản vay ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán.

4.2.5. Đánh giá về tình hình tài chính

	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Khả năng thanh toán nhanh	Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	ROS	ROA	ROE
2018	0,93	0,34	0,37	8%	8,50%	19,70%
2019	1,07	0,43	0,62	9,62%	10,35%	19,80%
2020	1,11	0,41	0,25	8,18%	8,47%	13,33%
2021	1,38	0,72	0,26	13,63%	14,12%	22,12%
2022	2,05	1,25	0,20	11,5%	11,4%	15,7%
2023	1,49	0,83	0,63	6,2%	3,0%	5,4%

Các chỉ tiêu tài chính khả năng thanh toán, các chỉ tiêu sinh lời đều thấp hơn 2022. Tuy nhiên, các chỉ số nợ vay trên vốn của Công ty năm 2023 đều cao hơn so với năm 2022.

Mặc dù nợ vay tăng nhưng hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu vẫn thấp hơn 1, cho thấy Công ty thận trọng trong việc quản lý rủi ro tài chính.

Phương án phát triển trong tương lai

Ngắn hạn:

Hoàn thành xây dựng Dự án mở rộng công suất tại Công ty Con để tăng quy mô và thị phần trên thị trường và Doanh thu cho Công ty.

Tập trung đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.

Sử dụng hiệu quả chức năng Kiểm toán nội bộ để phát hiện và có phương án cải thiện những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ.

Trung và dài hạn:

Phát triển các dự án để mở rộng chuỗi cung ứng cũng như phát triển các sản phẩm có giá trị tăng cao.

Ổn định nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa trong sản xuất.

4.2.6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Áp dụng kiểm toán nội bộ để kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro của Công ty

Với góc nhìn khách quan của đơn vị Kiểm toán nội bộ bên ngoài, Ban điều hành đã rà soát lại các quy trình và chuẩn mực và đưa ra phương án cải thiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thiết lập KPIs chất lượng cho từng loại sản phẩm, từ đó tìm ra nguyên nhân dẫn tới KPIs không đạt. Ngoài ra, đối với mỗi đơn hàng, bộ phận sản xuất cũng đánh giá và điều chỉnh điều kiện sản xuất cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Bộ phận sản xuất kết hợp với đơn vị Kế toán để kiểm soát định

mức tiêu hao của từng loại sản phẩm. Đây cũng là cơ sở kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện Quy trình kiểm kê tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm... từng ngày, quản lý việc nhập xuất hàng, tránh thất thoát và chênh lệch giữa số liệu sổ sách và tồn kho thực tế.

4.3. Dự báo kết quả kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2024	Thực hiện 2023	Dự báo 2024 so với Thực hiện 2023
Công ty mẹ			
Doanh thu thuần	2.077,8	1.425,1	145,8%
Lợi nhuận sau thuế	220,3	87,4	252,2%
Hợp nhất			
Doanh thu thuần	2.703,5	1.425,1	189,7%
Lợi nhuận sau thuế	300,6	87,8	342,3%

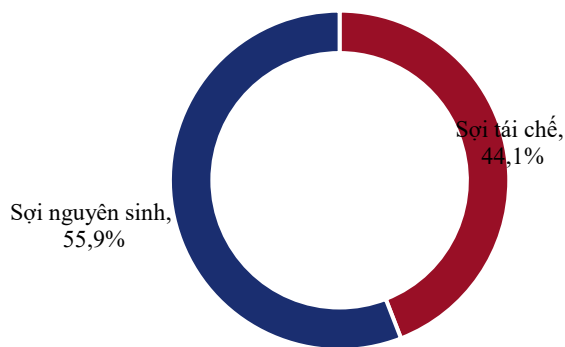
Ước tính kết quả kinh doanh năm 2024 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2024

Đối với Công ty mẹ:

- Doanh thu tăng 45,8% so với thực hiện năm 2023, trong đó doanh thu từ sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 61,4% và 30%.
- Doanh số tăng 42,5% so với thực hiện năm 2023, trong đó doanh số của sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 52,7% và 27%.
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt khoảng 44,1% trong năm 2024, do dự kiến chuyển nhiều đơn hàng sợi tái chế cho Công ty con Unitex.
- Giá bán bình quân tăng 2,3% so với thực hiện năm 2023, trong đó giá bán của sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 5,7% và giá bán sợi tái chế giảm 18,2%.
- Giá hạt chip dự kiến giảm 1,2% so với thực hiện năm 2023, trong đó giá chip nguyên sinh tăng 7,3% và giá chip tái chế giảm 10,8%.
- Chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 7,4% so với thực hiện năm 2023. Trong đó, chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa nguyên sinh tăng 3,4%, chênh lệch giữa giá bán và hạt nhựa tái chế tăng 17,4%.
- Biên lợi nhuận gộp năm 2024 dự kiến đạt 17,8%.
- Chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến chiếm 4,7% trong tổng doanh thu.
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2024 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2023;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 12,4%.

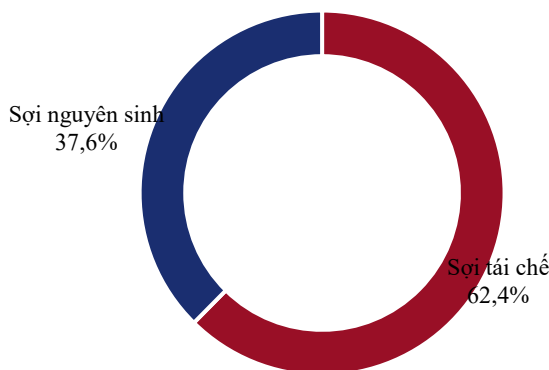
Doanh thu thuần dự kiến năm 2024 theo sản phẩm (Công ty mẹ)



Đối với Công ty con:

- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt khoảng 62,4% trong năm 2024, do nhà máy Unitex có ưu thế sản xuất sợi tái chế hơn.
- Biên lợi nhuận gộp năm 2024 dự kiến đạt 17,8%.
- Chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến chiếm 2,1% trong tổng doanh thu.
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2024 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2023.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân là 0%.

Doanh thu thuần dự kiến năm 2024 theo sản phẩm (Unitex)



4.4. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2024.

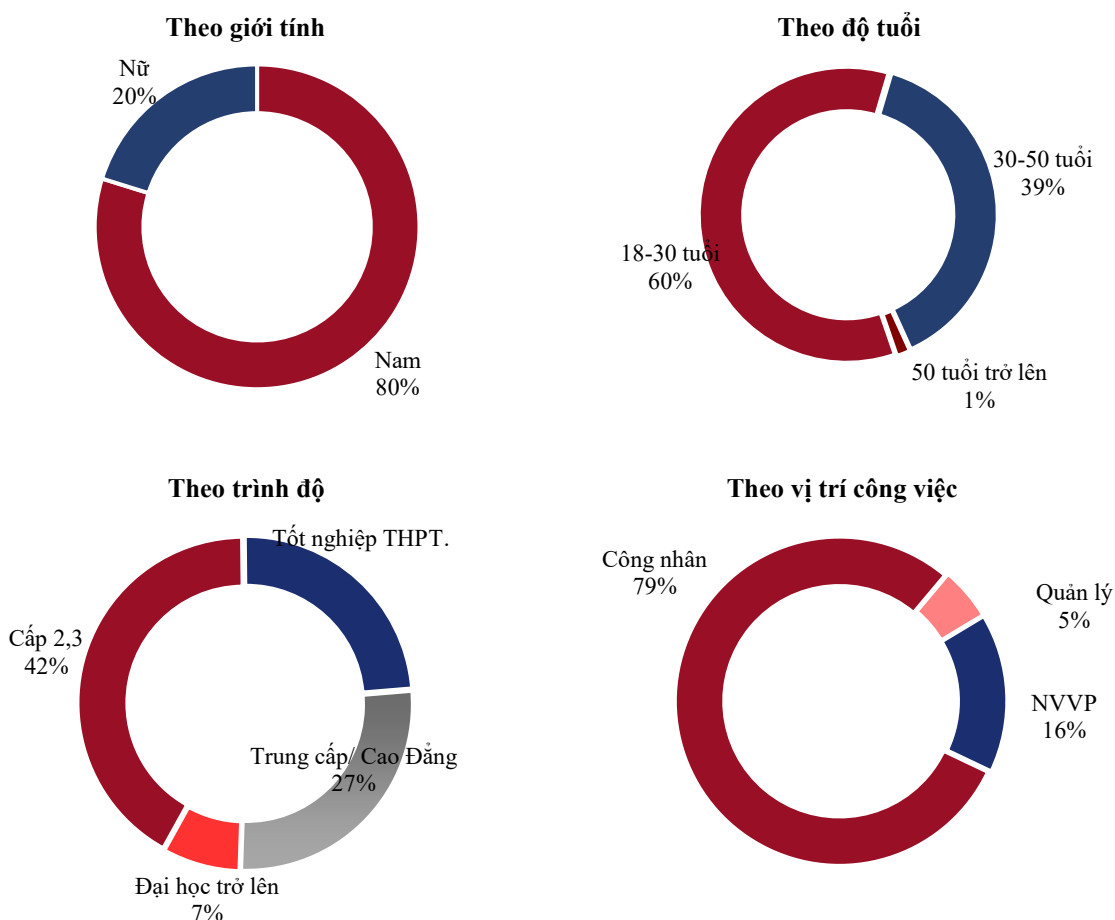
4.5. Phát triển nguồn nhân lực

Nhận thức được tầm quan trọng to lớn của việc phát triển nguồn nhân lực cũng là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, Ban điều hành luôn chú trọng việc tuyển dụng, đào tạo và

phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa giàu kinh nghiệm, có tinh thần cống hiến cho sự thành công của Công ty.

Cơ cấu nhân sự

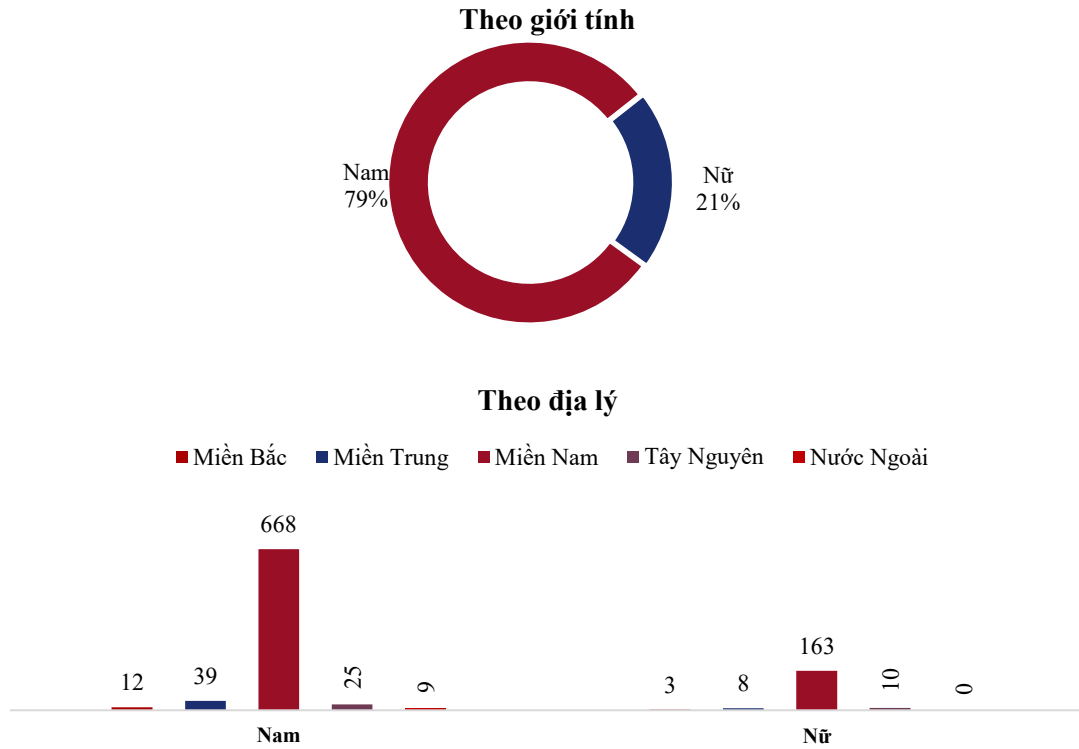
Tổng số người lao động năm 2023: 797 người



Tình hình tuyển dụng năm 2023

Chính sách tuyển dụng của STK chú trọng quá trình sàng lọc và đánh giá người ứng tuyển một cách toàn diện, không chỉ về năng lực, phẩm chất mà còn về tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và sự phù hợp với văn hóa Công ty. Mỗi cá nhân dù ở bất kì vị trí nào cũng được tạo điều kiện để phát triển năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân đều được xem là một mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa đối với việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là duy trì được nguồn nhân lực ổn định và có thể bổ sung thêm người lao động khi Công ty có nhu cầu. Trong năm 2023, Công ty đã tuyển dụng thêm 937 lao động mới, trong đó ứng viên Nam chiếm 79%, Nữ chiếm 21%, tập trung chủ yếu ở miền Nam.



4.5.1. Phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương cơ bản

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.

Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật Công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

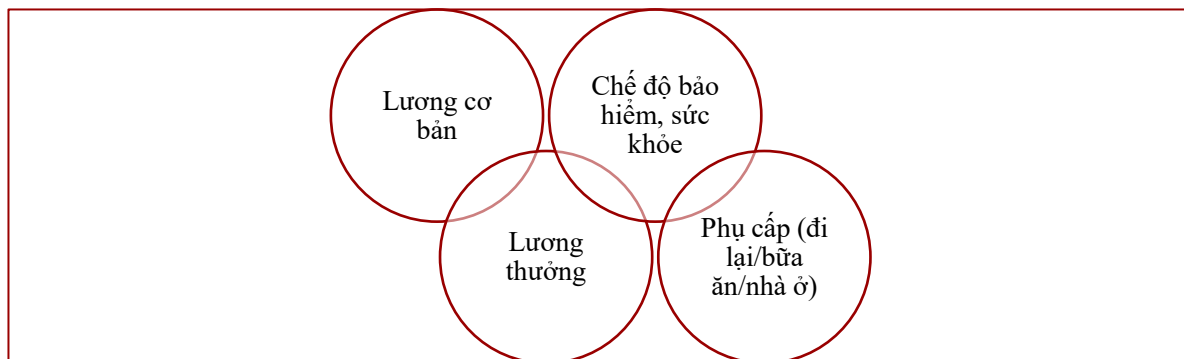
Chính sách thưởng – phạt

Công ty luôn ban hành Quy chế thưởng, phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng-phạt rõ ràng, thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện đúng quy định của Công ty.

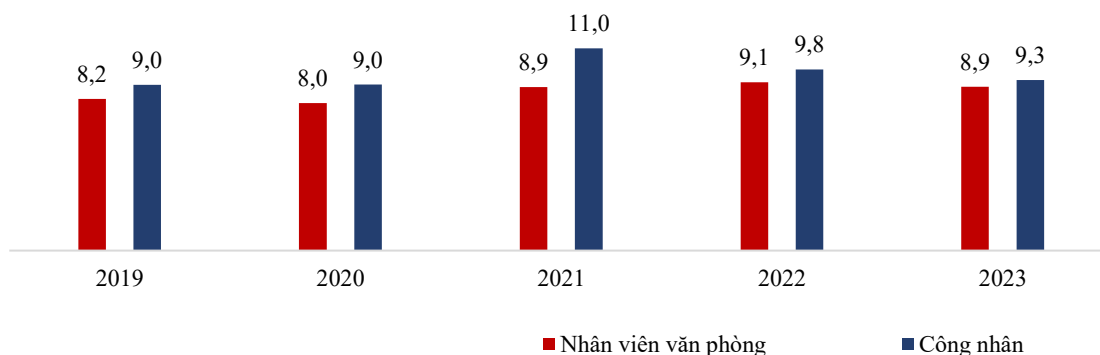
Hàng tháng, người lao động đạt chuẩn về kết quả công việc sẽ được thưởng thêm 1 phần thu nhập như thưởng do hoàn thành nhiệm vụ; thưởng do chấp hành nội quy Công ty; các mức thưởng cụ thể theo từng đặc thù của từng phòng ban; các khoản phụ cấp khác như xăng xe,... và cấp trang thiết bị cần thiết cho công việc như laptop cá nhân cho nhân viên sử dụng,...

Định kỳ hàng năm, ngoài lương tháng 13 và thưởng Tết, Ban điều hành Công ty còn chia sẻ thành quả hoạt động với người lao động, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh trong năm và chiến lược năm sau, người lao động sẽ được nhận thêm 1 khoản thu nhập tương đương từ 1 tháng thu nhập trung bình.

Hệ thống phúc lợi tại Sợi Thế Kỳ



**Thu nhập bình quân của người lao động
(triệu đồng/người/tháng)**



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ, bộ phận Nhân sự²

Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của toàn Công ty giảm 0,6% so với năm 2022, trong đó thu nhập công nhân giảm 5,8%, nhân viên văn phòng giảm 2,7%. Nguyên nhân:

- Do tình hình khó khăn chung của ngành dệt may Việt Nam và STK cũng không phải là ngoại lệ nên năm 2023 Công ty đã không có chính sách tăng lương cho NLĐ.
- Khối sản xuất hưởng lương theo sản lượng nên thu nhập giảm khi nhà máy không hoạt động tối đa công suất.
- Một số công nhân có thâm niên công tác cao nghi việc.

² NVVP: nhân viên văn phòng; CN: công nhân

Mặc dù năm 2023 là một năm có nhiều yếu tố vĩ mô không thuận lợi, Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

Nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động

Công ty xây dựng hệ thống quản lý chất lượng làm việc của từng cá nhân trong từng đơn vị. Mỗi phòng ban đều có bảng thực hiện mục tiêu (KPIs) theo từng năm, quý và tháng. Các phòng ban đều có trách nhiệm nâng cấp KPIs sau mỗi quý và đánh giá lại tính phù hợp đối với KPIs của phòng ban đó. Đối với khối sản xuất từ tác nghiệp viên cho đến cấp quản lý đều có check-list công việc hàng ngày và ghi nhận năng suất làm việc hàng ngày dựa trên hệ thống SAP và POC. Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi của Công ty cũng được xây dựng vào hiệu quả làm việc của từng người lao động, ngoài thu nhập cơ bản, Công ty còn có chế độ lương thưởng đối với các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ mỗi tháng.

Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2023

Phân định KPIs cho từng vị trí công việc để có chế độ đánh giá và thưởng phạt hợp lý.

Điều chỉnh chính sách phúc lợi để thu hút và giữ chân người lao động.

Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động.

Chính sách thăng tiến

Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách thăng tiến hợp lý, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

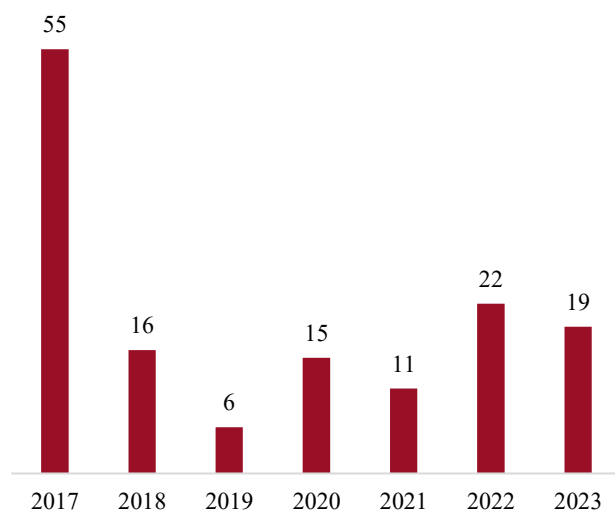
Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

Trong năm 2023 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là **19** lao động.

Đảm bảo an toàn & sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động

Không những quan tâm đến chính sách phúc lợi của người lao động, Sợi Thế Kỳ còn ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động.

Số nhân viên được thăng tiến



STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm môi trường để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Năm 2023, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

100% người lao động được huấn luyện về an toàn lao động đặc biệt đối với những công việc đặc thù (bốc xếp, lái xe nâng, phụ trách kho bãi, vệ sinh máy móc), và an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ cho công nhân ở những khu vực có tiếng ồn cao. Công ty có phòng y tế và nhân viên y tế để chăm sóc sức khỏe và có mua bảo hiểm tại nạn 24/24 cho cán bộ công nhân viên.

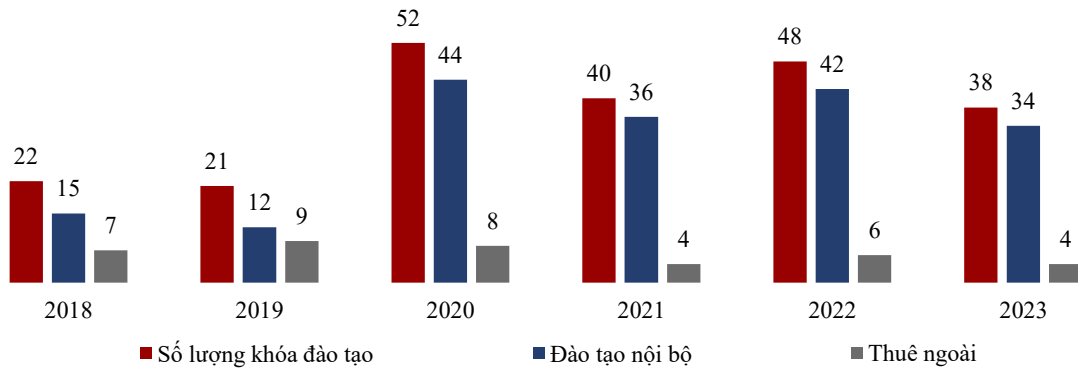
Trong năm 2023, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

4.5.2. Công tác đào tạo

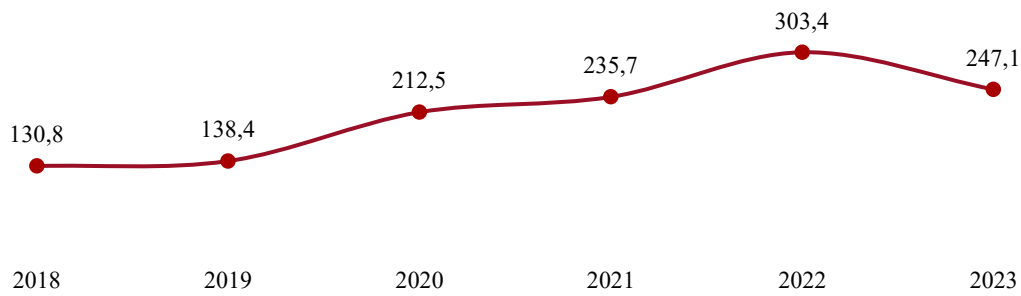
Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty luôn đánh giá cao việc đào tạo đối với người lao động: đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo để người lao động có cơ hội thử thách ở vị trí cao hơn.

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau.

Số lượng khóa đào tạo



Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)



	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	184,9	205,8	133,9	183,4	186,8	141,9
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51,4	43,4	17,5	24,2	53,7	88,4
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	28%	21%	13%	13%	29%	62%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130,83	138,4	206,33	235,07	303,4	247,07

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ	Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm
Chính sách xã hội	Huấn luyện PCCC	Huấn luyện Sơ cấp cứu	Đào tạo nghề và nâng cao, đa tay nghề
Đào tạo đối với nhân viên lái xe nâng	Đào tạo về quy định mới về Incoterms 2020	Đào tạo về kỹ năng tuyển dụng	Đào tạo về quy trình sản xuất

Các khóa đào tạo cấp quản lý

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/người)	Số lượng tham gia (người)	
			Quản lý	
			SL	TG
Đào tạo NQCT cho người mới	CB - CNV	0,5	10	5
Đào tạo các tiêu chuẩn ATLD theo SOP - VP	NVVP + QL	0,33	10	3,3
Đào tạo các tiêu chuẩn ATHC theo SOP - VP		0,33	10	3,3
Đào tạo các tiêu chuẩn AT PC cháy nổ theo SOP - VP		0,33	10	3,3
Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S VP		0,25	10	2,5
Đào tạo các Quy định về TTSP VP		0,25	10	2,5
Khóa đào tạo: nâng cao năng lực cho quản lý	CB - CNV	24	42	1.008

Trong năm 2023, số giờ đào tạo giảm, chi phí đào tạo tăng là vì Công ty có tổ chức khóa đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung

4.5.3. Cộng đồng xã hội

Khoản mục (tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	117,7	107,7	107,5	113,2	120,0	101,8
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.855	1.484	953,5	1.321	1.452,3	994,4
+ Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa	237,6	197,4	93,2	140,1	216,6	175,6
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	125,4	167,8	68,5	116,6	152,7	113

Trao học bổng năm 2023

Tên trường	Số lượng	Kinh phí (đồng)
TCN Củ Chi	1	7,000,000
TCN Đức Hòa	1	4,000,000
CĐN Tây Ninh	1	7,000,000
Tổng cộng		18,000,000

Công ty cấp học bổng cho sinh viên các trường học nghề.

Chống tham nhũng - hối lộ

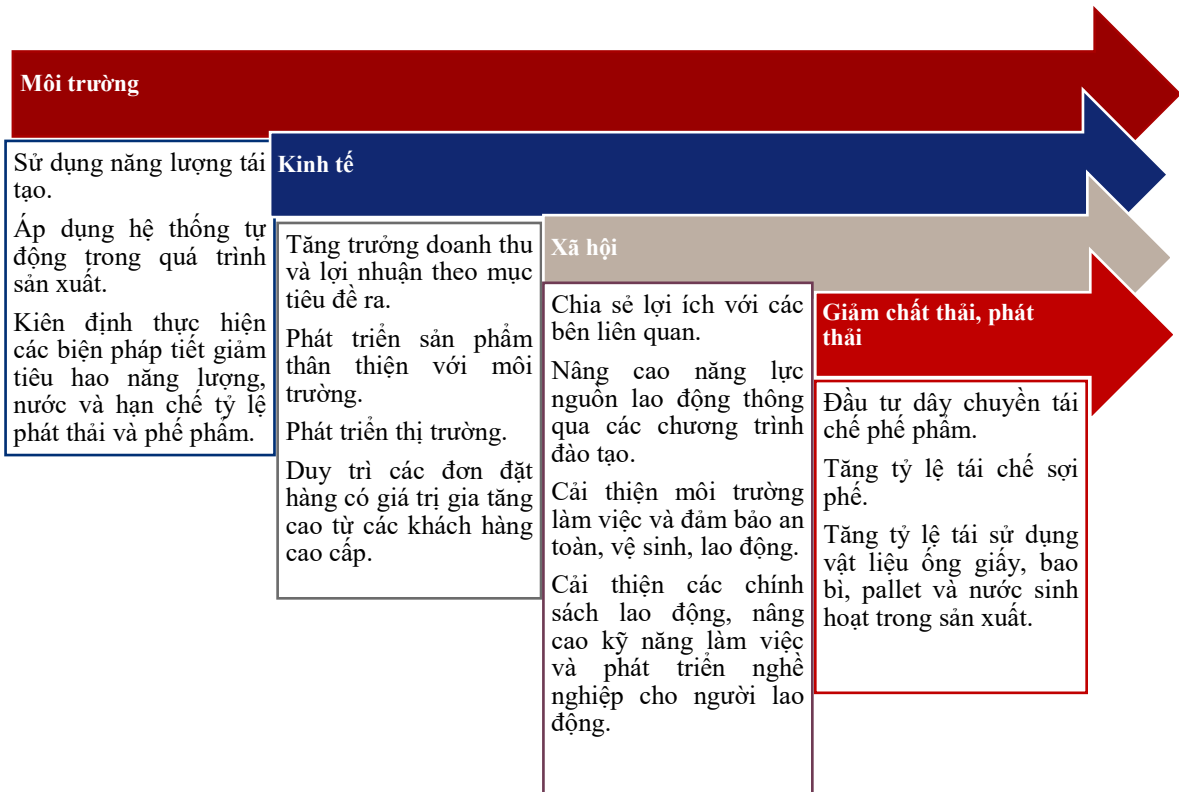
Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các

quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Kể từ năm 2016 Công ty đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử với những quy tắc đạo đức cơ bản mà các thành viên Công ty bao gồm TV của HĐQT, BKS, Ban điều hành và CBCNV cần phải tuân thủ. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản ban đầu, Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại Sợi Thế Kỳ, bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

5. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

5.1. Chiến lược phát triển bền vững



Trọng tâm chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỳ là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế.

Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (giúp giảm khoảng 40%-50% carbon footprint so với sản phẩm sợi nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải, sản phẩm sợi màu sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã nghiên cứu và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co dãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện, nước, tăng tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Công ty đang triển khai Smart Factory cho nhà máy Trảng Bàng 3. Khi áp dụng dự án này, nhà máy kiểm soát theo thời gian thực dòng chảy hàng hóa, từ tính năng giám sát xe hàng đến kiểm soát được tình trạng lỗi phát sinh khi chạy sản phẩm. Trí thông minh nhân tạo (AI) sẽ phân tích học dạng lỗi, qua việc học này AI sẽ biết dạng lỗi là gì mà không cần con người thực hiện, từ đó đưa ra dự báo xu hướng lỗi sắp tới giúp nhà máy can thiệp kịp thời sẽ giảm số lượng hàng lỗi xuống gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm.

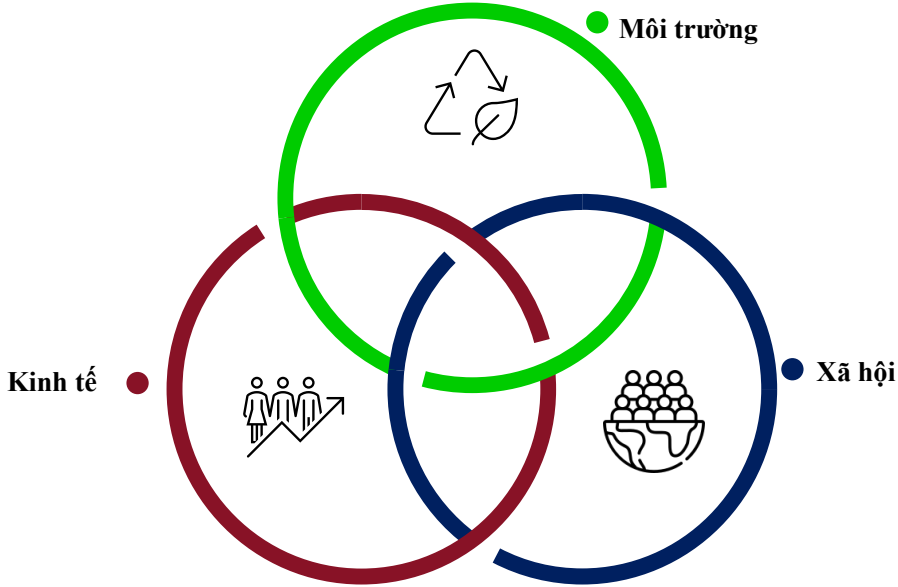
Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

Sợi Thế Kỷ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2024-2026	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2024
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may) nhằm đạt lợi thế về qui mô. ✓ Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA). ✓ Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu. ✓ Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu. ✓ Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 49,5% năm 2023 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu. ✓ Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy. ✓ Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm. ✓ Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói. ✓ Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm. 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36.000 tấn/năm) vào hoạt động nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất thời gian dự kiến cuối Q3.2024. ✓ Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)). ✓ Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng. ✓ Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. ✓ Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2024 là 44,1% trên tổng doanh thu của nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi và 62,4% đối với nhà máy Unitex. ✓ Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA. ✓ Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường. ✓ Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. ✓ Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng. ✓ Áp dụng smart factory nâng cao hiệu suất của nhà máy, giúp giảm lỗi phát sinh và giảm hàng lỗi, giảm phế phẩm từ đó tiết kiệm nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng.

5.2. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Bất chấp bối cảnh vĩ mô không thuận lợi trong năm 2023, Ban điều hành vẫn kiên định với chiến lược phát triển bền vững – cũng như quản trị rủi ro để đạt được mục tiêu Công ty đã đặt ra và mang lại lợi ích cho các bên liên quan.



Môi trường

Tăng tỷ trọng sản phẩm thân thiện với môi trường:

- Tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc từ 44% trong cơ cấu doanh thu năm 2020 lên 54% năm 2022 và giảm nhẹ còn 49,5% trong năm 2023, Công ty đang đặt mục tiêu hướng tới tỷ lệ 60-70% đến năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu; Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2023, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 4,6 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

Tỷ trọng sợi màu cũng đã tăng từ 0,2% doanh thu (2021) lên 0,9% (2022) và 8% năm 2023.

Tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa từ dầu thô và khí, gián tiếp bảo vệ môi trường.

Tái sử dụng ống giấy POY, số lượng ống giấy tiết giảm được là 2,2 triệu ống trong năm 2023.

Nhờ vào hệ thống ngưng tụ nước từ hệ thống làm lạnh, giúp giảm lượng tiêu thụ nước sạch trong năm 2022.

Không xảy ra trường hợp vi phạm về môi trường.

Kinh tế

Doanh thu đạt 1425,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 87,8 tỷ đồng.

Mức tăng lương bình quân tối thiểu.

Chi trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu 15%.

Thưởng cuối năm cho người lao động: Trong năm 2023, Do tình hình khó khăn chung của ngành dệt may Việt Nam và STK cũng không phải là ngoại lệ nên năm 2023 Công ty đã không có chính sách tăng lương cho NLĐ. Bên cạnh đó, do một số người lao động có thâm niên công tác cao nghỉ việc nên thu nhập trung bình của người lao động năm 2023 giảm nhẹ 0,6% so với 2022

Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

Duy trì chính sách thưởng đối với người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xã hội

Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 113,01 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2023.

Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...

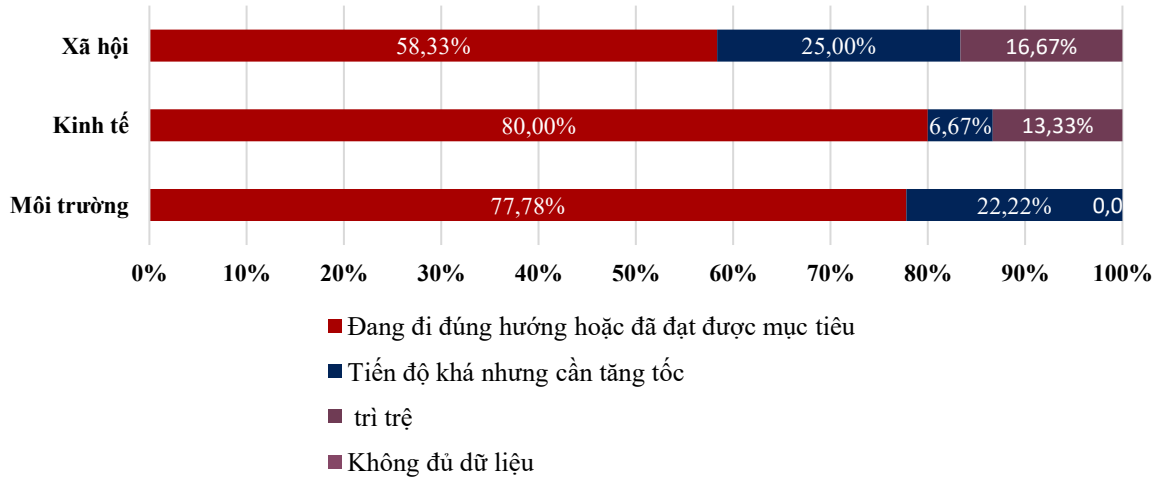
Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

Environmental-Môi trường	Economic-Kinh tế	Social-Xã hội
Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY.	Doanh thu	Tỷ lệ biến động nhân sự.
Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành.
Nước sử dụng m3/kg sợi.	Mức tăng lương bình quân tối thiểu.	Đáp ứng nhu cầu nhân sự .
Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh).	Chi trả cổ tức cho người lao động 15% mệnh giá.	Quản lý ngân sách lương.
Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng.	Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương).	
Tỷ lệ sợi recycle.		

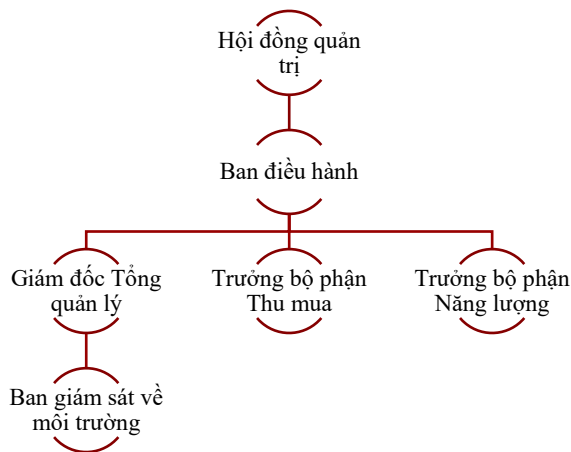
Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK



Công ty vẫn đang trên đường thực hiện tốt các mục tiêu của phát triển bền vững của mình. Cụ thể, mục tiêu về kinh tế Công ty vẫn đang đi đúng hướng với điểm đánh giá thực hiện là 80%, về môi trường đạt 77,8% điểm đánh giá thực hiện. Tuy nhiên mục tiêu về xã hội Công ty cần có những chiến lược phù hợp hơn trong các năm tới để phần trăm đánh giá đang đi đúng hướng được gia tăng lên. Trong 3 năm từ 2021-2023 mức độ đang đi đúng hướng của tiêu chí này chỉ ở mức 58,3%, đi ngang hoặc giảm cải thiện ở mức 25%.

5.3. Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường



Dưới sự chỉ đạo và định hướng của HĐQT, Ban điều hành đề ra phê duyệt các chính sách và cơ chế kiểm soát việc tuân thủ bảo vệ môi trường.

Quản lý cấp trung (giám đốc/trưởng bộ phận) các phòng ban liên quan có trách nhiệm đảm bảo không vi phạm về môi trường như chất thải, nước thải, phát thải; đảm bảo sản phẩm không chứa hóa chất độc hại; thực thi các sáng kiến bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

5.4. Báo cáo tác động đến môi trường

Chính sách bảo vệ môi trường

Vấn đề	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)
Nồng độ bụi	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ.	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic.	Thấp
Tiếng ồn		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khỏe cho người lao động.	Không xảy ra bệnh nghề nghiệp do tiếng ồn gây ra. Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề.	Trung bình
Phát thải khí nhà kính		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ, sử dụng điện mặt trời	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp.	Cao
Nước thải & Chất thải		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định; áp dụng biện pháp tiết kiệm nước sạch.	Không xảy ra vi phạm.	Trung bình

5.4.1. Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Hạt nhựa	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	Pallet	Việt Nam
	Thùng Carton	Việt Nam

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất trực tiếp

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 6,5\%$$

2019	2020	2021	2022	2023
1,6%	2,55%	6,85%	5,66%	6,5%

Nhờ vào hệ thống tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, Công ty đã tiết giảm lượng hạt nhựa mua vào tương đương 6,5% lượng sử dụng năm 2023, góp phần làm giảm khí thải CO2 và chất thải nhựa ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (gián tiếp) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng}}{\text{Tổng số lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 44,3\%$$

2019	2020	2021	2022	2023
33%	35%	42,7%	41%	44,3%

Thông qua việc sản xuất sợi tái chế, Công ty đã thay thế hạt nhựa nguyên sinh thành hạt nhựa tái chế từ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm ô nhiễm đến môi trường đất và nước. Năm 2023, Công ty đã sử dụng 44,3% hạt nhựa tái chế trên tổng lượng tiêu thụ.

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,15 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2023, số lượng ống giấy POY sử dụng là 682.817 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,15 lần; do đó, tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2023 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{682.817 \times 3,15}{682817 \times 3,15 + 11.215.901} = 16\% \end{aligned}$$

2019	2020	2021	2022	2023
23%	21%	22%	20%	16%

Sáng kiến bảo vệ môi trường từ nguyên vật liệu	Kết quả đạt được
Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 4,6 tỷ chai tính đến hết năm 2023.

Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	Tỷ lệ tái sử dụng là 6,5%.
Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY.	Số lần tái sử dụng ống giấy: 3,15 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 16%.

Theo bộ phận sản xuất POY, vì POY là bán thành phẩm để sản xuất tiếp sợi DTY và để không chế lỗi cho DTY buộc số lần tái sử dụng ống giấy phải giảm xuống và sẽ giảm về mức 3.0 năm 2024. Vì việc sử dụng ống giấy nhiều lần có thể gây móp hoặc bẩn ống giấy và không đạt tiêu chuẩn cho bộ phận DTY. Việc giảm tỷ lệ sử dụng ống giấy xuống 3 lần để đảm bảo quá trình quấn sợi ống bị lỗi lôm không ảnh hưởng đến khâu sau khi gia công DTY.

5.4.2. Nhiên liệu tiêu thụ

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

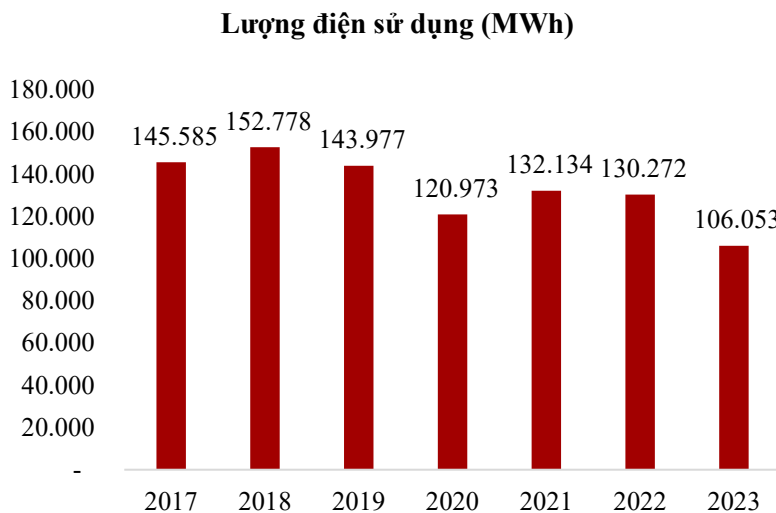
Do đặc thù ngành nghề, máy móc vận hành hầu như liên tục 24/7 (ngoại trừ thời gian bảo trì) để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng việc tiết kiệm lượng điện tiêu thụ để giảm phát thải nhà kính ra môi trường.

Dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC.

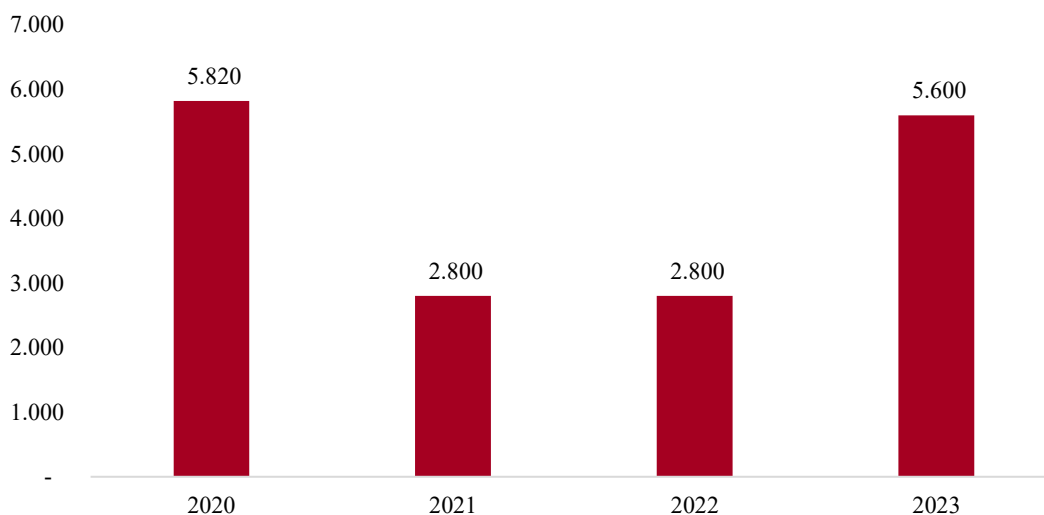
Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- (1) Nguồn năng lượng không tái tạo: dầu DO và điện EVN khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2023: 4,48 tấn, tương đương 5.600 lít, dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC. Lượng điện EVN sử dụng trong năm 2023 là 99,2 triệu Kwh.
- (2) Nguồn năng lượng tái tạo: điện mặt trời. Lượng điện mặt trời đã sử dụng trong năm 2023 là 6,9 triệu Kwh.

Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2023



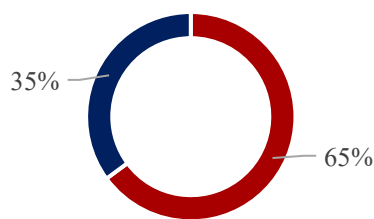
Lượng dầu sử dụng qua các năm (Lít)



Nguồn năng lượng	Năm 2023	Hệ số quy đổi ra MJ	Mj
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) (Kwh)	106.052.949,46	3,6	381.790.618
Dầu DO (Lít)	5.600	36.845	206.332.000

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức = nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ + nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ = 588,1 tỷ Kjun.

Cơ cấu tiêu thụ năng lượng của STK trong năm 2023 (Đơn vị: MJ)



■ Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) ■ Dầu DO

Chú thích:

<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n%C4%91%E1%BB%95i/kilowattgi%E1%BB%9D/%C4%91%E1%BB%83/megajoules#83815848> (quy đổi 1Kwh sang Mj)

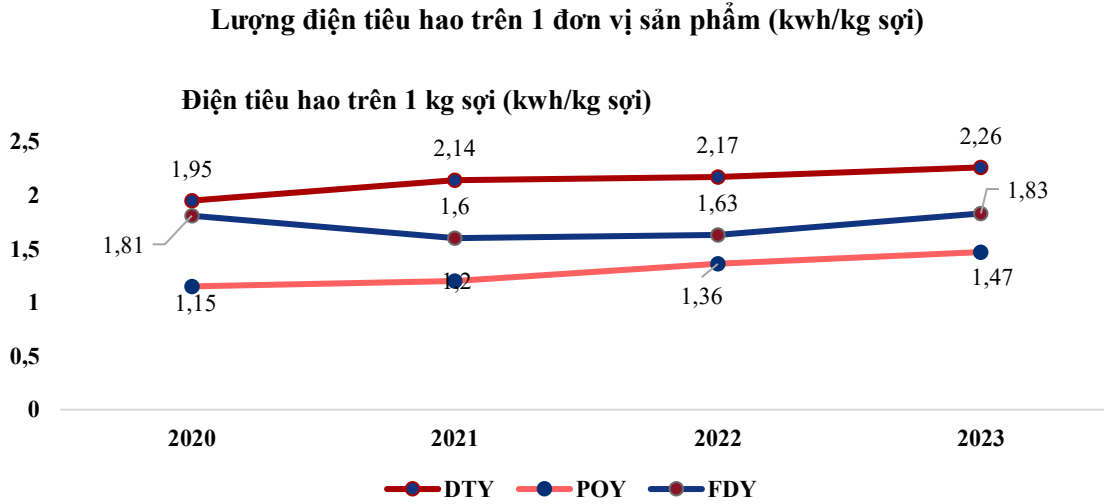
<https://veia.com.vn/he-so-chuyen-doi-don-vi-nang-luong-mj-cua-mot-so-nhien-lieu-pho-bien> (hệ số quy đổi 1 lít dầu DO sang MJ)

<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n-%C4%91%E1%BB%95i/megajoules/%C4%91%E1%BB%83/kilojoules> (Quy đổi Mj sang Kj)

Cường độ sử dụng năng lượng

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:

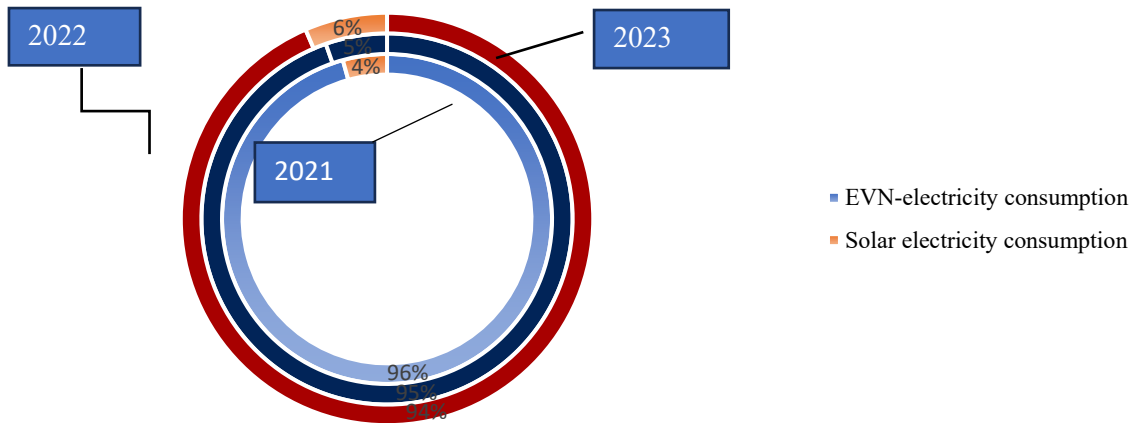


- Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2023 giảm 19% so với 2022, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 nên tổng lượng điện năng sử dụng 2023 thấp hơn 2022. Mặc dù vậy lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, POY và FDY lần lượt tăng 4,1%, 8,1% và 12,3% so với cùng kỳ chủ yếu do việc thu hẹp hoạt động sản xuất dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2023 giảm 25% so với cùng kỳ năm 2022 trong khi các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Bên cạnh đó, Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7,4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.

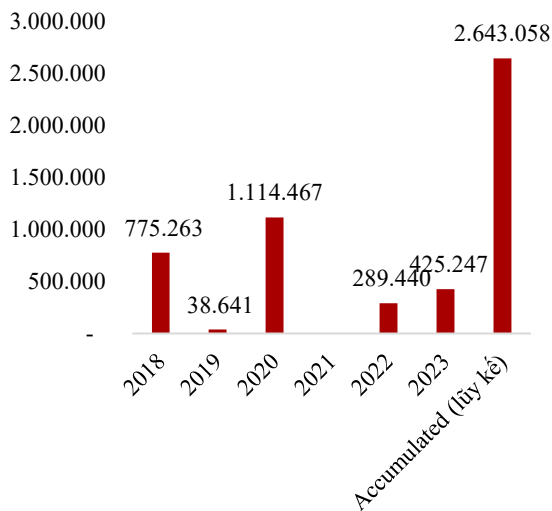
Cơ cấu tiêu thụ điện giai đoạn 2021-2023



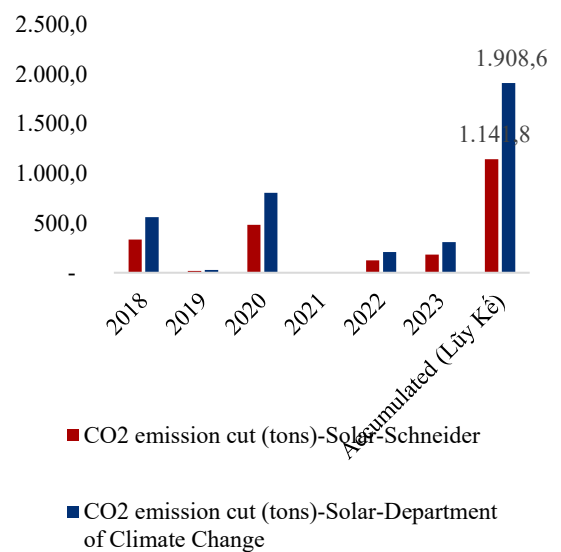
Lượng điện tiết kiệm từ các sáng kiến

Công ty duy trì thực hiện các sáng kiến tiết kiệm điện từ năm 2018 như lắp inventor cho motor dầu thải máy DTY, cho bơm phun sương, cho bơm máy lạnh, khắc phục rò rỉ khí nén, canh chỉnh cánh quạt AC 1,2,3 nhà máy Trảng Bàng... Lũy kế đến năm 2023 nhờ các sáng kiến này Công ty đã tiết kiệm được hơn 2,6 triệu Kwh, tương đương với lượng cắt giảm 1,14 ngàn tấn CO2 tính theo hệ số phát thải của Schneider và 1,91 ngàn tấn CO2 tính theo hệ số phát thải của Cục BĐKH.

Lượng điện tiết kiệm được nhờ các sáng kiến



Carbon footprint cắt giảm nhờ các sáng kiến (tấn)



Ghi chú:

Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric: 0,432 tấn CO2/Mwh.

Hệ số phát thải tính theo Cục Biến Đổi Khí Hậu Việt Nam (Department of Climate Change-DCC): 0,7221 tấn CO2/Mwh.

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2024

Trong năm 2024, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

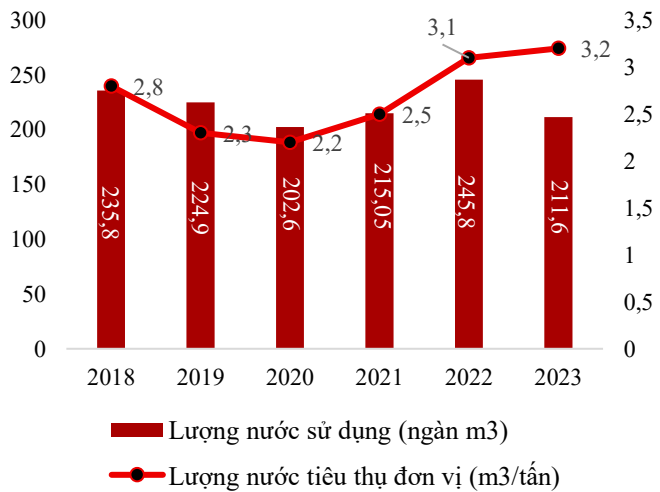
STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện gắn inverter cho motor đầu thổi máy DTY (3 máy). 	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến tiết kiệm được 89,5 triệu VND/năm.
2	<ul style="list-style-type: none"> Canh chỉnh cánh quạt AC1,2,3 TB2 Gắn inverter cho motor quạt hút, quạt thổi AC1,2,3. 	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến tiết kiệm được 787,8 triệu VND/năm Dự kiến tiết kiệm chi phí: 787,8 triệu VND/năm.

5.4.3. Nước tiêu thụ

Tại STK, nước từ hệ thống điều hòa trung tâm sẽ được thu hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng cho hệ thống chiller. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2.815 m³ nước.

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).

Trong năm 2023, mức tiêu hao nước sử dụng giảm 14% so với năm 2022, mức giảm tiêu hao nước sử dụng nhỏ hơn nhiều so với mức giảm sản lượng (sản lượng sản xuất giảm 25% trong năm 2023) nên mức tiêu hao nước trên 1kg sợi của năm 2023 tăng nhẹ 3,2% so với năm 2022 (0.031 m³/kg sợi-2022 và 0.032 m³/kg sợi-2023). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 21,65 triệu đồng trong năm 2023.



Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước đã thực hiện năm 2023

STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	<ul style="list-style-type: none"> Thu hồi nước xả máy nén 3,4 TB3. Thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 Cù Chi về hồ gom để tái sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tiết kiệm 3m³/ ngày đêm tương đương tiết kiệm 7.560.000 VNĐ/năm. Thực hiện tiết kiệm 2m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 6.534.000 VNĐ/năm.

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{6.571}{211.622} \times 100 = 3,1\%$$

2019	2020	2021	2022	2023
1,2%	1,2%	2,3%	2,7%	3,1%

5.4.4. Phát thải

Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.

Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.

Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

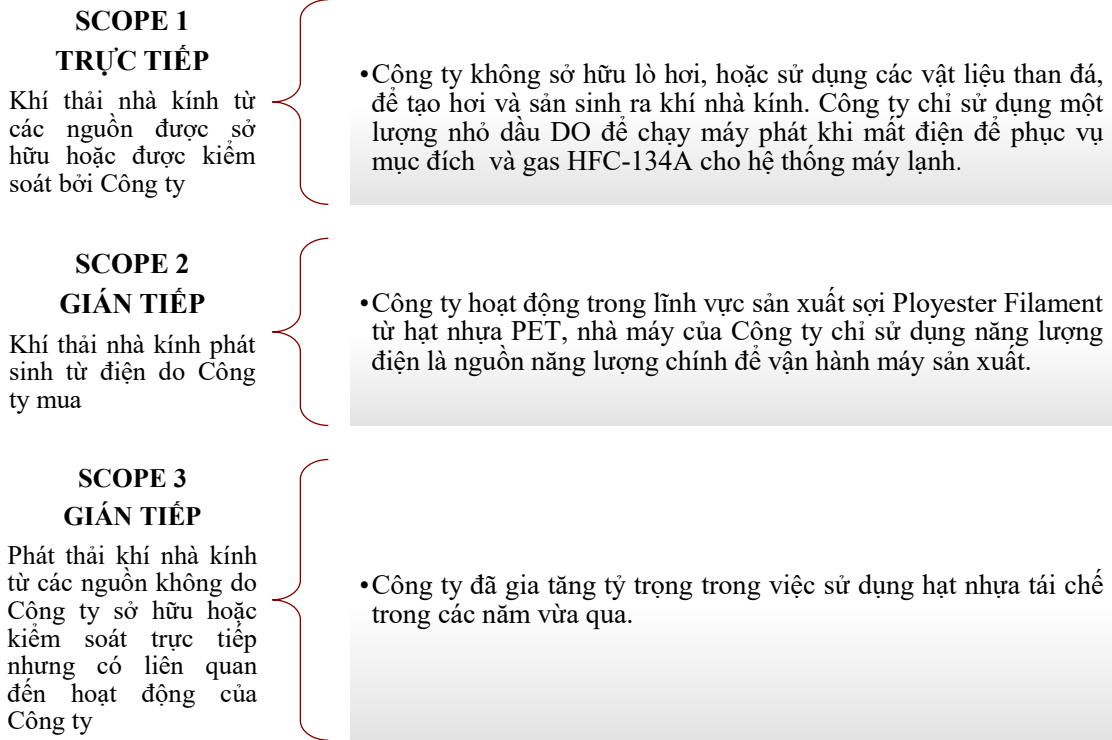
Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.

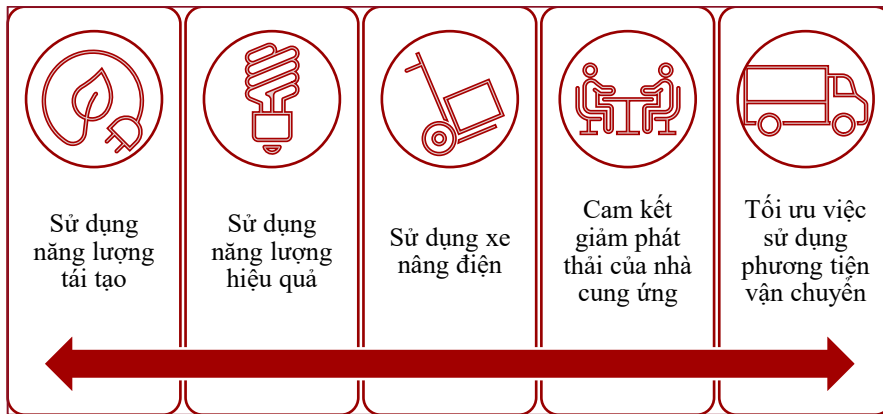
Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.

Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

Giảm phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty



Cách thức thực hiện hướng tới mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính



Hệ số phát thải CO₂ (Schneider Electric)

	Lượng tiêu thụ 2023	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric) ³	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Tăng/giảm % 2023/2022
Điện năng	106.053 MWh/year	0,432 (tCO ₂ e/MWh)	52.260 (tCO ₂ e/year)	57.081 (tCO ₂ e/year)	56.545 (tCO ₂ e/year)	45.802 (tCO ₂ e/year)	-19%

Hệ số phát thải CO₂ (Cục BDKH)

	Lượng tiêu thụ 2023	Hệ số phát thải CO ₂ (Cục BDKH)	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Tăng/giảm % 2023/2022
Điện năng	106.053 MWh/year	0,7221 (tCO ₂ e/MWh)	87.355 (tCO ₂ e/year)	95.414 (tCO ₂ e/year)	94.544 (tCO ₂ e/year)	76.581 (tCO ₂ e/year)	-19%

Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint

1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo- năng lượng mặt trời:

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020 và bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 2021. Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất thực tế 7,4 Mwp giúp Công ty cắt giảm được 25.262 tấn CO₂ tính đến năm 2023. Bên cạnh đó, Công ty đã kí hợp đồng với đối tác để mua thêm năng lượng tái tạo với tổng công suất 75Mwp trong các năm sắp tới.

Từ đầu dự án đến cuối năm 2023	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	25.262
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	18.870
Từ năm 2024 đến hết vòng đời dự án	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	926.152
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	691.817
Lượng CO₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar (DPPA TB)	2.259.099
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh) (DPPA TB)	1.687.500
Tổng lượng CO₂ giảm được:	
Lượng CO ₂ (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	3.185.252
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	2.379.317

³ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

Lưu ý: Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1,3387 ton CO2e/Mwh

2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2026-2027

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” trong tổng doanh thu từ 49,5% năm 2023 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy Củ Chi, Trảng Bàng và Unitex.

	2023	2026-2027
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	49,5%	60%-70%
Lượng CO2 (triệu tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	20,35 triệu tấn	Khoảng 123,05 triệu tấn

Lưu ý: Hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0,5 tấn CO2e/tấn chip và 2,36 tấn CO2e/tấn chip từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK.

5.4.5. Nước thải và Chất thải

❖ Nước thải

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm).

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lường nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Lượng nước thải của Công ty đến từ hai nguồn chính: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất. Trong năm 2023 do việc thu hẹp sản xuất nhà máy Củ Chi từ Q3.2022 đến hết năm 2023 làm sản lượng giảm 25% so với cùng kỳ, gián tiếp làm giảm lượng nước sử dụng của Công ty từ mức 245,8 nghìn m3 năm 2022 xuống còn 211,6 nghìn m3 trong năm 2023 tương đương mức giảm 14%. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách tiết kiệm nước hàng năm góp phần làm giảm lượng nước sử dụng dẫn đến lượng nước thải thấp hơn trong năm 2023.

Bảng thống kê lượng nước thải:

	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lượng nước thải hàng năm	m ³	26.932	26.617	34.269	28.633	33.092	28.380

❖ Chất thải

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
 1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
 2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- **Đối với chất thải nguy hại:**

1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRĂNG BÀNG:			
Dầu nhiên liệu	170601	29.548	Cty TNHH Môi Trường Sen Vàng
Bao bì cứng thải bằng kim loại	180103	196	
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	43.760	
Màng khò	070109	0	Công ty CP Môi Trường Xanh VN
Bụi phế	180201	1.240	
Bóng đèn thải	160106	0	
Hộp mực in thải	080204	0	
Tổng số lượng		74.690	Cty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên
Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
CÚ CHI:			
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	7.620	Cty TNHH Môi trường Sen Vàng
Bao bì cứng thải bằng kim loại	180102	210	
Dầu thải	170601	2000	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Tổng số lượng		8.830	

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: Cty TNHH Môi Trường Sen Vàng, Cty CP Môi Trường Xanh VN, Cty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Công ty TNHH MTV Thu Gom Rác Hiền Lương.
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

5.4.6. Tuân thủ về môi trường

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0.

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Phối hợp với đơn vị độc lập để đánh giá lượng khí CO2 phát thải trong toàn bộ quá trình sản xuất sợi (LCA).

Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra Công ty: 0 lần.

5.5. Thị trường vốn xanh

Dự án sợi tái chế	Dự án sợi màu	Dự án tái chế sợi phế	Dự án năng lượng mặt trời
STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu tăng mạnh từ 16% năm 2018 lên 54% năm 2022 và giảm nhẹ về 49,5% năm. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 4,6 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.	Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.	Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.	Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020.

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

6.1. Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ

Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

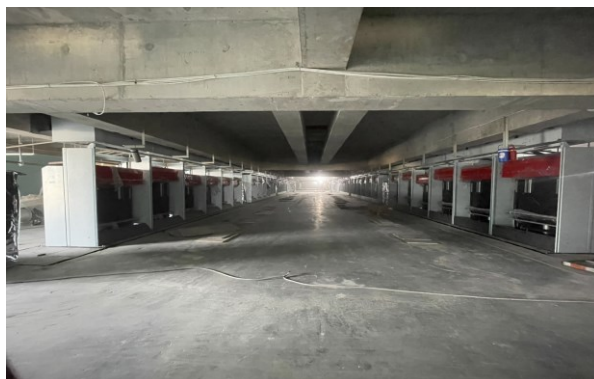
Trong năm 2021, Sợi Thế Kỷ đã thực hiện góp vốn vào Công ty Trách Nhiệm Dintsun Việt Nam (“Dintsun Việt Nam”) để lấy đất và phát triển hạ tầng cho dự án này tại Cụm Công Nghiệp Đá Xây B, Huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Cụm Công Nghiệp Đá Xây B đang trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

6.2. Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con

Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex”.

Thông tin về dự án:

- Công suất tối đa: 60.000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn.
- Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích dự án: 100.183 m².
- Sản phẩm của dự án: Sợi DTY: sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao.
- Khối lượng xây dựng tổng thể tính đến cuối tháng 1.2024: đạt 90%.
- Tiến độ lắp máy đến tháng 1.2024: hoàn thành ~75% hệ thống POY, ~50% hệ thống tự động <10%
- Dự kiến hoàn thành xây dựng vào cuối Q1.2024 và đưa vào hoạt động nhà máy Unitex giai đoạn 1 (36.000 tấn) từ Q3.2024.
- Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” tính đến cuối năm 2023: **522.000.000.000 đồng.**



7. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

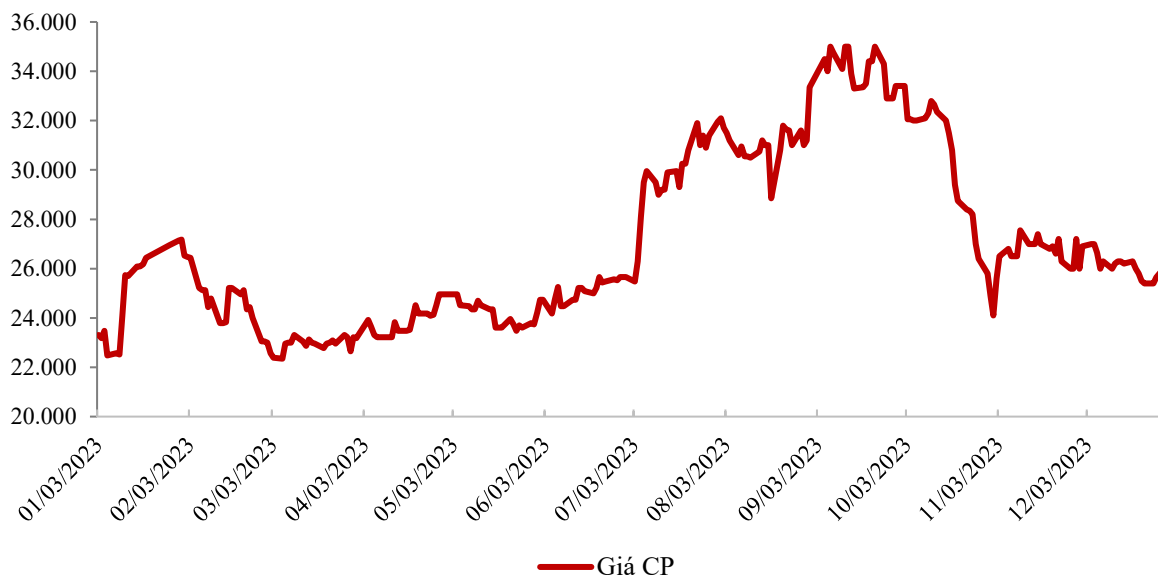
7.1. Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	
Mã cổ phiếu	STK	
Sàn giao dịch	HOSE	
Tổng số phiên giao dịch trong năm 2023	249	Phiên
Tổng khối lượng khớp	13.765.600	Cổ phiếu
Tổng giá trị khớp	455,13	Tỷ đồng

Lịch sử trả cổ tức

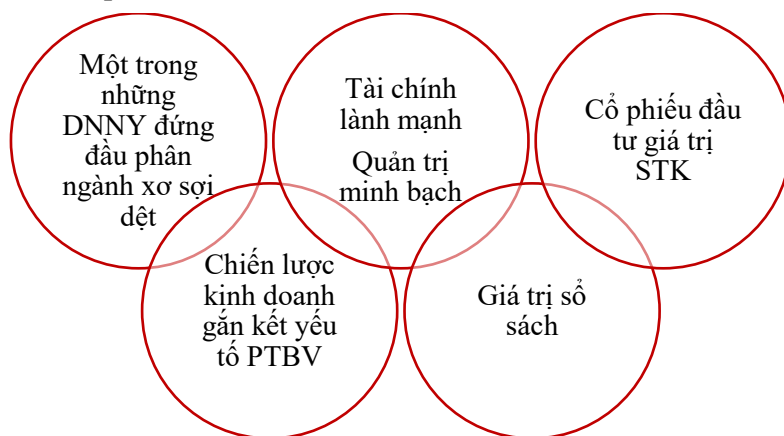
Thời gian	Tỷ lệ
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%
04/08/2022	Bán ưu đãi, tỷ lệ 20%
22/04/2022	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
13/07/2021	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
16/07/2020	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
17/06/2019	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
24/04/2019	Bán ưu đãi, tỷ lệ Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 7%
28/03/2019	Phát hành cho CBCNV 00
14/06/2018	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 8%
24/07/2017	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 12%
30/06/2017	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 3%
01/06/2016	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5% Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%
19/04/2016	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 5%
03/11/2015	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%

Diễn biến giao dịch cổ phiếu STK trong năm 2023 (đồng)



Nguồn: Fiinpro

7.2. Lý do đầu tư cổ phiếu STK



7.3. Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2023, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	966.369.240.000
Tổng số cổ phần niêm yết	96.636.924
Tổng số cổ phần lưu hành	94.095.274
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	2.541.650
Giá trị vốn hóa trên thị trường	2.442 tỷ đồng (29/12/2023)
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0

Thống kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2023)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu: 01 quyền biểu quyết	94.095.274	97,4%

Cổ phiếu ưu đãi		0	0,0%
Cổ phiếu quỹ		2.541.650	2,6%
Tổng cộng		96.636.924	100,0%

Theo loại cổ phần				
	Số lượng cổ đồng	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đồng	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Theo tỷ lệ sở hữu				
Cổ đồng lớn	5	0,32%	53.827.763	55,70%
Cổ đồng nhỏ	1.573	99,68%	42.809.161	44,30%
Tổng cộng	1.578	100%	96.636.924	100,00%
Theo đối tượng sở hữu				
Cổ đồng nhà nước	0	0%	0	0%
Cổ đồng khác	1.578	100%	96.636.924	100%
Tổng cộng	1.578	100%	96.636.924	100%
Theo địa lý				
Trong nước	1.473	93,35%	79.994.605	82,78%
Cá nhân	1.452	92,02%	57.061.140	59,05%
Tổ chức	21	1,33%	22.933.465	23,73%
Ngoài nước	105	6,65%	16.642.319	17,22%
Cá nhân	74	4,69%	1.241.746	1,28%
Tổ chức	31	1,96%	15.400.573	15,94%
Tổng cộng	1.578	100,00%	96.636.924	100,00%

Danh sách cổ đồng lớn (sở hữu trên 5% cổ phần Công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đồng lớn trong năm 2023

Tên cổ đồng	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	16.965.111	20,11%	19.509.877	20,19%	0,08%
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	11.699.240	13,87%	13.454.126	13,92%	0,05%
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	12.161.166	14,42%	13.985.340	14,47%	0,05%
Đặng Hương Cường	Cá nhân	VN	5.981.235	7,09%	6.878.420	7,12%	0,03%
Tổng cộng			46.806.752	55,48%	53.827.763	55,70%	0,22%

Danh sách người nội bộ, người liên quan

STT	Mã CK	Họ Và Tên	Chức vụ tại Công ty niêm yết/mối quan hệ với người nội bộ (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
1	2	3	5	10	11	12
1	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	13,985,340	14.47%	3/30/2023
1.01	STK	Công ty CP TM & ĐT Liên An	Tổ chức có liên quan (TGD)			3/30/2023
1.02	STK	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khai Tiến	Tổ chức có liên quan (TGD)			3/30/2023
1.03	STK	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Hưng Lợi	Tổ chức có liên quan (Chồng là TGD)			3/30/2023
1.04	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			3/30/2023
1.05	STK	Triệu Hưng Moi	Mẹ ruột			3/30/2023
1.06	STK	Hứa Minh Nghĩa	Cha chồng			3/30/2023
1.07	STK	Âu Phụng San	Mẹ chồng			3/30/2023
1.08	STK	Hứa Vĩ Hòa	Chồng			3/30/2023
1.09	STK	Đặng Thừa Hiến	Con ruột			3/30/2023
1.1	STK	Đặng Thừa Khánh	Con ruột			3/30/2023
1.11	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó CT HĐQT, Anh ruột	13,454,126	13.92%	3/30/2023
1.12	STK	Đặng Hướng Cường	TV HĐQT, Em ruột	6,878,420	7.12%	3/30/2023
1.13	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Chị dâu			3/30/2023
1.14	STK	Dang Vicky	Em dâu			3/30/2023
2	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT, TGD	13,454,126	13.92%	3/30/2023
2.01	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			3/30/2023
2.02	STK	Triệu Hưng Moi	Mẹ ruột			3/30/2023
2.03	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Vợ			3/30/2023
2.04	STK	Đặng Gia Hân	Con ruột			3/30/2023
2.05	STK	Đặng Gia Doanh	Con ruột			3/30/2023
2.06	STK	Đặng Gia Huệ	Con ruột			3/30/2023
2.07	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT, Em ruột	13,985,340	14.47%	3/30/2023
2.08	STK	Đặng Hướng Cường	TV HĐQT, Em ruột	6,878,420	7.12%	3/30/2023
2.09	STK	Hứa Vĩ Hòa	Em rể			3/30/2023
2.1	STK	Dang Vicky	Em dâu			3/30/2023
3	STK	Đặng Hướng Cường	TV HĐQT	6,878,420	7.12%	3/30/2023

3.01	STK	Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Tổ chức có liên quan (GD)			3/30/2023
3.02	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			3/30/2023
3.03	STK	Triệu Hưng Mối	Mẹ ruột			3/30/2023
3.04	STK	Dang Vicky	Vợ			3/30/2023
3.05	STK	Trịnh Hoài Thanh	Cha vợ			3/30/2023
3.06	STK	Trinh Anh To	Mẹ vợ			3/30/2023
3.07	STK	Dang Tiffany	Con ruột			3/30/2023
3.08	STK	Dang Christina	Con ruột			3/30/2023
3.09	STK	Đặng Bryan	Con ruột			3/30/2023
3.1	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT, TGD, Anh ruột	13,454,126	13.92%	3/30/2023
3.11	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT, Chị ruột	13,985,340	14.47%	3/30/2023
3.12	STK	Hứa Vĩ Hòa	Anh rể			3/30/2023
3.13	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Chị dâu			3/30/2023
4	STK	Cao Thị Quế Anh	TV HĐQT			3/30/2023
4.01	STK	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh	Tổ chức có liên quan (TGD)	686268	0.71%	3/30/2023
4.02	STK	Cao Xuân Uy	Cha ruột			3/30/2023
4.03	STK	Nguyễn Thị Đan Quế	Mẹ ruột			3/30/2023
4.04	STK	Trịnh Văn Trụ	Cha chồng			3/30/2023
4.05	STK	Trần Thị Lộc	Mẹ chồng			3/30/2023
4.06	STK	Trịnh Văn Tuấn	Chồng			3/30/2023
4.07	STK	Trịnh Thị Mai Anh	Con ruột			3/30/2023
4.08	STK	Trịnh Mai Linh	Con ruột			3/30/2023
4.09	STK	Trịnh Mai Phương – Paula	Con ruột			3/30/2023
4.1	STK	Trịnh Mai Vân	Con ruột			3/30/2023
4.11	STK	Cao Quế Lâm	Em ruột			3/30/2023
4.12	STK	Cao Quế Phong	Em ruột			3/30/2023
4.13	STK	Cao Quế Sơn	Em ruột			3/30/2023
4.14	STK	Bùi Thị Thu Hà	Em dâu			3/30/2023
4.15	STK	Đào Mai Hương	Em dâu			3/30/2023
4.16	STK	Nguyễn Thị Thu Trang	Em dâu			3/30/2023
5	STK	Võ Quang Long	TV HĐQT	5	0.00%	3/30/2023
5.01	STK	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ HƯỚNG VIỆT	Tổ chức có liên quan (TGD)	19,509,877	20.19%	3/30/2023
5.02	STK	Võ Quang Trùng	Cha ruột			3/30/2023
5.03	STK	Nguyễn Thị Lưu Huế	Mẹ ruột			3/30/2023
5.04	STK	Võ Thị Thanh Giang	Vợ			3/30/2023
5.05	STK	Võ Quang Đa	Cha vợ			3/30/2023
5.06	STK	Nguyễn Thị Bích Thủy	Mẹ vợ			3/30/2023
5.07	STK	Võ Quang Trí	Con ruột			3/30/2023
5.08	STK	Võ Quang Nhân	Con ruột			3/30/2023
5.09	STK	Võ Thị Kim Loan	Chị ruột			3/30/2023

5.1	STK	Nguyễn Anh Tuấn	Anh rể		3/30/2023
5.11	STK	Võ Thị Kim Nhứt	Chị ruột		3/30/2023
5.12	STK	Nguyễn Văn Sỹ	Anh rể		3/30/2023
5.13	STK	Võ Thị Minh Châu	Chị ruột		3/30/2023
5.14	STK	Võ Thị Kim Châu	Chị ruột		3/30/2023
5.15	STK	Võ Thị Minh Hiếu	Chị ruột		3/30/2023
5.16	STK	Châu Tấn Thi	Anh rể		3/30/2023
5.17	STK	Võ Quang Khải	Anh ruột		3/30/2023
5.18	STK	Tổng Thị Mỹ Dung	Chị dâu		3/30/2023
5.19	STK	Võ Quang Phú	Anh ruột		3/30/2023
5.2	STK	Võ Thị Mỹ Liên	Chị dâu		3/30/2023
5.21	STK	Võ Quang Quý	Anh ruột		3/30/2023
5.22	STK	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chị dâu		3/30/2023
5.23	STK	Võ Quang Thắng	Anh ruột		3/30/2023
5.24	STK	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Chị dâu		3/30/2023
5.25	STK	Võ Quang Trị	Em ruột		3/30/2023
5.26	STK	Lý Như Quỳnh	Em dâu		3/30/2023
6	STK	Chen Che Jen	TV HDQT		3/30/2023
6.02	STK	Chen Lan Chao	Mẹ ruột		3/30/2023
6.03	STK	Chang Feng Ying	Vợ		3/30/2023
6.04	STK	Chen Ju Fang	Con ruột		3/30/2023
6.05	STK	Chen Chih Yu	Con ruột		3/30/2023
6.06	STK	Chen Huang Jen	Em trai		3/30/2023
7	STK	Nguyễn Quốc Hương	TV HDQT		3/30/2023
7.01	STK	Nguyễn Mạnh Khôi	Cha ruột		3/30/2023
7.02	STK	Lê Thị Thoa	Mẹ ruột		3/30/2023
7.05	STK	Nguyễn Lê Quốc Anh	Con ruột		3/30/2023
7.06	STK	Nguyễn Trần Như Ý	Con ruột		3/30/2023
7.07	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột		3/30/2023
7.08	STK	Nguyễn Mạnh Hà	Anh ruột		3/30/2023
7.09	STK	Nguyễn Minh Hải	Anh ruột		3/30/2023
7.12	STK	Phan Thị Thu Hiền	Chị dâu		3/30/2023
7.13	STK	Nguyễn Xuân Yên	Chị dâu		3/30/2023
8	STK	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS		3/30/2023
8.01	STK	Nguyễn Văn Phả	Cha ruột		3/30/2023
8.02	STK	Nguyễn Thị Cồn	Mẹ ruột		3/30/2023
8.03	STK	Nguyễn Văn Ấu	Cha vợ		3/30/2023
8.04	STK	Nguyễn Thị Quế	Mẹ vợ		3/30/2023
8.05	STK	Nguyễn Kim Sang	Vợ		3/30/2023
8.06	STK	Nguyễn Minh Lương	Anh ruột		3/30/2023
8.07	STK	Nguyễn Hòa Hiệp	Chị ruột		3/30/2023
8.08	STK	Nguyễn Thị Thu Thủy	Em ruột		3/30/2023
8.09	STK	Nguyễn Thị Thu Hằng	Em ruột		3/30/2023
8.1	STK	Trần Bạch Tuyết	Chị dâu		3/30/2023
8.11	STK	Daniel Dupree	Anh rể		3/30/2023
8.12	STK	Phan Hồng Thái	Em rể		3/30/2023
8.13	STK	Nguyễn Đức Tuấn	Em rể		3/30/2023
8.14	STK	Nguyễn Kim Phụng	Chị vợ		3/30/2023
8.15	STK	Nguyễn Hữu Phú	Em vợ		3/30/2023

8.16	STK	Nguyễn Ngọc Như Ý	Con ruột			3/30/2023
8.17	STK	Nguyễn Thành Long	Con rể			3/30/2023
8.18	STK	Nguyễn Tự Cường	Con ruột			3/30/2023
9	STK	Hà Kiệt Trân	TV BKS			3/30/2023
9.01	STK	Hà Nghiệp Từ	Cha ruột			3/30/2023
9.02	STK	Đặng Tú Phương	Mẹ ruột			3/30/2023
9.03	STK	Hà Kiệt Thuận	Em ruột			3/30/2023
10	STK	Đinh Ngọc Hoa	TV BKS	9	0.00%	3/30/2023
10.01	STK	Đinh Văn Tiệu	Cha ruột			3/30/2023
10.02	STK	Võ Thị Sớ	Mẹ ruột			3/30/2023
10.03	STK	Phạm Văn Tư	Chồng			3/30/2023
10.04	STK	Đinh Văn Sen	Em ruột			3/30/2023
10.05	STK	Đinh Văn Thuận	Em ruột			3/30/2023
10.06	STK	Đinh Văn Lợi	Em ruột			3/30/2023
10.07	STK	Phạm Thảo Ly	Con ruột			3/30/2023
10.08	STK	Phạm Gia Nguyên	Con ruột			3/30/2023
10.09	STK	Thị Gái	Em dâu			3/30/2023
10.1	STK	Lê Phương Bảo Giang	Em dâu			3/30/2023
10.11	STK	Phạm Văn Tiếng	Cha chồng			
10.12	STK	Phan Thị Um	Mẹ chồng			
11	STK	Phan Như Bích	GDTC, Kế toán trưởng	82.036	0.08%	10/26/2016
11.01	STK	Phan Văn Đông	Cha ruột			10/26/2016
11.02	STK	Nguyễn Thị Thư	Mẹ ruột			10/26/2016
11.03	STK	Ngô Văn Ne	Cha vợ			10/26/2016
11.04	STK	Hà Thị Hạnh	Mẹ vợ			10/26/2016
11.05	STK	Ngô Thùy Nhung	Vợ			10/26/2016
11.06	STK	Phan Tây Thy	Con ruột			10/26/2016
11.07	STK	Phan Ngọc Hân	Con ruột			10/26/2016
11.08	STK	Phan Thanh Vũ	Anh ruột			10/26/2016
11.09	STK	Phan Thanh Trang	Anh ruột			10/26/2016
11.1	STK	Phan Thanh Trung	Em ruột			10/26/2016
11.11	STK	Phan Thanh Càng	Em ruột			10/26/2016
11.12	STK	Phan Thị Thu Sang	Em ruột			10/26/2016
11.13	STK	Phan Thị Kiều Oanh	Chị dâu			10/26/2016
11.14	STK	Hoàng Thị Đông Trang	Em dâu			10/26/2016
11.15	STK	Nguyễn Quang Đức	Em rể			10/26/2016
12	STK	Nguyễn Phương Chi	NUQ CBTT, NPTQT, GD chiến lược	13.882	0.01%	10/9/2019
12.01	STK	Nguyễn Văn Vinh	Cha ruột			10/9/2019
12.02	STK	Nguyễn Thị Phương	Mẹ ruột			10/9/2019
12.03	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột			10/9/2019
12.04	STK	Nguyễn Phúc An	Con ruột			10/9/2019

7.4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2023

Trong năm Công ty không có giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty.

7.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

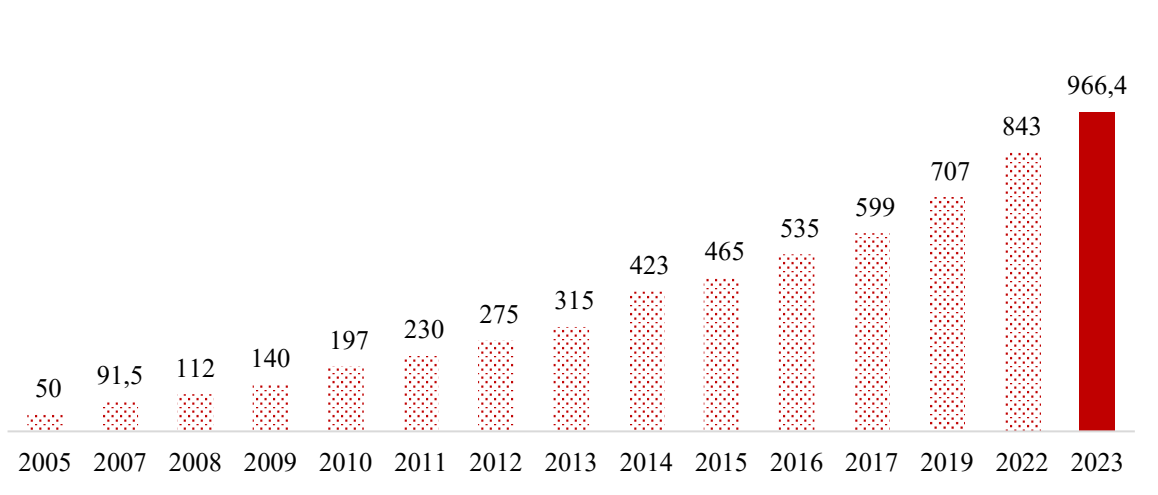
Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ phát sinh trong năm 2023.

7.6. Các chứng khoán khác

Không có.

7.7. Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỷ (tỷ đồng).



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu.	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động.	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược.	26,5	91,5
01/2008	Đối tác chiến lược.	8,5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%).	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu • (phát hành thêm tỷ lệ: 25%).	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược • (phát hành riêng lẻ).	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%).	17,3	197,3
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động • (ESOP 2010).	32,6	229,9

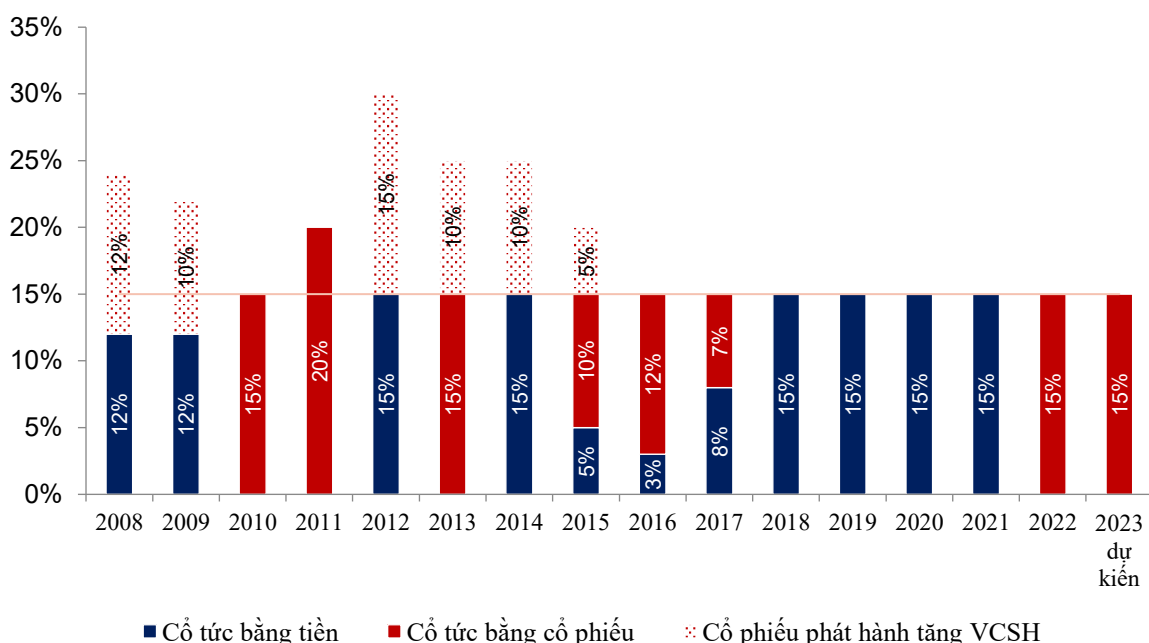
05/2012	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%).	45	274,9
06/2013	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%).	40,5	315,4
06/2014	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%).	77,6	393,1
12/2014	Đấu giá ra công chúng.	30,0	423,1
12/2015	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42,3	465,4
06/2016	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%); • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%).	69,8	535,2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64,2	599,4
05/2019	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%); • (cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%); • (cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%).	107,9	707,3
09/2022	Cổ đông hiện hữu • (cháo bán ra công chúng: 20%).	136,3	843,6
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%.	122,7	996,4

7.8. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức

- Tên cổ phiếu: Công ty Cổ Phần Sợi Thép Kỹ.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành: 84.363.825 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 81.822.175 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.541.650 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 12.273.099 cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% trên cổ phiếu lưu hành, tương đương tỷ lệ 100:15.
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 96.636.924 cổ phiếu. Trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 94.095.274 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.541.650 cổ phiếu.
- Sau đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức ngày 05/07/2023 vốn chủ sở hữu Công ty đã tăng từ 843.638.250.000 đồng lên 966.369.240.000 đồng.

7.9. Chính sách chi trả cổ tức



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%.

Trong năm 2023, Công ty đã trả cổ tức cho năm tài chính 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%

7.10. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Ngoài mục tiêu chính nhằm đệ trình ĐHCĐ những định hướng và kế hoạch hoạt động trong năm, đây là cơ hội để HĐQT và Ban điều hành lắng nghe và trao đổi trực tiếp với cổ đông, từ đó có phương án để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Đã tổ chức ĐHCĐTN 2023 vào ngày 30 tháng 03/2023.

Hoàn thành CBTT đúng hạn yêu cầu về tài liệu họp ĐHCĐ, BB&NQ ĐHCĐ thông qua sau ĐHCĐ....



Các bài viết, báo cáo phân tích

Hàng quý, Công ty đều phát hành “Bản tin IR” để cập nhật tình hình ngành dệt may và phân ngành sợi đến quý cổ đông và nhà đầu tư.

Công bố

- bản tin IR kỳ 32 (vào tháng 1);
- bản tin IR kỳ 33 (vào tháng 4);
- bản tin IR kỳ 34 (vào tháng 7);



- bản tin IR kỳ 35 (vào tháng 10).

Ngoài ra, đội ngũ IR còn cung cấp thông tin để các chuyên viên phân tích, cơ quan báo chí viết bài trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Báo điện tử: hỗ trợ viết bài trên báo điện tử người đồng hành, báo điện tử và báo giấy: Báo Đầu tư chứng khoán, Vietstock, Cafef, báo Vietnambiz, Báo Đầu tư, NDH .



Cuộc họp với nhà đầu tư

Đội ngũ IR cũng thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan Công ty cho nhà đầu tư; các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến.

Công ty cũng định kỳ hàng quý kết nối với các Công ty chứng khoán để tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý (Earnings call) để giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư một cách kịp thời và đầy đủ nhất.

- Tổ chức STK Earnings call với các quỹ/nhà đầu tư cập nhật thông tin hàng quý, đồng thời tham dự Earning calls của các Công ty chứng khoán như HSC, Rồng Việt, SSI.
- Tổ chức Earnings call với chứng khoán Rồng Việt Q4.2022- ngày 02/02/2023.
- Tổ chức Earning Calls với HSC vào ngày 03/02/2023.
- Tổ chức với HSC-Earning Call Q1/2023 vào ngày 04/05/2023, update số liệu industry và thị trường cho nhà đầu tư.
- Tham gia HSC’s EMERGING VIETNAM 2023 Investor Conference ngày 15/06/2023.
- Tổ chức Earnings call với HSC Q2.2023 vào 31/07/2023.
- Tổ chức Earnings call Q2.2023 với RỒNG VIỆT ngày 01/08/2023.
- Tổ chức STK Earnings call vào ngày 04/08/2023.
- Phối hợp HSC tổ chức Q3.2023 earnings call vào ngày 30/10/2023.
- Phối hợp SSI tổ chức Q3.2023 earnings call vào 01/11/2023.
- Gặp gỡ các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, factory tour: 08 lần (VinaCapital, Vietcap, Chứng khoán Bảo Việt,...).

Cập nhật Website Công ty

- Hoạt động công bố thông tin và các tin tức liên quan đến ngành, Công ty được cập nhật nhanh chóng tại Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên Website Công ty với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư chính xác, minh bạch và kịp thời.
- Thực hiện liên tục cập nhật và điều chỉnh các hình ảnh, thông tin Công ty, thông tin ngành, thông tin tuyển dụng, thông tin tài chính, CBTT lên website.

Công bố thông tin

- Đã cập nhật thông tin trên website.
- Thực hiện CBTT đầy đủ theo quy định cho UBCKNN, HOSE.

8. QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Nguyên tắc Quản trị Công ty

Sợi Thế Kỹ đã xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tạo dựng niềm tin và hình ảnh của Công ty đối với các bên liên quan như cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, người lao động. Công ty cam kết thực hiện Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty tốt của Việt Nam.



8.2. Mô hình quản trị

Sợi Thế Kỹ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BĐH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.

Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được

ĐHĐCĐ thông qua được qui định tại Điều 14 Điều lệ của Công ty và theo qui định của pháp luật hiện hành.

HĐQT là cơ quan quản trị tại Công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được qui định tại Điều 25 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về

tình hình tài chính của Công ty) được qui định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được qui định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.




Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty Công ty có bổ nhiệm 1 người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức** trang 28 Báo cáo thường niên 2023



Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, không có thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị.

8.3. Thông tin về Hội đồng quản trị

Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị			
	<p>Bà Đặng Mỹ Linh (52 tuổi) Ngày sinh: 19/01/1972 CMND số: 079172013543 Ngày cấp: 10/16/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p>		
	Đơn vị công tác	Chức vụ	
	1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD
	2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT
	2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD
		Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch
	2020-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT
<p>Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>			
	<p>Ông Đặng Triệu Hòa (55 tuổi) Ngày sinh: 19/10/1969 CMND số: 079069011874 Ngày cấp: 11/08/2021 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p>		
	Đơn vị công tác	Chức vụ	
	1991 - 1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc
	1995 - 2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc
	2000 - 3/2023	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
	03/2023 - nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD
<p>Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>			
	<p>Ông Đặng Hường Cường (48 tuổi) Ngày sinh: 04/07/1976 CMND số: 079076033726 Ngày cấp: 18/10/2022 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p>		
	Đơn vị công tác	Chức vụ	
	2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc
	2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT
<p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT</p>			

	<p>Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>																		
	<p>Bà Cao Thị Quế Anh (58 tuổi) Ngày sinh: 17/04/1966 CMND số: 038166010196 Ngày cấp: 19/04/2021 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="489 645 1313 965"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991-2003</td> <td>Cộng Hoà Ba Lan</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2003-2008</td> <td>Thành phố Hồ Chí Minh</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2008 - nay</td> <td>Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh</td> <td>TGĐ</td> </tr> <tr> <td>2009-2012</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế</td> <td>TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT</td> </tr> <tr> <td>2015-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do	2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do	2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGĐ	2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT	2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do																	
2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do																	
2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGĐ																	
2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT																	
2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT																	
	<p>Ông Võ Quang Long (46 tuổi) Ngày sinh: 28/10/1978 CMND số: 056078009166 Ngày cấp: 08/12/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="480 1279 1321 1641"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2006-2009</td> <td>Công ty quản lý quỹ ACB</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>1/2010-9/2010</td> <td>HD Bank</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>10/2010-01/2018</td> <td>OCB</td> <td>Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư</td> </tr> <tr> <td>02/2018-nay</td> <td>CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt</td> <td>TGĐ</td> </tr> <tr> <td>2018-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư	1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư	10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư	02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGĐ	2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư																	
1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư																	
10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư																	
02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGĐ																	
2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT																	

	<p>Ông Chen Che Jen (60 tuổi) Ngày sinh: 10/12/1964 Hộ chiếu số: 360867733 Ngày cấp: 27/10/2022 Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Công nghệ. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1990-1997</td> <td>Formosa Taffeta Co., Ltd</td> <td>Kinh doanh</td> </tr> <tr> <td>1997-1999</td> <td>Formosa Taffeta HK</td> <td>Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2002-nay</td> <td>Formosa Taffeta VN</td> <td>Giám đốc Marketing</td> </tr> <tr> <td>2018-nay</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh	1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc	2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing	2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT
		Đơn vị công tác	Chức vụ													
1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh														
1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc														
2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing														
2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT														
	<p>Ông Nguyễn Quốc Hương (53 tuổi) Ngày sinh: 03/11/1971 CMND số: 001071016584 Ngày cấp: 04/09/2022 Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2013-2014</td> <td>Ngân hàng Eximbank</td> <td>Tổng giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2014-2017</td> <td>Ngân hàng Eximbank</td> <td>Phó Tổng giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2018</td> <td>Kinh doanh tự do</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc	2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc	2018	Kinh doanh tự do				
	Đơn vị công tác	Chức vụ														
2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc														
2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc														
2018	Kinh doanh tự do															

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT năm 2023 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các Công ty khác	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	13.985.340	14,47%	Không có	20.332.546	21,04%
2	Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	13.454.126	13,92%	Không có	20.863.760	21,59%
3	Đặng Hương Cường	TV.HĐQT	6.878.420	7,12%	Không có	27.439.466	28,39%
4	Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0,00%	Không có	686.268	0,71%
5	Võ Quang Long	TV.HĐQT	5	0,00%	Không có	19.509.877	20,19%
6	Chen Che Jen	TV.HĐQT	0	0,00%	Không có	0	0,00%

7	Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT	0	0,000%	Không có	0	0,00%
---	-------------------	---------	---	--------	----------	---	-------

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2023-2028) gồm 07 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập;
- 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành;
- 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

8.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023

8.4.1. Các cuộc họp HĐQT

HĐQT đã tiến hành 31 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 28 Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đặng Mỹ Linh	31/31	100%	
2	Ông Đặng Triệu Hòa	31/31	100%	
3	Ông Đặng Hường Cường	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
4	Bà Cao Thị Quế Anh	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
5	Ông Võ Quang Long	31/31	100%	
6	Ông Chen Che Jen	30/31	96,77%	Bận lịch công tác
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	31/31	100%	

8.4.2. Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có.

8.4.3. Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2023/NQHĐQT	11/01/2023	Thông qua hợp đồng tín dụng giữa UNITEX và ngân hàng CTBC.	100%
2	01A-2023/NQHĐQT	11/01/2023	Thông qua khoản vay ngắn hạn giữa UNITEX và ngân hàng CTBC.	100%
3	01B-2023/NQHĐQT	11/01/2023	Thông qua việc cấp tín dụng dài hạn tuần hoàn của UNITEX tại Ngân Hàng CTBC - chi nhánh HCM 2023.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	02-2023/NQHĐQT	06/02/2023	Thông qua ngày chốt quyền tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023.	100%
5	03-2023/NQHĐQT	09/03/2023	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	100%
6	04-2023/NQHĐQT	13/03/2023	Thông qua việc góp vốn vào Công ty con (UNITEX).	100%
7	05-2023/NQHĐQT	17/03/2023	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng SinoPac – chi nhánh TP.HCM 2023.	100%
8	06-2023/NQHĐQT	21/03/2023	Thông qua việc điều chỉnh NQ HĐQT số 04-2023/NQHĐQT ngày 13/03/2023 về việc tăng vốn vào Công ty con (UNITEX).	100%
9	07-2023/NQHĐQT	22/03/2023	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng OCB năm 2023.	100%
10	08-2023/NQHĐQT	30/03/2023	Thông qua việc bầu Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch HĐQT Nhiệm kỳ 2023 – 2028.	100%
11	09-2023/NQHĐQT	30/03/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
12	10-2023/NQHĐQT	10/04/2023	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022.	100%
13	11-2023/NQHĐQT	10/04/2023	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022.	100%
14	12-2023/NQHĐQT	18/04/2023	Thông qua việc tạm dừng triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.	100%
15	13-2023/NQHĐQT	26/04/2023	Thông qua khoản vay – NH Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – Hochiminh City branch.	100%
16	14-2023/NQHĐQT	18/05/2023	Thông qua NQ HĐQT thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 2023.	100%
17	15-2023/NQHĐQT	19/06/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu 2022.	100%
18	16-2023/NQHĐQT	26/06/2023	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023.	100%
19	17-2023/NQHĐQT	10/07/2023	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức FY2022.	100%
20	18-2023/NQHĐQT	11/07/2023	Thông qua cấp tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng Eximbank 2023.	100%
21	19-2023/NQHĐQT	11/08/2023	Thông qua việc cấp khoản tín dụng ngắn hạn tuần hoàn tại Ngân hàng CTBC của UNITEX năm 2023.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	20-2023/NQHĐQT	29/08/2023	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Chủ Tịch và Tổng giám đốc của UNITEX.	100%
23	21-2023/NQHĐQT	29/08/2023	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng và cho phép Chi nhánh Công ty được sử dụng hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng Woori Bank 2023.	100%
24	22-2023/NQHĐQT	16/10/2023	Thông qua việc cấp tín dụng tại ngân hàng SinoPac – chi nhánh TP.HCM 2023.	100%
25	23-2023/NQHĐQT	09/11/2023	Thông qua việc triển khai phương án chào bán riêng lẻ.	100%
26	24-2023/NQHĐQT	09/11/2023	Thông qua việc triển khai phương án bán cổ phiếu quỹ.	100%
27	25-2023/NQHĐQT	09/11/2023	Thông qua việc triển khai phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình ESOP.	100%
28	26-2023/NQHĐQT	19/12/2023	Thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS 2023.	100%

8.4.4. Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 30/03/2023

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Kết quả thực hiện
1	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022.	
2	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2022.	
3	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.	
4	Thông qua Phương án chia cổ tức 2022: Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%/cổ phiếu đang lưu hành.	Đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2022 vào tháng 07/2023.
5	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh năm 2023. Doanh thu: 2.149,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế: 253,1 tỷ đồng.	Kết quả thực hiện năm 2023: Doanh thu: 1.425 tỷ đồng (đạt 66,3% kế hoạch); Lợi nhuận sau thuế: 87,7 tỷ đồng (đạt 34,7% kế hoạch).
6	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2023.	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2023.
7	Thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022.	Đã thực hiện 10/4/2023.
8	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023. Tổng thù lao cho HĐQT năm 2023 là: 1,2 tỷ đồng.	Đã thực hiện chi trả ngày 19/12/2023.

	Tổng thù lao cho BKS năm 2023 là: 180 triệu đồng.	
9	Thông qua Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.	
10	Thông qua Danh sách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.	

Tiến độ thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ 2022 - 2023

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHCĐ 2022	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động.	Công ty đã nhận được công văn của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cho phép sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành ESOP. Thời gian phát hành dự kiến tháng 3 và tháng 4 năm 2024.
2.	Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ.	Bộ hồ sơ chào bán riêng lẻ đã nộp hồ sơ vào tháng 11/2023 nhưng UBCKNN đã dừng xem xét bộ hồ sơ do hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu của UBCKNN. Công ty sẽ tiếp tục nộp lại bộ hồ sơ trong quý 1/2024.
3.	Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ.	Bộ hồ sơ Bán cổ phiếu Quỹ đã được nộp cho UBCKNN vào tháng 11/2023 và Công ty đang chuẩn bị bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.

8.4.5. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất.
- Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

Các buổi họp của HĐQT

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể và theo đúng các qui định về tổ chức cuộc họp.
- Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận/trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban Điều Hành.
- Các dự án đầu tư mới đều được nghiên cứu, thảo luận và phản biện trong các cuộc họp HĐQT và Ban Điều Hành.
- Các giao dịch với bên có liên quan đều được HĐQT xem xét kỹ lưỡng và thông qua trước khi thực hiện.

Vai trò giám sát ban điều hành của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Điều Hành, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát để đi đúng hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.
- HĐQT thường xuyên theo dõi và định hướng tiến trình điều hành của TGD và Ban Điều Hành, đảm bảo tuân thủ các quyết định về phân

- quyền và các chính sách, kế hoạch của HĐQT, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật.
- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản lý rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Điều Hành nhận diện sớm vấn đề, giúp Công ty duy trì tính bền vững và ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Các công việc của HĐQT đã thực hiện năm 2023 theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các chuẩn mực về quản trị Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty
- Các thành viên HĐQT đã đề xuất, tham mưu về việc nâng cao năng lực quản trị Công ty, các chính sách quản lý và các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã định hướng nhiều giải pháp hiệu quả giúp Ban Điều Hành vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty.
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc xem xét, phê chuẩn và giám sát việc triển khai các mục

- tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh (kết quả hoạt động và tài chính)
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc đánh giá các cán bộ quản lý cấp cao.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng môi trường quản trị doanh nghiệp đảm bảo việc CBTT kịp thời và hiệu quả, trách nhiệm giải trình đối với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, các tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao và tuân thủ các qui định hiện hành.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HĐQT hoàn thành các nghĩa vụ.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc chất vấn, tư vấn và hỗ trợ các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.

8.4.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2023-2028), 2/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2023-2028) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1. Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Đặng Hương Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS
6. Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS
7. Hà Kiệt Trân – Thành viên BKS.

8.4.7. Các tiểu ban HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

8.4.8. Đánh giá hoạt động của HĐQT

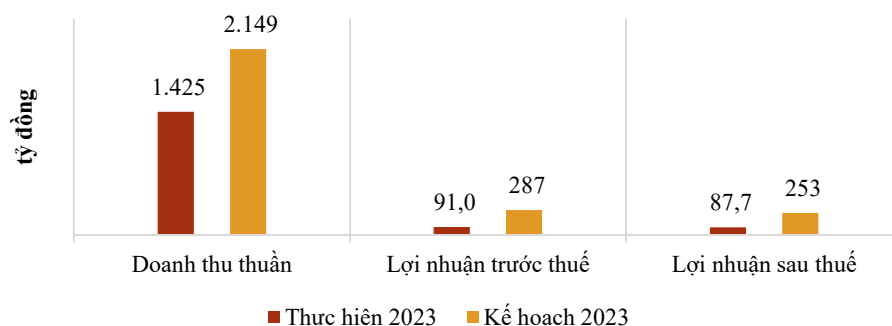
Định hướng chiến lược – kiểm soát/Leading – Supervising

- HĐQT đã xem xét kế hoạch kinh doanh mà Ban điều hành đệ trình và định hướng để Công ty đạt được kế hoạch đã đặt ra.
- Dựa trên bối cảnh kinh doanh và các cuộc họp HĐQT hàng quý, HĐQT cũng chỉ đạo và đưa ra kiến nghị và giải pháp để Ban điều hành xem xét và điều chỉnh phương án kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- HĐQT đã chỉ đạo việc đầu tư góp vốn, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và vốn chủ sở hữu, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.
- HĐQT cũng cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn về môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế vĩ mô để Ban điều hành có cái nhìn sâu rộng, tăng cường tăng phòng vệ, có thời gian và cơ hội để cải thiện yếu tố bất lợi từ thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ quy định khi có 3/7 thành viên HĐQT độc lập.
- Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

8.4.9. Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty

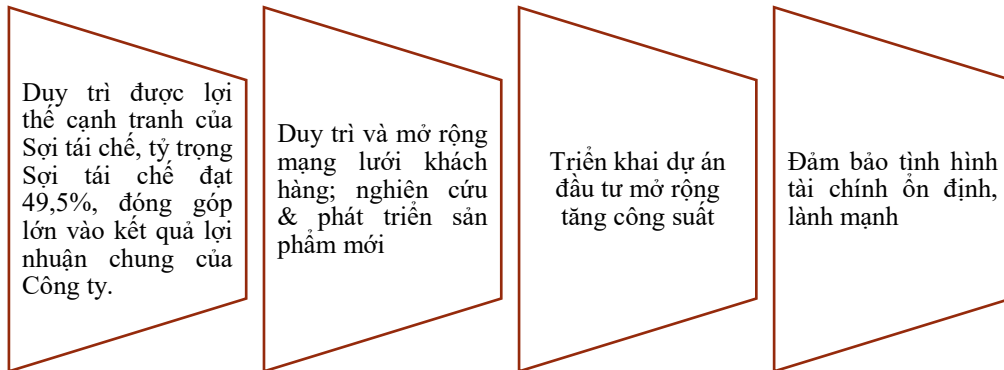
Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2023



Công ty không duy trì đà tăng trưởng trong năm 2023, cụ thể Doanh thu giảm 32,6% so với cùng kỳ 2022, lợi nhuận trước thuế giảm 66,2% và lợi nhuận sau thuế giảm 63,8% so với năm 2022.

Do điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tình hình nhu cầu dệt may sụt giảm trên thế giới, Công ty cũng không đạt được kế hoạch đặt ra cho năm 2023, cụ thể Doanh thu thuần đạt 66,3% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 31,7% và lợi nhuận sau thuế đạt 34,7% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, Công ty cũng đạt được 1 số thành tựu nhất định trong năm 2023:



Bên cạnh đó, Công ty cần phải tập trung nguồn lực để quản lý tốt chất lượng sản xuất và đạt mục tiêu kết quả kinh doanh để duy trì niềm tin với cổ đông, đối tác...; phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán, tình hình tài chính ổn định cho Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

✓ **Phương thức giám sát**

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ.

HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành.

Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

✓ **Kết quả thực hiện**

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của và HĐQT.

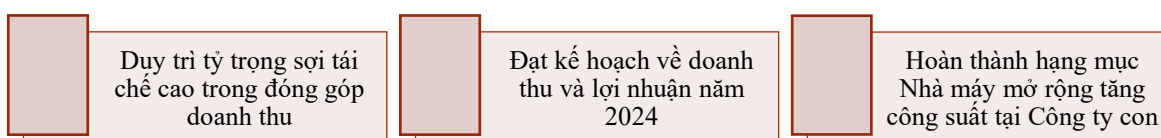
HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2023 chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2024 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.

Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2024



8.4.10. Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội

HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.

Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban điều hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng ban theo mục tiêu chung của Công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban điều hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

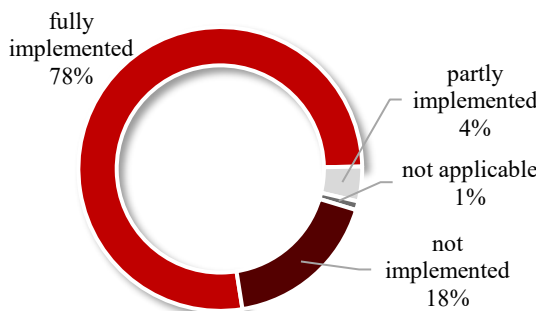
HĐQT giao Ban điều hành và bộ phận Quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

Môi trường	Lao động	Cộng đồng xã hội
<p>HĐQT đánh giá cao Công ty đã có những sáng kiến trong việc bảo vệ môi trường; ngoài việc duy trì tỷ lệ sợi tái chế cao 49,5% trên doanh thu. aCông ty con Unitex đang trong quá trình đàm phán ký kết hợp đồng lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái, giúp góp phần giảm phát thải nhà kính.</p> <p>Công ty đã hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến khâu thành phẩm: phế phẩm lại được tái sản xuất thành nguyên vật liệu.</p> <p>Ngoài ra Công ty còn tái sử dụng ống giấy, các vật liệu đóng gói khác.</p>	<p>Các chế độ thưởng lễ, Tết và hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì đầy đủ và đúng hạn, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động.</p>	<p>Công ty vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước và chi trả đúng hạn cho nhà cung ứng.</p>

8.4.11. Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 20223

Đánh giá theo Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN

Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thế Kỳ đã thực hiện tốt 114/149 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.



Tiêu chí được thực hiện đầy đủ tại STK:

- (1) Đảm bảo các quyền cơ bản của cổ đông;
- (2) Đảm bảo đối xử công bằng với cổ đông;
- (3) Bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan;
- (4) Đảm bảo công bố thông tin minh bạch;
- (5) Đảm bảo thực hiện trách nhiệm của HĐQT;

Tiêu chí cần cải thiện:

- (6) Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
Công ty có Tổng giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, chưa đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

8.5. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2024

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2024.
- Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.
- Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.
- Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.
- Lồng ghép các yếu tố PTBV vào trong quản trị Công ty.

8.6. Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2024

Nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

Hoàn thiện chức năng Kiểm toán nội bộ, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh điều kiện kinh doanh không thuận lợi.

8.7. Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mới

Trong năm 2023 Công ty ký kết được một Hợp đồng tín dụng hợp vốn có kỳ hạn với tổng giá trị 52.5 triệu USD với một nhóm các ngân hàng nước ngoài do CTBC đứng đầu để tài trợ cho dự án mở rộng công suất tại Công ty con. Công ty đang triển khai đợt phát hành riêng lẻ để bổ sung vốn chủ sở hữu cho Công ty.

Xem thêm Mục tình hình đầu tư dự án, trang 101 Báo cáo thường niên năm 2023.

9. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

9.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 (bắt đầu từ ngày 17/04/2018)

	Ông Nguyễn Tự Lực	
	<i>Trưởng Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1952
	Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán
	Quá trình làm việc	2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK. 2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK. 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK. 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á. 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn.
	Bà Hà Kiệt Trân	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1986
	Trình độ học vấn	Thạc sĩ
	Quá trình làm việc	2013 – 2015: Chuyên viên Phòng Đầu Tư – Công ty CP Chứng Khoán Đông Á. 2015 – 2017: Trưởng Bộ phận IB Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư – Ngân hàng TMCP Phương Đông. 2018 – nay: Trưởng Bộ phận Đầu Tư – Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt.
	Bà Đinh Ngọc Hoa	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1979
	Trình độ học vấn	Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ.
	Quá trình làm việc	2005 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK. 2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS năm 2023 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các Công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	0	0.00%		
2	Hà Kiệt Trân	Thành viên BKS	0	0.00%		
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	9	0.00%		

9.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2023 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- ✓ Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
- ✓ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
- ✓ Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
- ✓ Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.

Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

9.2.1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2023	22/02/2023	Thông nhất 100%
2	Thảo luận kế hoạch hoạt động năm 2024	05/05/2023	Thông nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2023	25/07/2023	Thông nhất 100%
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2023	25/10/2023	Thông nhất 100%

9.3. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

9.3.1. Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023

- Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- Nhìn chung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022	Thời gian thực hiện
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%	Ngày 07/2023

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2023	So sánh với thực hiện năm 2022	So sánh với kế hoạch năm 2023
Doanh thu thuần	1.425	-32,6%	66,3%
Lợi nhuận trước thuế	91	-66,2%	31,7%
Lợi nhuận sau thuế	87,8	-63,8%	34,7%

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2022	So sánh (số tuyệt đối)
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,49	2,06	(0,56)
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	1,26	(0,42)
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,63	0,20	0,43
Hệ số Nợ vay/Tổng nguồn vốn	Lần	0,34	0,14	0,20
Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	2,28	3,72	(1,44)
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,56	1,03	(0,47)
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	6,2%	12,8%	(6,6%)
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	6,2%	11,5%	(5,3%)

Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,0%	11,4%	(8,4%)
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,4%	15,7%	(10,3%)

Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của Công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.3.2. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty.

Trong năm 2024, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

9.3.3. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2023, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu thuần vẫn chưa đạt.

9.3.4. Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty niêm yết.
- Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỷ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2023, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

9.3.5. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2023

- Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng

trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo Công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị của Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ nhất của nhiệm kỳ 2023-2028 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

9.3.6. Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2023, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

9.3.7. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2024

Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.

Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

10. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

10.1. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc

những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết

về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý

xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

10.2. Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

Không có.

10.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2023

Vui lòng xem mục **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2023, trang 131 Báo cáo thường niên năm 2023.**

10.4. Giao dịch với đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty và Công ty con của Công ty (Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX) đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 06-2023/NQHĐQT ngày 21/03/2023.

STT	Tên tổ chức	Giấy CNKD/Ngày cấp	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch (VND)
1	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015. Thay đổi lần 4 ngày 08/11/2022	Công ty con	2023	Góp vốn từ Công ty cổ phần Sợi thể kỷ từ điều động vốn cho vay, mượn cho Công ty con.	295.599.000.000

10.5. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành

10.5.1. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	-	-	01/01/2023-31/12/2023
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	150.000.000	(xem phần thù lao của Ban điều hành)		01/01/2023-31/12/2023
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000	-	-	01/01/2023-31/12/2023
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	150.000.000	-	-	01/01/2023-31/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150.000.000			01/01/2023-31/12/2023
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	-	01/01/2023-31/12/2023
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225.000.000	-	-	01/01/2023-31/12/2023
Tổng cộng (VND)			1.200.000.000			

10.5.2. Lương, thưởng và thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000			01/01/2023-31/12/2023
2	Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS	60.000.000			01/01/2023-31/12/2023
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	60.000.000	157.588.325		01/01/2023-31/12/2023
Tổng cộng (VND)			180.000.000	157.5883.25		

10.5.3. Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận (trước thuế)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	(xem mục HĐQT)	1.376.600.000		01/01/2023-31/12/2023
2	Nguyễn Phương Chi	GĐ chiến lược	-	1.419.857.942		01/01/2023-31/12/2023
3	Phan Như Bích	GĐ tài chính	-	836.885.835		01/01/2023-31/12/2023
Tổng cộng (VND)				3.624.343.777		

11. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 35

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 sửa đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

• Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

• Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bà Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Hường Cường	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên
Ông Chen Che Jen	Thành viên
Ông Võ Quang Long	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban	
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên	

• BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính

• NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

• KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

• TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và

lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

• Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

• CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.395.936.217.102	1.199.951.103.248
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	109.476.256.782	235.284.187.347
111	1. Tiền		5.989.452.153	20.784.187.347
112	2. Các khoản tương đương tiền		103.486.804.629	214.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		54.050.637.373	180.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	54.050.637.373	180.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		450.138.868.654	225.986.702.005
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	91.305.667.931	69.400.071.855
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	354.529.855.008	151.583.002.310
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.471.000.000	3.471.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	832.345.715	1.532.627.840
140	IV. Hàng tồn kho	9	615.023.248.456	466.136.524.256
141	1. Hàng tồn kho		621.333.490.652	472.682.334.984
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.310.242.196)	(6.545.810.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		167.247.205.837	92.543.689.640
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.793.026.285	3.067.765.320
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	162.695.833.297	84.182.005.136
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.758.346.255	5.293.919.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.577.922.927.005	925.081.840.609
220	I. Tài sản cố định		642.368.814.999	730.566.913.801
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	642.368.814.999	730.566.913.801
222	Nguyên giá		2.092.008.447.857	2.088.323.320.799
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.449.639.632.858)	(1.357.756.406.998)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.385.298.205)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		783.102.433.377	40.942.507.371
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	783.102.433.377	40.942.507.371
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		13.800.000.000	13.800.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	13.800.000.000	13.800.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		138.651.678.629	139.772.419.437
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	135.708.407.488	136.348.216.385
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.943.271.141	3.424.203.052
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.973.859.144.107	2.125.032.943.857

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	• Số cuối năm	• Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.344.969.752.937	583.942.885.374
310	I. Nợ ngắn hạn		935.575.186.771	583.671.887.207
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	237.754.934.541	219.788.323.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	39.224.518.554	8.783.975.931
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.970.767.020	3.568.641.115
314	4. Phải trả người lao động	17	25.610.480.880	24.626.980.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.954.740.536	6.447.916.477
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.203.790.319	6.659.866.578
320	7. Vay ngắn hạn	20	609.537.812.760	308.095.357.806
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.318.142.161	5.700.824.928
330	II. Nợ dài hạn		409.394.566.166	270.998.167
338	1. Vay dài hạn	20	409.136.361.334	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		258.204.832	270.998.167
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.628.889.391.170	1.541.090.058.483
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.628.889.391.170	1.541.090.058.483
411	1. Vốn cổ phần		966.369.240.000	843.638.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		966.369.240.000	843.638.250.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.824.578.872	40.824.578.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		(42.410.550.000)	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		662.887.111.298	697.818.768.611
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		575.087.778.611	455.544.390.374
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		87.799.332.687	242.274.378.237
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.973.859.144.107	2.125.032.943.857

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	1.425.624.612.200	2.116.780.568.379
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(561.587.822)	(2.248.877.567)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	1.425.063.024.378	2.114.531.690.812
11	4. Giá vốn hàng bán	26	(1.232.981.228.387)	(1.741.237.965.679)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		192.081.795.991	373.293.725.133
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	31.061.416.006	29.340.143.578
22	7. Chi phí tài chính	23	(54.057.483.005)	(48.364.243.092)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(17.335.099.901)	(9.128.352.047)
25	8. Chi phí bán hàng	24, 26	(19.663.775.726)	(19.448.338.303)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(60.439.695.454)	(64.115.797.999)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.982.257.812	270.705.489.317
31	11. Thu nhập khác		2.074.019.048	713.832.657
32	12. Chi phí khác		(54.346.623)	(1.956.678.674)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		2.019.672.425	(1.242.846.017)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.001.930.237	269.462.643.300
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.721.665.639)	(27.549.749.939)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(480.931.911)	361.484.876
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		87.799.332.687	242.274.378.237
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		87.799.332.687	242.274.378.237
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	933	2.882
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	933	2.882

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.001.930.237	269.462.643.300
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	91.883.225.860	106.360.870.108
03	Hoàn nhập dự phòng		(235.568.532)	(12.869.445.268)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		805.777.484	11.564.710.655
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2	(10.689.149.403)	(17.725.426.686)
06	Chi phí lãi vay	23	17.335.099.901	9.128.352.047
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		190.101.315.547	365.921.704.156
09	Tăng các khoản phải thu		(95.441.161.606)	(308.390.925.789)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(148.651.155.668)	18.237.912.671
11	Tăng các khoản phải trả		57.158.656.087	169.333.161.750
12	Giảm chi phí trả trước		914.547.932	61.110.922
13	Tiền lãi vay đã trả		(17.710.432.108)	(8.515.119.480)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(59.110.914)	(24.802.880.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(13.687.340.730)	211.844.963.939
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(949.806.432.497)	(188.651.811.052)
23	Tiền chi gửi tiết kiệm ngân hàng		(54.050.637.373)	(180.000.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		180.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		10.948.211.565	17.114.857.133
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(812.908.858.305)	(351.536.953.919)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	-	142.100.190.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.788.770.227.336	1.057.928.818.066
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.087.984.771.145)	(1.088.272.662.348)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	21.2	-	(102.213.100.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		700.785.456.191	9.543.245.068
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(125.810.742.844)	(130.148.744.912)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		235.284.187.347	366.205.978.093
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.812.279	(773.045.834)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	109.476.256.782	235.284.187.347

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 sửa đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

• Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

• Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 891 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 882).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex (“Unitex”) tiền thân là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|-----------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6

hao và hao mòn

Khấu u

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.587.230	16.586.058
Tiền gửi ngân hàng	5.984.864.923	20.767.601.289
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	103.486.804.629	214.500.000.000
TỔNG CỘNG	109.476.256.782	235.284.187.347

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

• 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình có thời hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất tại 7,8%/năm.

• 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

• 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	30.329.992.959	9.602.862.329
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	17.000.354.250	7.331.860.800
Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương		
Hồng Kông	15.353.899.789	21.883.037.796
Công ty TNHH Chori – Osaka	13.683.713.805	8.798.473.838
Thai Toray Synthetics Co., Ltd.	-	8.902.945.036
Khác	14.937.707.128	12.880.892.056
TỔNG CỘNG	91.305.667.931	69.400.071.855

• 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	298.016.528.971	-
Multicom Machinery Taiwan LTD	50.762.970.184	149.091.159.230
Công ty TNHH Điều hòa Không khí Hồng Dương Việt Nam	2.396.736.000	-
Slack & Parr Co., Ltd	454.651.445	
Công ty TNHH Kỹ thuật VBS	-	880.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trường Hải	-	346.500.000
Oerlikon Barmag Zweigniederlassung	-	277.735.068
Zhangjiagang Shuoxiang International	-	222.402.560
Khác	2.898.968.408	765.205.452
TỔNG CỘNG	354.529.855.008	151.583.002.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• **7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	<u>3.471.000.000</u>	<u>3.471.000.000</u>

Số dư thể hiện cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) vay không lãi theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN – 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và phụ lục mới nhất ký ngày 29 tháng 12 năm 2023 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng.

• **8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi tiền gửi	504.397.615	1.125.222.222
Khác	<u>327.948.100</u>	<u>407.405.618</u>
TỔNG CỘNG	<u>832.345.715</u>	<u>1.532.627.840</u>

• **9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	447.284.438.381	(2.458.780.034)	283.606.536.566	(3.112.425.296)
Nguyên vật liệu	149.533.927.024	(3.851.462.162)	165.479.464.761	(3.433.385.432)
Hàng mua đang đi trên đường	<u>24.515.125.247</u>	<u>-</u>	<u>23.596.333.657</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>621.333.490.652</u>	<u>(6.310.242.196)</u>	<u>472.682.334.984</u>	<u>(6.545.810.728)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(6.545.810.728)	(19.415.255.996)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(174.972.119)	-
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	<u>410.540.651</u>	<u>12.869.445.268</u>
Số cuối năm	<u>(6.310.242.196)</u>	<u>(6.545.810.728)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.592.121.478.104	186.801.490.157	4.791.726.080	2.088.323.320.799
Mua trong năm	-	1.627.627.058	2.057.500.000	-	3.685.127.058
Số cuối năm	304.608.626.458	1.593.749.105.162	188.858.990.157	4.791.726.080	2.092.008.447.857
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	88.291.213.408	592.516.250.722	105.416.508.786	3.838.565.694	790.062.538.610
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(160.147.413.483)	(1.033.583.954.846)	(159.353.174.127)	(4.671.864.542)	(1.357.756.406.998)
Khấu hao trong năm	(9.046.843.996)	(72.620.163.485)	(10.096.356.841)	(119.861.538)	(91.883.225.860)
Số cuối năm	(169.194.257.479)	(1.106.204.118.331)	(169.449.530.968)	(4.791.726.080)	(1.449.639.632.858)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	144.461.212.975	558.537.523.258	27.448.316.030	119.861.538	730.566.913.801
Số cuối năm	135.414.368.979	487.544.986.831	19.409.459.189	-	642.368.814.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>14.385.298.205</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>(14.385.298.205)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u><u>-</u></u>

• 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỔ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nhà máy Unitex (*)	757.817.607.354	29.973.680.699
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	25.223.157.379	10.928.370.930
Khác	<u>61.668.644</u>	<u>40.455.742</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>783.102.433.377</u></u>	<u><u>40.942.507.371</u></u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án nhà máy Unitex thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	<u>13.800.000.000</u>	5	<u>13.800.000.000</u>

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

•
•

• **14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	2.793.026.285	3.067.765.320
Chi phí mua bảo hiểm	1.904.838.455	1.250.123.438
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	489.317.732	944.488.607
Tiền thuê xe trả trước	320.000.000	320.000.000
Khác	78.870.098	553.153.275
Dài hạn	135.708.407.488	136.348.216.385
Tiền thuê đất trả trước (*)	111.709.374.794	112.833.871.240
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.748.154.809	19.921.580.213
Khác	3.250.877.885	3.592.764.932
TỔNG CỘNG	<u>138.501.433.773</u>	<u>139.415.981.705</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một phần tiền thuê đất trả trước trị giá 78.035.144.535 VND của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã Hòa An, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh với diện tích 100.183,13 m² thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (*Thuyết minh số 20*).

• **15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd	117.400.338.000	53.768.088.000
Chori Co., Ltd	62.895.417.000	30.323.800.800
Tainan Spinning Co., Ltd	32.910.848.100	105.308.480.400
Khác	24.548.331.441	30.387.954.622
TỔNG CỘNG	<u>237.754.934.541</u>	<u>219.788.323.822</u>

•
•

• **16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lear Corporation – Kenansville	29.140.194.914	3.681.251.674
Công ty TNHH Chori Việt Nam	2.089.870.242	1.037.528.377
Công ty TNHH Dệt và Nhuộm Hưng Yên	1.073.521.449	-
Khác	6.920.931.949	4.065.195.880
TỔNG CỘNG	<u>39.224.518.554</u>	<u>8.783.975.931</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	775.172.210	4.027.335.333	(4.802.507.543)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.161.983.635	(14.990.681.430)	171.302.205
Thuế thu nhập cá nhân	488.764.403	2.613.998.504	(2.805.082.461)	297.680.446
Thuế giá trị gia tăng	2.304.704.502	252.804.818.704	(252.607.738.837)	2.501.784.369
Khác	-	93.136.290	(93.136.290)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.568.641.115</u>	<u>274.701.272.466</u>	<u>(275.299.146.561)</u>	<u>2.970.767.020</u>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.080.546.040	589.608.398	(4.027.335.333)	1.642.819.105
Thuế xuất nhập khẩu	205.628.626	14.350.140.882	(14.441.345.582)	114.423.926
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	84.182.005.136	397.245.262.685	(318.731.434.524)	162.695.833.297
Khác	7.744.518	977.045.734	(983.687.028)	1.103.224
TỔNG CỘNG	<u>89.475.924.320</u>	<u>413.162.057.699</u>	<u>(338.183.802.467)</u>	<u>164.454.179.552</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí tiện ích	6.733.250.971	4.913.918.642
Chi phí hoa hồng bán hàng	865.656.539	753.799.125
Chi phí lãi vay	355.833.026	780.198.710
• TỔNG CỘNG	<u>7.954.740.536</u>	<u>6.447.916.477</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	2.326.315.136	3.068.865.705
Bảo hiểm xã hội	458.994.129	843.221.735
Cổ tức	327.500.530	327.500.530
Khác	2.090.980.524	2.420.278.608
• TỔNG CỘNG	<u>5.203.790.319</u>	<u>6.659.866.578</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **20. VAY**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Phân loại lại	Số cuối năm
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
Ngắn hạn							VND
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	308.095.357.806	(1.087.984.771.145)	1.210.886.348.875	(1.087.984.771.145)	9.980.877.224	-	440.977.812.760
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	-	-	-	-	(54.713.668)	168.614.713.668	168.560.000.000
Dài hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	-	-	577.883.878.461	-	(132.803.459)	(168.614.713.668)	409.136.361.334
TỔNG CỘNG	308.095.357.806	(1.087.984.771.145)	1.788.770.227.336	(1.087.984.771.145)	9.793.360.097	-	1.018.674.174.094

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay từ các ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động và xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex, chịu lãi suất dao động từ 3,5%/năm đến 7,54%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và dao động từ 2,9%/năm đến 6%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD				
Ngân hàng TNHH CTBC	168.560.000.000	7.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền thuê đất	
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh Hồ Chí Minh	157.779.468.653	-	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	124.710.412.708	5.179.004	Từ ngày 19 tháng 2 năm 2024 đến ngày 27 tháng 4 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp	
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	118.138.781.566	4.906.096	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh

37.463.743.688

-

Từ ngày 8 tháng 4 năm 2024
đến ngày 13 tháng 5 năm 2024

Tài trợ vốn lưu
động

Tin chấp

• **20. VAY** (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD				
Ngân hàng TNHH CTBC	2.370.160.206	98.429		21 tháng 6 năm 2024	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	515.245.939	-		Ngày 13 tháng 3 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	609.537.812.760	17.183.528				

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD				
Ngân hàng TNHH CTBC (*)	577.696.361.334	23.990.713		Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền thuê đất

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả (**)

168.560.000.000

7.000.000

409.136.361.334

16.990.713

(*) Ngân hàng TNHH CTBC là ngân hàng đại lý cho khoản vay hợp vốn của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày
(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá định rằng số dư nợ theo kế hoạch giải ngân dự kiến đủ 52.500.000 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư và phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước:						
Số đầu năm	707.269.440.000	35.093.198.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	557.822.331.374	1.258.993.431.246
Tăng vốn	136.368.810.000	5.731.380.000	-	-	-	142.100.190.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	242.274.378.237	242.274.378.237
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(102.277.941.000)	(102.277.941.000)
Số cuối năm	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483
Năm nay:						
Số đầu năm	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	87.799.332.687	87.799.332.687
Cổ tức bằng cổ phiếu	122.730.990.000	-	-	-	(122.730.990.000)	-
Số cuối năm	966.369.240.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	662.887.111.298	1.628.889.391.170

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

• **21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	843.638.250.000	707.269.440.000
Tăng vốn	<u>122.730.990.000</u>	<u>136.368.810.000</u>
Số cuối năm	<u>966.369.240.000</u>	<u>843.638.250.000</u>
Cổ tức đã công bố	(122.730.990.000)	(102.277.941.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	(102.213.100.650)
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu (*)	(122.730.990.000)	-

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-2023/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 30 tháng 3 năm 2023, và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20-2023/NQHĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2023 thông qua phương án phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 12.273.099 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 25 tháng 7 năm 2023. Vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty đã tăng từ 843.638.250.000 VND lên 966.369.240.000 VND. Việc tăng vốn điều lệ này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302018927 thay đổi lần thứ 21 vào ngày 14 tháng 8 năm 2023.

• **21.3 Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	96.636.924	966.369.240.000	84.363.825	843.638.250.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	96.636.924	966.369.240.000	84.363.825	843.638.250.000
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	84.363.825	843.638.250.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	(2.541.650)	(42.410.550.000)	(2.541.650)	(42.410.550.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	94.095.274	923.958.690.000	81.822.175	801.227.700.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.425.624.612.200	2.116.780.568.379
Trừ:		
Hàng bán bị trả lại	<u>(561.587.822)</u>	<u>(2.248.877.567)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.425.063.024.378</u>	<u>2.114.531.690.812</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.372.266.603	11.614.716.892
Lãi tiền gửi	<u>10.689.149.403</u>	<u>17.725.426.686</u>
TỔNG CỘNG	<u>31.061.416.006</u>	<u>29.340.143.578</u>

• 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.722.383.104	39.235.891.045
Lãi tiền vay	<u>17.335.099.901</u>	<u>9.128.352.047</u>
TỔNG CỘNG	<u>54.057.483.005</u>	<u>48.364.243.092</u>

• 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	7.986.552.183	9.109.582.228
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	7.574.931.856	5.393.435.037
Phí hoa hồng bán hàng	554.678.691	2.344.551.101
Chi phí khác	<u>3.547.612.996</u>	<u>2.600.769.937</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.663.775.726</u>	<u>19.448.338.303</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	31.195.816.130	32.601.644.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.079.570.434	13.781.628.224
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	9.579.378.915	9.527.080.924
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.499.423.578	1.577.509.247
Chi phí khác	6.085.506.397	6.627.934.821
TỔNG CỘNG	<u>60.439.695.454</u>	<u>64.115.797.999</u>

• **26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	855.629.530.014	1.277.763.972.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.842.272.280	247.909.931.827
Chi phí nhân công	113.563.925.627	139.698.790.039
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	91.883.225.860	106.360.870.108
Chi phí khác	37.165.745.786	53.068.537.439
TỔNG CỘNG	<u>1.313.084.699.567</u>	<u>1.824.802.101.981</u>

• **27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
 - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
 - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
 - Thu nhập từ sản phẩm POY giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

• **27.1 Chi phí thuế TNDN**

•
•

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.936.938.896	28.516.255.103
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	<u>(3.215.273.257)</u>	<u>(966.505.164)</u>
	2.721.665.639	27.549.749.939
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>480.931.911</u>	<u>(361.484.876)</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.202.597.550</u>	<u>27.188.265.063</u>

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>91.001.930.237</u>	<u>269.462.643.300</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	18.200.386.047	53.892.528.660
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	1.547.561.822	890.040.642
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(19.346.270.333)	(28.330.081.489)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	<u>(3.215.273.257)</u>	<u>(966.505.164)</u>
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.358.258.602	943.595.911
Lỗi thuế chưa ghi nhận Thuế TNDN hoãn lại	<u>657.934.669</u>	<u>758.686.503</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>3.202.597.550</u>	<u>27.188.265.063</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

• **27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>				
Chi phí phải trả	2.019.826.977	2.361.618.377	(341.791.400)	(263.447.108)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	877.123.667	950.483.191	(73.359.524)	613.332.278
Chênh lệch tỷ giá	2.421.631	66.600.232	(64.178.601)	11.984.379
Trợ cấp thôi việc phải trả	43.898.866	45.501.252	(1.602.386)	(384.673)
	<u>2.943.271.141</u>	<u>3.424.203.052</u>		
<i>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>			<u>(480.931.911)</u>	<u>361.484.876</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

• **28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.517.600.000	1.460.900.000
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	150.000.000	225.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên BKS đến ngày 30 tháng 3 năm 2023	-	60.000.000
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 3 năm 2023	60.000.000	-
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	167.748.325	352.272.489
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.419.857.942	1.451.556.387
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	836.885.835	864.751.531
TỔNG CỘNG		<u>5.112.092.102</u>	<u>5.374.480.407</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	87.799.332.687	242.274.378.237
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	94.095.274	84.064.841
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	933	2.882
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	933	2.882

- (i) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành 12.273.099 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức năm 2022 vào ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.961.680.720	769.388.400
Từ 1 đến 5 năm	2.364.405.800	2.420.769.251
Trên 5 năm	8.884.960.020	12.350.772.653
TỔNG CỘNG	<u>13.211.046.540</u>	<u>15.540.930.304</u>

31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	74.162	112.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

32. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu (“các Công ty EY”) phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phí soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	310.000.000	280.000.000
Phí kiểm toán vốn cổ phần phát hành	-	30.000.000
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con	50.000.000	-
Phí soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt 2022 của Nhóm Công ty	90.000.000	-
Phí soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt 2023 của Nhóm Công ty	100.000.000	-
TỔNG CỘNG	550.000.000	310.000.000

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024